BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: THẠC SĨ

Ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 8340101

Hà Nội - 2024

MỤC LỤC

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 3
PHẦN I. MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO 3
1.1. Giới thiệu khái quát về Nhà trường 3
1.2. Giới thiệu khái quát về Khoa Quản trị và Marketing 9
PHẦN II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 10
2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực và nhu cầu nguồn nhân lực của ngành, địa phương, vùng, quốc gia 10
2.2. Sự phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường 12
2.3. Phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh 14
PHẦN III. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 18
3.1. Mục tiêu đào tạo 19
3.2. Chuẩn đầu ra 19
3.3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo 21
3.4. Khối lượng kiến thức toàn khoá 21
3.5. Đối tượng tuyển sinh: 22
3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp 23
3.7. Cách thức đánh giá: 23
3.8. Nội dung chương trình 24
3.9. Hướng dẫn thực hiện 39
3.10. Kế hoạch giảng dạy dự kiến 40
3.11. Kế hoạch đào tạo toàn khóa dự kiến 43
PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 45
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu 45
4.2. Danh sách giảng viên vận hành, giảng dạy chương trình đào tạo 57
4.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa 62
4.4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo 63
4.5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo 84
PHẦN V. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 112

5.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo trình độ đại học 112
5.2. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo 113
5.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo 122
PHẦN VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 179
6.1. Bộ máy quản lý cấp Khoa 179
6.2. Bộ môn quản lý chuyên môn 180
PHẦN VII. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 180
7.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý 180
7.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo 181
7.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học 181
PHẦN VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 182
8.1. Rủi ro trong mở ngành đào tạo 182
8.2. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro 184
PHẦN IX. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN 184

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành	**:**	**Quản trị kinh doanh**
Mã số	**:**	**8340101**
Định hướng đào tạo	**:**	**Ứng dụng**
Trình độ đào tạo	**:**	**Thạc sĩ**

PHẦN I. MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu khái quát về Nhà trường

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là trường công lập thuộc Bộ Công Thương, được thành lập theo Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I (tiền thân là Trường Trung cấp kỹ thuật III ra đời từ năm 1956). Nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Quyết định số 618/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017.

1.1.1. Thông tin chung về nhà trường

1) Tên Trường

- Tiếng Việt: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
- Tiếng Anh: University of Economics – Technology for Industries

2) Tên viết tắt của Trường

- Tiếng Việt: ĐHKT-KTCN
- Tiếng Anh: UNETI

3) Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương

4) Địa chỉ trường: Trường có hai cơ sở đào tạo

- Cơ sở Hà Nội: + Số 456 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
  + Số 218, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Cơ sở Nam Định: + Số 353, Trần Hưng Đạo, TP Nam Định.
  + Mỹ Xá, TP Nam Định.

5) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: (024)38621504 Fax: (024) 38623938;

- Email: web@uneti.edu.vn; Website: www.uneti.edu.vn

6) Năm thành lập trường: 2007

7) Thời gian bắt đầu đào tạo:

Đại học chính quy khoá 1: 9/2007; Đại học chính quy khoá 2: 9/2008; Đại học chính quy khoá 3: 9/2009; Đại học chính quy khoá 4: 9/2010; Đại học chính quy khoá 5: 9/2011; Đại học chính quy khoá 6: 9/2012; Đại học chính quy khoá 7: 9/2013; Đại học chính quy khoá 8: 9/2014; Đại học chính quy khoá 9: 9/2015; Đại học chính quy khoá 10: 9/2016; Đại học chính quy khoá 11: 9/2017; Đại học chính quy khoá 12: 9/2018; Đại học chính quy khoá 13: 9/2019; Đại học chính quy khoá 14: 9/2020; Đại học chính quy khoá 15: 9/2021; Đại học chính quy khoá 16: 9/2022; Đại học chính quy khoá 17: 9/2023

8) Thời gian cấp bằng tốt nghiệp:

Đại học chính quy khoá 1: 7/2011; khoá 2: 7/2012; khoá 3: 7/2013, khoá 4: 7/2014; khoá 5: 7/2015, khoá 6: 7/2016, khoá 7: 7/2017, khoá 8: 7/2018, khoá 9: 7/2019, khoá 10: 7/2020, khoá 11: 7/2021, khoá 12: 7/2022, khoá 13: 7/2023.

9) Loại hình trường đào tạo: Công lập

Quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (tên tiếng Anh là University of Economics - Technology for Industries) là đơn vị giáo dục đào tạo trực thuộc Bộ Công Thương, có tiền thân là Trường Trung cấp kỹ thuật III thành lập năm 1956, sau đó được nâng cấp lên đại học tại Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I.

Với sứ mạng: Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ; thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước. Qua hơn 65 năm xây dựng và trưởng thành, trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã trở thành một trong những trường trọng điểm của Bộ Công Thương, đã và đang đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa nghề, đa bậc học, cung cấp nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực Bộ quản lý.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được xây dựng theo qui định của Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), điều lệ trường đại học, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, bao gồm 09 phòng (ban), 15 khoa, 06 trung tâm và được vận hành theo kiểu trực tuyến - chức năng. Lực lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên được phát triển không ngừng cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường là 767 người, với cơ cấu theo thâm niên công tác và độ tuổi hợp lý, được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quy định đối với trường đại học.

Hiện nay, Trường đang đào tạo 04 ngành trình độ thạc sĩ, 24 ngành ở trình độ đại học hệ chính quy, trong đó có ngành QTKD.

Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng căn cứ trên các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, chuyên gia, các tổ chức nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp. CTĐT định kỳ được điều chỉnh bổ sung theo chuẩn đầu ra để phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước, 100% CTĐT được thực hiện dưới hình thức học chế tín chỉ.

Cơ sở vật chất của Nhà trường hiện nay bao gồm 4 địa điểm làm việc, giảng dạy, thực hành/thực tập với tổng diện tích xấp xỉ 29 ha; trong đó có 328 phòng học với tỷ lệ 2,92m^2/1SV, 60 phòng thực hành/thí nghiệm. Trường tích cực đầu tư kinh phí để trang bị các thiết bị tại các phòng thực hành với các loại máy móc hiện đại; hệ thống máy tính của trường đã được nối mạng ADSL, wireless đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lý điều hành.

Thư viện nhà trường được bố trí tại 03 cơ sở với 9.377 đầu tài liệu tương đương 51.916 bản (bao gồm giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng việt, sách tiếng nước ngoài...) trên tổng diện tích 3.700m^2, bố trí 700 chỗ ngồi cho người đọc, số lượng máy tính phục vụ tra cứu là 20 máy được kết nối internet và thư viện điện tử với các đơn vị khác. Vì vậy nguồn tài liệu đảm bảo cho cán bộ, giảng viên, sinh viên khai thác để phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Nhà trường đã đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội được 13 khóa đại học, 26 khóa cao đẳng hệ chính quy. Trong vòng 05 năm trở lại đây Nhà trường đã đào tạo được 23.530 người học. Hiện tại, số SV đang theo học tại trường là trên 16.756 người, trong đó sinh viên đại học chính quy chiếm tỷ trọng lớn.

Ngày 08 tháng 05 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 618/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp với mục tiêu: phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thành trường đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm bảo đảm các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo có cơ hội học tập tại Trường. Đây chính là cơ hội quan trọng để Trường có điều kiện tiếp tục nâng cấp chất lượng, mở rộng quy mô, phát triển đào tạo trình độ cao theo định hướng nhu cầu xã hội, từ đó hoàn thành sứ mạng của mình, vươn lên thành một trong những cơ sở đào tạo trọng điểm của cả nước.

1.1.2. Các kết quả trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

1) Thành tựu trong hoạt động đào tạo

Trường đang đào tạo 24 CTĐT bậc đại học, 04 CTĐT bậc thạc sỹ. Trường đã cung cấp cho thị trường lao động cử nhân khối ngành kinh tế (Quản trị kinh doanh, Marketing, Kế toán, Kinh doanh thương mại, Tài chính ngân hàng...) và khối ngành kỹ thuật (CNKT Cơ khí, CNKT Điện, Điện tử, Công nghệ thực phẩm, Điện tử viễn thông, Điều khiển và tự động hóa, vv…). Thương hiệu của Nhà trường luôn được giữ vững và ngày càng được nâng cao, kết quả tuyển sinh luôn đạt chỉ tiêu cho phép và đến nay nguồn tuyển sinh vẫn

đang rất dồi dào. Quy mô của Trường hiện nay trên 16.756 SV. Trường luôn coi trọng công tác xây dựng chương trình, giáo trình và đề cương bài giảng để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

Trường có quan hệ với các nước phát triển như Úc, Đài Loan, Hàn Quốc, vv... và các nước trong khối ASEAN như Lào, vv... Thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đưa mối quan hệ với các đối tác quốc tế hiện có đi vào chiều sâu và mở rộng với các đối tác mới, như: Trường Đại học Western Sydney của Australia, Trường Đại học KHCN (NTUST), đại học FengChia, ĐHQG Hanbat Hàn Quốc, đại học TaYeh, học viện Lee Ming của Đài Loan; Trường Đại học quốc gia Lào, Trường Đại học Công nghệ thực phẩm Plovdiv của Bulgaria… Đặc biệt, Nhà trường đã tham gia và là thành viên chính thức của Hiệp hội Quốc tế các trường đại học về KHCN thực phẩm có trụ sở đặt tại Plovdiv Bulgaria, gồm 18 trường đại học từ các nước Pháp, Đức; Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Bulgaria; vv… với mục đích hợp tác và trao đổi về NCKH, hỗ trợ lẫn nhau về các CTĐT tiên tiến và hướng vào việc mở các lớp chất lượng cao trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi.

2) Về đội ngũ giảng viên

Tính đến thời điểm hiện nay, Nhà trường có 767 giảng viên cơ hữu và toàn thời gian; trong đó có 03 GS; 24 PGS (chiếm 3,5%); Tiến sĩ: 87 người (chiếm 11,3%); Thạc sĩ: 518 người (chiếm 67,5%) còn lại là GV đang học Cao học. Ngoài ra, cũng có 120 PGS, TS, ThS và kỹ sư có kinh nghiệm của các trường đại học, các viện và doanh nghiệp tham gia thỉnh giảng. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các Hội đồng tư vấn, Hội đồng nghiệm thu cấp Sở, Bộ, Nhà nước.

3) Thành tựu trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Cùng với công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Nhà trường luôn quan tâm khuyến khích công tác nghiên cứu khoa học trong toàn thể Cán bộ, giảng viên và sinh viên. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được tăng theo từng năm và ngày càng có chất lượng hiệu quả, kết quả thống kê ở bảng 1.1 và bảng 1.2 dưới đây.

Bảng 1.1: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong 5 năm gần đây của Nhà trường

STT	Phân loại đề tài	Số lượng				
		2019	2020	2021	2022	2023
1	Đề tài cấp Nhà nước	-	-	-	-	1
2	Đề tài cấp Bộ và tương đương	3	-	1	4	1+1*
3	Đề tài cấp trường	54	50	81	122	97

4	Tổng	57	50	84	126	100

(*) Đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Sở, cấp trường năm 2023 đang thực hiện

Số lượng các công trình NCKH của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được công bố trong 5 năm gần đây được tổng hợp trong bảng 1.2 dưới đây.

Bảng 1.2: Số lượng các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong 5 năm gần đây của Nhà trường

STT	Loại tạp chí	Số lượng				
		2019	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**
1	Tạp chí KH quốc tế: (Trong đó có ngành Quản trị kinh doanh)	68 (7)	127 (15)	78 (2)	70 (3)	54 (4)
2	Tạp chí KH Ngành trong nước: (Trong đó có ngành Quản trị kinh doanh)	267 (105)	251 (69)	297 (83)	262 (62)	451 (67)
3	Tạp chí/tập san cấp trường (Trong đó có ngành Quản trị kinh doanh)					
4	Tổng: (Trong đó có ngành Quản trị kinh doanh)	344 (112)	378 (84)	375 (85)	332 (65)	505 (71)

1.1.3. Các cấp học và trình độ đào tạo của nhà trường hiện tại

Các ngành được đào tạo ở các cấp trình độ được thống kê từ bảng 1.3, bảng 1.4 dưới đây:

Bảng 1.3: Các ngành/chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ

STT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
1	8540101	Công nghệ thực phẩm	
2	8520201	Kỹ thuật Điện	
3	8340301	Kế toán	
4	8520103	Kỹ thuật cơ khí	

Bảng 1.4: Các ngành đào tạo Đại học

STT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
1	7540202	Công nghệ sợi, dệt	
2	7540204	Công nghệ dệt, may	
3	7540101	Công nghệ thực phẩm	
4	7480201	Công nghệ thông tin	
5	7510303	CNKT điều khiển và TĐH	
6	7510301	CNKT điện, điện tử	
7	7510302	CNKT điện tử - viễn thông	
8	7510201	CNKT cơ khí	
9	7340301	Kế toán	
10	7340101	Quản trị kinh doanh	
11	7340201	Tài chính - Ngân hàng	
12	7340121	Kinh doanh thương mại	
13	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
14	7510203	CNKT cơ điện tử	
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	
16	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
17	7340204	Bảo hiểm	
18	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
19	7460108	Khoa học dữ liệu	
20	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	
21	7340115	Marketing	
22	7510605	Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng	
23	7340302	Kiểm toán	
24	7810201	Quản trị khách sạn	

1.1.4. Các danh hiệu đã đạt được

Với các nỗ lực không ngừng nghỉ, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã được Đảng, Nhà nước và các cấp bộ, ngành ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:

- Huân chương Hồ Chí Minh (2016)

- 02 Huân chương Độc lập hạng Nhất (2011; 2005), 01 hạng Nhì (2001), 01 hạng Ba (1996), 2 Huân chương Lao động hạng Nhất (1985, 1992) 01 hạng Nhì (1981) và 02 hạng Ba (1960, 1962).

- Huân chương Tự do hạng Nhất của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (1981) và rất nhiều cờ thưởng, bằng khen của các cấp, các ngành…

- Công đoàn Trường đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (2005); Đoàn Thanh niên được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì (2004) và hạng Ba (1999).

1.2. Giới thiệu khái quát về Khoa Quản trị và Marketing

Khoa Quản trị và Marketing tiền thân là Ban Kinh tế của Trường Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Nam Định, được thành lập từ năm 1986. Sau các giai đoạn nâng cấp và đổi tên, Khoa Quản trị và Marketing được thành lập, trực thuộc Trường ĐHKT-KTCN theo Quyết định số 274/QĐ-ĐH KT-KT CN ngày 14 tháng 5 năm 2012.

Về cơ sở vật chất: Hiện tại văn phòng khoa đang đóng tại 2 cơ sở: Phòng 307 HA11 tại 218 Lĩnh Nam Quận Hoàng Mai Thành phố Hà Nội và phòng 602 NA2 số 353 Trần Hưng Đạo Thành Phố Nam Định. Với tổng diện tích văn phòng khoa khoảng 294m^2 và 5 phòng thực hành dành riêng cho Khoa xấp xỉ 450m^2; còn lại khoa dùng chung giảng đường, thư viện, phòng máy tính, phòng học…

Về mục tiêu: Để triển khai sứ mạng của Trường, Khoa Quản trị và Marketing đã xác định mục tiêu của khoa là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Quản trị và Marketing, phát triển năng lực học tập, nghiên cứu. Tính đến 1/1/2024 Khoa Quản trị và Marketing đào tạo 2 CTĐT, và hiện có 2 025 SV đang theo học ngành QTKD.

Về quy mô: Hiện tại của ngành QTKD với lưu lượng khoảng 600 SV/năm. Tổng số GV cơ hữu tính đến 01/01/2024 là 50 giảng viên trong đó 03 PGS, 04 Tiến sỹ, 43 thạc sỹ. Ngoài ra, Khoa có GV kiêm nhiệm là 05, trong đó có 01 Tiến sỹ. Đội ngũ thỉnh giảng của Khoa là các GV có học hàm/học vị GS, PGS, tiến sỹ, thạc sỹ.

Về NCKH: Từ 1/6/2015 đến 01/01/2024 Khoa đã thực hiện 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, 24 đề tài cấp cơ sở và đã có công bố đã qui đổi là 517 bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế, đã xuất bản 3 giáo trình, hơn 30 tài liệu học tập, tổ chức gần 30 hội thảo khoa học theo nhiều nội dung khác nhau liên quan đến hoạt động đào tạo và NCKH ngành QTKD. Bên cạnh đó khoa luôn coi trọng công tác tổ chức hướng dẫn SV tham gia NCKH.

Về hợp tác quốc tế: Khoa tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại

học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp và Trường Đại học Bách khoa Hàn Quốc phối hợp thực hiện. Tháng 6 năm 2019 Khoa cử 08 SV tham gia chương trình trao đổi văn hoá Việt Hàn học tập tiếng Hàn Quốc. Trong năm 2021 có đại diện của Khoa Quản trị kinh doanh tham dự Diễn đàn giáo dục Việt Nam - Đài Loan trực tuyến trên Zoom vào tháng 06/2021, tham dự các Hội thảo, trao đổi trực tuyến các kế hoạch hợp tác trong tương lai với các đối tác đến từ Hàn Quốc, Đài Loan.

Về hoạt động ĐBCL đào tạo: Sau khi hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2, căn cứ những điểm mạnh và điểm tồn tại được ghi trong Báo cáo tự đánh giá của Trường và các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, Khoa Quản trị và Marketing đã rà soát lại CTĐT ngành QTKD. Theo đó, từ 174 tín chỉ xuống 136 tín chỉ (chưa bao gồm 8 TC giáo dục quốc phòng và 4 TC giáo dục thể chất), tăng thời lượng các học phần Thực tập: Thực tập Quản trị tài chính; Thực tập mô phỏng chiến lược; Thực tập Quản trị sản xuất; Thực tập quản trị bán hàng, Thực tập quản trị nhân lực để tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề cho SV ngành Quản trị và Marketing. Bên cạnh đó giảm bớt thời lượng các học phần lý thuyết có nội dung trùng lặp, thực hiện ghép các học phần có nội dung trùng lặp như Quản trị rủi ro ghép vào quản trị dự án, cập nhật đề cương chi tiết các học phần các kiến thức mới, sách tham khảo nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Về phương pháp kiểm tra, đánh giá: Từ học kì 1 năm học 2018-2019 nhà trường đã triển khai xác định điều kiện dự thi dựa trên tỷ lệ % thời gian người học tham gia học tập trên lớp với tất cả các học phần lý thuyết và thực hành thực tập.

Về cơ cấu tổ chức: Ban chủ nhiệm khoa gồm có 2 người: 01 Trưởng khoa; 01 phó trưởng khoa. Hiện tại Khoa có 2 Bộ môn là: Bộ môn Quản trị và Bộ môn Marketing.

Khoa Quản trị và Marketing đang ngày càng trở thành một địa chỉ tin cậy, được xã hội quan tâm và trở thành khoa luôn nhận được sự lựa chọn cao nhất của các thí sinh khi đăng ký thi vào trường. Nhiều SV sau khi tốt nghiệp đã thành đạt và trở thành những cán bộ chủ chốt của các cơ quan, doanh nghiệp trên khắp mọi miền Tổ quốc.

PHẦN II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực và nhu cầu nguồn nhân lực của ngành, địa phương, vùng, quốc gia

- Một là, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh

Ngành Quản trị kinh doanh được các chuyên gia đánh giá là một trong những ngành tiếp tục có triển vọng phát triển trong những năm sắp tới. Sở dĩ ngành Quản trị kinh doanh có sức thu hút với nhiều người chính là vì cơ hội việc làm luôn rộng mở và ổn định với mức thu nhập hấp dẫn. Có thể nói, chưa bao giờ số lượng doanh nghiệp ở Việt Nam phát triển mạnh như hiện nay. Tính đến năm 2023, trên phạm vi cả nước có khoảng 895 876 doanh nghiệp đang hoạt động, dự kiến sẽ đạt 1,3 – 1,5 triệu doanh nghiệp

trong năm 2025. Thị trường doanh nghiệp hiện nay hoạt động hơn 80% là các doanh nghiệp thương mại. Vì vậy, số lượng doanh nghiệp tuyển dụng nhân viên yêu cầu tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh luôn đứng đầu bảng tuyển dụng của các website việc làm. Nhân sự trong lĩnh vực kinh doanh/bán hàng; marketing/truyền thông/quảng cáo được các nhà tuyển dụng săn đón nhiều nhất trong năm 2023. Tuy nhiên, theo báo cáo thị trường việc làm, Kinh doanh chính là nhóm ngành thứ 2 trong top 10 lĩnh vực có tỷ lệ thiếu hụt nhân sự cao nhất.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên của cách mạng công nghệ số và xu hướng hội nhập quốc tế sâu rộng tạo ra những thay đổi nhanh chóng ở tất cả các mặt kinh tế - chính trị - xã hội. Lúc này, nhu cầu nhân lực Quản trị kinh doanh không chỉ dừng lại ở số lượng mà điều các doanh nghiệp quan tâm hơn hết chính là có được đội ngũ lao động chất lượng cao, nắm vững chuyên môn, thành tạo các kỹ năng mềm và vận dụng linh hoạt vào thực tiễn giải quyết được các vấn đề phức tạp hơn, khó khăn hơn.

Thực tế cho thấy, khả năng cạnh tranh của nhân lực ngành Quản trị kinh doanh tại Việt Nam hiện nay trên thị trường lao động trong nước và quốc tế còn hạn chế. Thực trạng này xuất phát từ việc thiếu hụt nguồn nhân lực Quản trị kinh doanh có chất lượng cao. Trong khi đó, nhu cầu của xã hội về nhân lực có trình độ cao để làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, các Tập đoàn, Tổng công ty,vv…là tương đối lớn. Để đáp ứng yêu cầu công việc, sau khi tuyển dụng, doanh nghiệp phải mất thời gian và chi phí để đào tạo lại. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh chất lượng cao đang là đòi hỏi cấp thiết đối với rất nhiều doanh nghiệp hiện nay.

- Hai là, phù hợp với sự phát triển của đào tạo Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Việt Nam

Chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh là hình thức đào tạo cho các đối tượng đã tốt nghiệp đại học với mục tiêu giúp các học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức vốn có. Qua đó, học viên sẽ tích lũy được nhiều kinh nghiệm phục vụ tốt công tác chuyên môn và rộng mở cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp. Đáp ứng yêu cầu đó, tại thành phố Hà Nội hiện có khoảng 20 trường Đại học đang đào tạo chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; hàng năm cung cấp nguồn nhân lực Quản trị kinh doanh chất lượng cao cho xã hội. Các trường Đại học tại Hà Nội nói riêng và trong cả nước nói chung đang không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo nhằm khẳng định vị thế và tăng khả năng cạnh tranh. Bên cạnh các trường Đại học Việt Nam có chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh thì một số trường Đại học nước ngoài ở Việt Nam cũng có chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh hoặc liên kết đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Có thể thấy rằng, trong nhiều năm trở lại đây, đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Việt Nam phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cũng phải chuyển mình để không nằm ngoài xu thế đó.

- Ba là, phù hợp với nhu cầu tiếp tục học chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh

Thực tế tuyển sinh những năm gần đây đã chứng minh, ngành Quản trị kinh doanh luôn là một trong những ngành hấp dẫn nhất đối với các thí sinh ngay cả khi hàng loạt các ngành học mới liên tục ra đời bởi sự cần thiết và nhu cầu ngày một tăng của thị trường lao động. Theo thống kê 3 năm gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quản trị kinh doanh là ngành chiếm thứ hạng cao nhất về số lượng hồ sơ đăng ký của thí sinh: trên 10% hồ sơ đăng ký mỗi năm. Không nằm ngoài xu hướng đó, ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp luôn có số lượng thí sinh đăng ký đông nhất trong các năm vừa qua. Theo đó, Trường đã đào tạo ra hàng nghìn cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh cung cấp cho thị trường lao động. Các cử nhân sau khi tốt nghiệp đã nhanh chóng có việc làm đúng chuyên môn đào tạo đáp ứng tốt nhiệm vụ và được các doanh nghiệp đánh giá cao. Tuy nhiên, trước bối cảnh phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế; cũng như trước những đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng, lao động ngành Quản trị kinh doanh phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ nhằm đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế. Bên cạnh đó, việc học Thạc sĩ Quản trị kinh doanh còn giúp người học có thêm cơ hội thăng tiến thuận lợi và thành công hơn trong công việc cũng như trong NCKH và là tiền đề, điều kiện để tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ. Hầu hết SV và cựu SV Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đều nhận thấy rằng việc học tập nâng cao trình độ là vô cùng cần thiết, quan trọng. Qua kết quả khảo sát cũng cho thấy, tỷ lệ sinh viên và cựu sinh viên được khảo sát nguyện vọng học Thạc sĩ Quản trị kinh doanh là tương đối cao. Mặt khác, hàng năm Khoa Quản trị và Marketing của nhà trường có hơn 1.000 SV chuyên ngành Quản trị kinh doanh tốt nghiệp, bản thân các SV cũng có nhu cầu học tập nâng cao trình độ tại chính trường Đại học mà các em đã theo học vì các em đã quen với chương trình đào tạo, giảng viên cũng như cơ sở vật chất của Nhà trường. Chính vì vậy, nguyện vọng học tập, nâng cao trình độ của bản thân các SV và lao động ngành Quản trị kinh doanh ngày càng phát triển mạnh mẽ.

2.2. Sự phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường

- Một là, phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển của Nhà trường

Sứ mạng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được khẳng định trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2020- 2025, tầm nhìn 2030 đó là "Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ; thực hiện các chức năng giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước".

Trong giai đoạn này, để phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng Sông Hồng và chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030, Nhà trường đã không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy ở các bậc Đại học và Cao đẳng; đồng thời mở thêm các ngành đào tạo Thạc sĩ điển hình như Nhà trường hiện đang tiến hành đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Thực phẩm,

Thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện, Thạc sĩ ngành Kế toán và Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Cơ khí. Việc mở thêm các ngành đào tạo Thạc sĩ giúp Nhà trường ngày càng nâng cao vị thế trên bản đồ các trường Đại học ở Việt Nam từ đó giúp Nhà trường không ngừng phát triển, nâng tầm thương hiệu.

- Hai là, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và điều kiện thực tiễn của Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Với tầm nhìn đào tạo, nghiên cứu ứng dụng dựa theo tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, khu vực và quốc tế, trên nền tảng tri thức chuyên sâu về kinh tế nói chung và Quản trị kinh doanh nói riêng theo hướng ứng dụng, góp phần cung cấp nguồn nhân lực Quản trị kinh doanh chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội góp phần vào sự phát triển bền vững của Việt Nam. Đồng thời, tạo môi trường thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng, phát triển tài năng trong các lĩnh vực Quản trị kinh doanh, nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu thiết thực cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội. Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp luôn không ngừng xây dựng và phát triển chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.

Với bề dày lịch sử 38 năm hình thành và phát triển cùng 17 năm đào tạo đại học, Khoa Quản trị và Marketing đã phát triển nhanh chóng và khá toàn diện về cả đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và công tác quản lý. Với đội ngũ 50 GV cơ hữu trong đó số GV có trình độ PGS là 3 người chiếm 6%, trình độ TS là 4 người chiếm 8% cùng cơ sở vật chất và năng lực quản lý, Khoa Quản trị và Marketing hoàn toàn có thể đáp ứng một cách tốt nhất trong việc đào tạo trình độ Thạc sĩ. Như vậy, có thể nói việc đào tạo chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh là phù hợp với khả năng cũng như phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Bên cạnh đó, Nhà trường có 2 cơ sở đào tạo ở Nam Định và Hà Nội. Hiện tại, ở các khu vực lân cận Nam Định có rất ít trường nào đào tạo Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, do đó rất cần thiết có 1 cơ sở đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại đây để đáp ứng nhu cầu học tập tại khu vực này.

Xuất phát từ thực tế đó, việc đề xuất mở ngành đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh đối với khoa Quản trị và Marketing của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp theo định hướng ứng dụng là cần thiết nhằm giúp học viên có đủ phẩm chất chính trị vững vàng, nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh, có đủ trình độ tiếng Anh để sử dụng khi nghiên cứu và làm việc tại các doanh nghiệp.

2.3. Phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh

Để phục vụ cho việc mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Khoa Quản trị & Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã tiến hành khảo sát để phân tích đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh của các đơn vị sử dụng lao động, các chuyên gia; nhu cầu học tập nâng cao trình độ của sinh viên, cựu sinh viên và ý kiến của các giảng viên Khoa Quản trị & Marketing của Nhà trường về sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

- Mục tiêu khảo sát: Nhận biết thực trạng về nguồn nhân lực quản trị kinh doanh tại các đơn vị được khảo sát, nhu cầu tuyển dụng đối với lao động trình độ Thạc sĩ quản trị kinh doanh về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu đối với vị trí việc làm tại đơn vị; nhu cầu học tập nâng cao trình độ của sinh viên, cựu sinh viên; đánh giá sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

- Đối tượng khảo sát: Đại diện các đơn vị sử dụng lao động, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, sinh viên năm cuối, cựu sinh viên Khoa Quản trị & Marketing; các giảng viên khoa Quản trị & Marketing Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Phương pháp khảo sát: Phiếu khảo sát được thiết kế với nội dung các câu hỏi phù hợp với mục đích khảo sát của từng đối tượng. Phiếu khảo sát sau khi được gửi đến các đối tượng khảo sát sẽ được thu về và kiểm tra tính hợp lệ; sau đó tiến hành tổng hợp và phân tích thông tin thu được.

- Hình thức khảo sát: Khảo sát bằng hình thức khảo sát online qua Google form.

- Số lượng phiếu khảo sát: 520 Thu về 500 phiếu khảo sát hợp lệ. Trong đó có 111 phiếu khảo sát cho đối tượng doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chuyên gia, giảng viên và 389 phiếu khảo sát sinh viên năm cuối và cựu sinh viên của Khoa Quản trị & Marketing Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

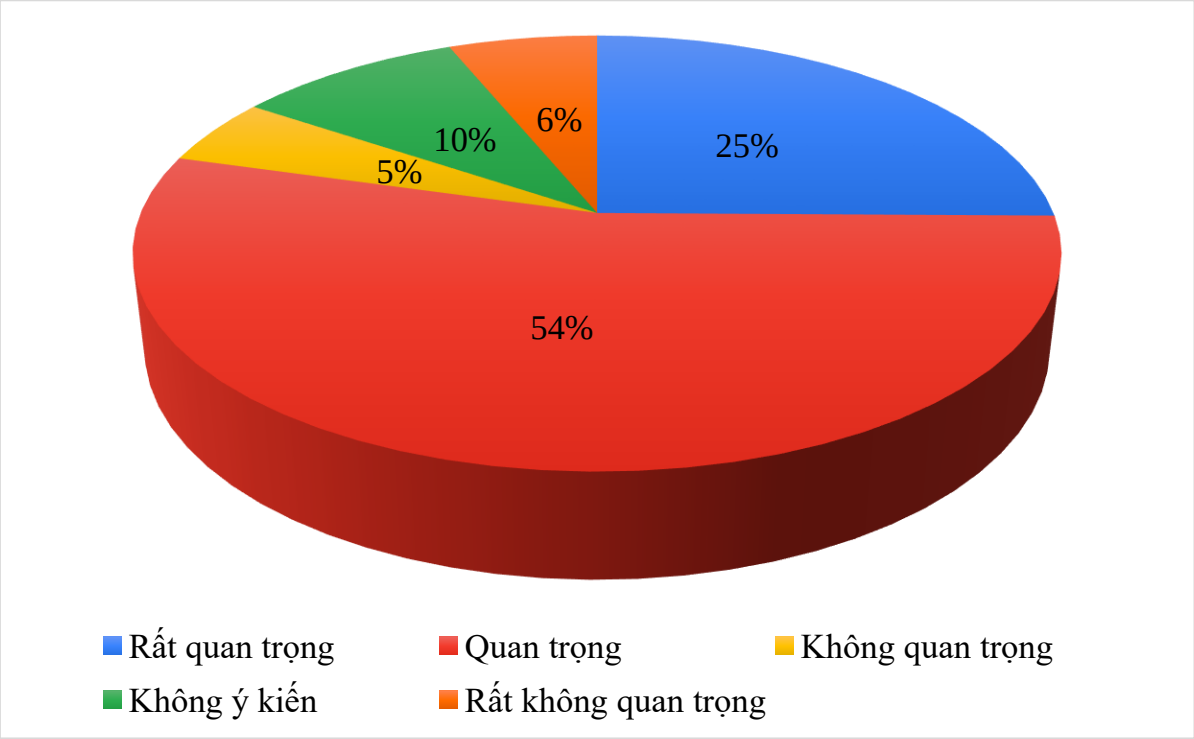
- Kết quả khảo sát chung:

Kết quả khảo sát đối với doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chuyên gia và giảng viên cho thấy có 103/111= 92,79% đối tượng được khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành quản trị kinh doanh.

Kết quả khảo sát đối với 389 sinh viên năm cuối và cựu sinh viên của Khoa Quản trị & Marketing Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cho thấy: có 218/389= 56,04% số phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm có nhu cầu học ngành quản trị kinh doanh, trình độ thạc sĩ.

Bên cạnh đó, trả lời cho câu hỏi về tầm quan trọng của việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành quản trị kinh doanh cho thấy trong tổng số 500 phiếu khảo sát thu về có 25,20 % ý kiến cho rằng việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành quản trị kinh doanh là rất quan trọng; 54,20% ý kiến cho rằng là quan trọng; 5,00% ý kiến cho rằng

không quan trọng; 9,40% không có ý kiến và chỉ có 6,20% ý kiến cho rằng rất không quan trọng. Như thế có thể thấy rằng đa số các ý kiến đều cho rằng việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành Quản trị kinh doanh là quan trọng.



Hình 1.1: Kết quả khảo sát về tầm quan trọng của việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành Quản trị kinh doanh

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

2.3.1. Kết quả khảo sát trong các doanh nghiệp

Mục tiêu khảo sát: Doanh nghiệp là các đơn vị sử dụng lao động, hàng năm có nhu cầu tuyển dụng nhân lực trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; chính vì vậy đây được coi là đối tượng chính mà các cơ sở đào tạo hướng tới khi xây dựng chương trình đào tạo quản trị kinh doanh. Để phục vụ cho việc mở ngành đào tạo quản trị kinh doanh trình độ Thạc sĩ, Nhà trường đã tiến hành thu thập, khảo sát về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực ngành quản trị kinh doanh có trình độ cao tại doanh nghiệp, đánh giá chất lượng đối với nguồn nhân lực ngành quản trị kinh doanh tại doanh nghiệp và khảo sát về kế hoạch mở ngành đào tạo quản trị kinh doanh trình độ Thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Số lượng phiếu khảo sát: 35 doanh nghiệp

Kết quả khảo sát: Thu về 33 phiếu hợp lệ, với kết quả như sau: 28/33= 84,85% Số lượng phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực trình độ cao cho ngành quản trị kinh doanh, 30/33= 90,91% phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; 18/33= 54,55% Phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm có nhu cầu tuyển dụng Thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh.

Ý kiến đánh giá về thực trạng nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp được khảo sát cho thấy: Hầu hết các đơn vị được khảo sát đều cảm thấy khó khăn trong việc tuyển dụng lao động có tay nghề, quản lý cấp trung và chuyên gia. Trong đó, mức độ đánh giá khó khăn trong việc tuyển dụng chuyên gia ở mức cao nhất. Chất lượng nguồn nhân lực quản trị kinh doanh hiện tại cũng được đánh giá chưa cao, trình độ chuyên môn của nhân lực quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp vẫn còn hạn chế.

Trả lời cho câu hỏi yêu cầu về trình độ chuyên môn nhân lực quản trị kinh doanh tương lai, có 57,58% ý kiến đồng ý cho rằng yêu cầu về trình độ chuyên môn nhân lực quản trị kinh doanh tương lai là Thạc sĩ quản trị kinh doanh. Như vậy, có thể nói nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ cao của ngành quản trị kinh doanh ở mức cao, đặt ra yêu cầu các cơ sở đào tạo phải xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh để đáp ứng được nhu cầu về nhân lực cho xã hội.

2.3.2. Kết quả khảo sát đối với các tổ chức xã hội nghề nghiệp

Các tổ chức xã hội là những đơn vị thường có nhu cầu cao sử dụng nhân lực ngành quản trị kinh doanh có chất lượng. Do đó, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã tiến hành khảo sát, điều tra tại 5 tổ chức xã hội khác nhau. Với mục tiêu khảo sát, điều tra về chất lượng nguồn nhân lực quản trị kinh doanh cũng như nhu cầu tuyển dụng lao động nguồn nhân lực ngành quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ trong tương lai.

Số phiếu điều tra phát ra 5 phiếu, thu về 5 phiếu hợp lệ, với kết quả như sau: 60% các đại diện tổ chức xã hội đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng cao cho ngành quản trị kinh doanh; 100% Phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2.3.3. Kết quả khảo sát đối với các chuyên gia

Mục tiêu khảo sát: Việc khảo sát các chuyên gia trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp nhằm đánh giá nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực ngành quản trị kinh doanh tại doanh nghiệp, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngành quản trị kinh doanh và khảo sát về kế hoạch mở ngành đào tạo quản trị kinh doanh trình độ Thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Số phiếu khảo sát phát ra: 30 phiếu khảo sát, thu về 26 phiếu khảo sát hợp lệ. 26/26 = 100% các chuyên gia được khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành quản trị kinh doanh; 26/26= 100 % phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành đào tạo Thạc sĩ quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Bên cạnh đó, trả lời câu hỏi về tầm quan trọng của việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành quản trị kinh doanh, các chuyên gia đều cho rằng, việc bắt buộc thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân lực ngành quản trị kinh doanh là rất cần thiết.

Do đó, là một cơ sở đào tạo, việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp để đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ nguồn nhân lực quản trị kinh doanh là hết sức có ý nghĩa.

2.3.4. Kết quả khảo sát đối với giảng viên

Mục tiêu của việc khảo sát các giảng viên của khoa Quản trị & Marketing nhằm đánh giá chất lượng đào tạo nhân lực quản trị kinh doanh và khả năng đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo Thạc sĩ quản trị kinh doanh của Khoa trong thời gian tới.

Số phiếu điều tra phát ra: 50 phiếu, thu về 47 phiếu hợp lệ. Kết quả khảo sát cho thấy có 46/47= 97,87% phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành quản trị kinh doanh; 46/47= 97,87% Phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành đào tạo Thạc sĩ quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2.3.5. Kết quả khảo sát đối sinh viên năm cuối

Sinh viên năm cuối được coi là những đối tượng có thể có nhu cầu, mong muốn học tập nâng cao trình độ. Do đó, việc khảo sát lấy ý kiến của sinh viên năm cuối của Nhà trường được coi là việc làm rất quan trọng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo Thạc sĩ quản trị kinh doanh. Mục đích của việc khảo sát đối với sinh viên năm cuối của Khoa Quản trị & Marketing Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhằm khảo sát, đánh giá nhu cầu tiếp tục học tập nâng cao trình độ và nguyện vọng học chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh sau khi tốt nghiệp của các sinh viên năm cuối. Số phiếu điều tra khảo sát: 280 phiếu khảo sát, thu về 273 phiếu hợp lệ; với kết quả như sau: 119 phiếu khảo sát (chiếm 43,59%) đồng ý với quan điểm có nhu cầu học thạc sĩ quản trị kinh doanh. Trong số SV có nhu cầu theo học thạc sĩ Quản trị kinh doanh, số lựa chọn học ngay khi tốt nghiệp là 65,55%; 29,41% lựa chọn phương án học sau khi tốt nghiệp 1 đến 2 năm; chỉ có 5,04% lựa chọn phương án học sau khi tốt nghiệp trên 2 năm.

Qua kết quả trên có thể thấy rằng, sinh viên năm cuối tại Khoa Quản trị & Marketing của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có nhu cầu về học ngành Thạc sĩ quản trị kinh doanh ngay tại trường sau khi tốt nghiệp từ đó đặt ra yêu cầu việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ quản trị kinh doanh của Nhà trường là hết sức cần thiết.

2.3.6. Kết quả khảo sát đối với cựu sinh viên

Việc khảo sát đối với cựu sinh viên khoa Quản trị & Marketing của nhà trường nhằm mục đích khảo sát, đánh giá về khả năng tìm kiếm việc làm cũng như nhu cầu học tập thạc sỹ ngành quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Số phiếu khảo sát phát ra: 120 phiếu khảo sát, thu về 116 phiếu khảo sát hợp lệ.

Kết quả khảo sát: Có 99/116= 85,34% ý kiến đồng ý với quan điểm có nhu cầu học thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh. Như vậy tỉ lệ các cựu sinh viên có mong muốn

được tiếp tục theo học trình độ thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh khá cao; nên việc mở ngành Thạc sĩ quản trị kinh doanh là cần thiết.

PHẦN III. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nhà trường đã ban hành các văn bản sau:

- Trích Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/08/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc mở mới ngành đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Quyết định số …./QĐ-ĐHKTKTCN ngày …… của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc thành lập Ban xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh;

- Quyết định số …/QĐ-ĐHKTKTCN ngày ……của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh;

- Quyết định số …/QĐ-ĐHKTKTCN ngày ……của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ.

- Quyết định số …/QĐ-ĐHKTKTCN ngày ……của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh.

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Được xây dựng trên các giáo trình về ngành quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ từ các trường đại học hàng đầu quốc tế và được thay đổi, bổ sung, cập nhật thường xuyên để phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam, nhưng vẫn giới thiệu được những kiến thức tiên tiến trên thế giới.

100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành đã học tập hoặc được đào tạo trong các lĩnh vực về kinh tế. Đội ngũ giảng viên cơ hữu nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thực tế. Áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến lấy người học là trung tâm.

Bên cạnh những kiến thức giáo dục đại cương, các chuyên ngành về quản trị kinh doanh, học viên ngành quản trị kinh doanh sẽ được đào tạo chuyên sâu để có những kiến thức chuyên ngành và những kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ được thiết kế như sau:

Tên chương trình:	**Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**
Trình độ đào tạo:	**Thạc sĩ**
Ngành đào tạo:	**Quản trị kinh doanh**
Mã ngành:	**8340101**
Định hướng đào tạo:	**Ứng dụng**
Hình thức đào tạo:	**Chính quy**

3.1. Mục tiêu đào tạo

3.1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình nhằm đào tạo các thạc sĩ quản trị kinh doanh có kiến thức chung và chuyên sâu mang tính ứng dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và thực hiện trách nhiệm xã hội. Học viên tốt nghiệp có điều kiện trở thành các nhà quản trị chuyên nghiệp, các doanh nhân với tầm nhìn và tri thức về quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu, có năng lực điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập. Đồng thời, học viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ bậc cao hơn.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức

MT1: Cập nhật và mở rộng các kiến thức chuyên sâu và mang tính ứng dụng về quản trị kinh doanh, vận dụng được kiến thức vào các tình huống thực tiễn kinh doanh.

- Về kỹ năng:

MT2: Phát triển kỹ năng phản biện, kỹ năng nghiên cứu phát triển và kỹ năng truyền bá phổ biến tri thức trong kinh doanh và quản trị.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

MT3: Nâng cao năng lực lãnh đạo, tinh thần doanh nhân, khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm trong công việc, khả năng học hỏi và thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu.

- Về trình độ ngoại ngữ

MT4: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư Số: 01/2014/TT- BGDĐT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

3.2. Chuẩn đầu ra

3.2.1. Kiến thức:

- CĐR1: Giải thích được những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên để xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và phân tích, đánh giá vấn đề thực tiễn.

- CĐR2: Áp dụng được các kiến thức nâng cao về kinh tế và quản lý trong thực hành và nghiên cứu quản trị kinh doanh.

- CĐR3: Áp dụng được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu thuộc về các chức năng cơ bản của quản trị một tổ chức (vận hành, tài chính, nhân sự, marketing, bán hàng, v.v.) vào điều hành và quản trị hiệu quả doanh nghiệp.

- CĐR4: Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị, khả năng nhận diện cơ hội kinh doanh và đánh giá kết quả hoạt động doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra các quyết định chiến lược cho doanh nghiệp.

3.2.2. Kỹ năng:

3.2.2.1. Kỹ năng cứng

- CĐR5: Nhận diện được cơ hội và phát triển được chiến lược, mô hình kinh doanh thích ứng với môi trường kinh doanh.

- CĐR6: Hoạch định, ra quyết định thực hiện và kiểm soát được các kế hoạch chức năng để thực thi mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.

3.2.2.2. Kỹ năng mềm

- CĐR7: Có kỹ năng lãnh đạo bản thân, lãnh đạo nhóm và lãnh đạo tổ chức để thực hiện hiệu quả những mục tiêu của các bên hữu quan.

- CĐR8: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng đàm phán, thuyết phục và kết nối.

- CĐR9: Có kỹ năng phản biện (kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp thông tin liên quan đến tổ chức để nhận diện giải quyết vấn đề), sáng tạo và khởi nghiệp.

- CĐR10: Sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) đạt trình độ tối thiểu tương đương Bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CĐR11: Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích ứng với những biến động của môi trường kinh doanh, khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- CĐR12: Có trách nhiệm cao trong công việc, biết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp để hài hoà các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp bền vững.

3.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Tốt nghiệp chương trình thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng, người học sẽ có một triển vọng công việc phong phú trong các khu vực tư nhân, nhà nước, cụ thể có thể đảm nhận một trong số các vị trí công tác sau:

- Các vị trí quản lý bộ phận chức năng (bán hàng, marketing, nhân sự, kế hoạch kinh doanh, tài chính, .v.v.), các vị trí quản trị cấp trung tại các doanh nghiệp, các tổ chức công, các tổ chức phi lợi nhuận;

- Doanh nhân/chủ doanh nghiệp tư nhân, giám đốc điều hành (CEO) tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước;

- Chuyên gia tư vấn về quản trị điều hành doanh nghiệp;

- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu về hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh.

- Giảng viên giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học đào tạo về quản trị kinh doanh.

3.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục theo học, nghiên cứu sâu hơn ở bậc đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước để trở thành chuyên gia cao cấp về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan, tổ chức trong nước hoặc nước ngoài theo những chuyên ngành phù hợp.

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ đáp ứng với yêu cầu của vị trí công việc.

3.3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	**Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**											
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
MT1	X	X	X	X								
MT2					X	X	X	X	X	X		
MT3											X	X
MT4										X		

3.4. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ

Trong đó:

- ***Khối kiến thức chung:*** ***6 tín chỉ***
- ***Phần kiến thức cơ sở ngành:*** ***12 tín chỉ***

Các học phần bắt buộc 6 tín chỉ

Các học phần tự chọn 6 tín chỉ

- ***Phần kiến thức chung của ngành*** ***18 tín chỉ***

Các học phần bắt buộc 12 tín chỉ

Các học phần tự chọn 6 tín chỉ

- ***Phần kiến thức chuyên ngành:*** ***15 tín chỉ***

Các học phần bắt buộc 9 tín chỉ

Các học phần tự chọn 6 tín chỉ

- ***Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)*** ***9 tín chỉ***

3.5. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Các ngành phù hợp mà không phải là ngành đúng sẽ phải học bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (theo bảng danh mục ngành phù hợp và các học phần chuyển đổi/ bổ sung kiến thức). Các trường hợp đặc biệt sẽ do Nhà trường quyết định;

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo;

- Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung/ chuyển đổi kiến thức:

TT	**Ngành tốt nghiệp đại học**	**Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức** *(tên học phần, mã học phần, số tín chỉ)*
1	Quản trị kinh doanh Marketing Bất động sản Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại Thương mại điện tử Kinh doanh thời trang và dệt may	Không phải học bổ sung kiến thức
2	Ngành/Nhóm ngành: Kinh tế Tài chính - Ngân hàng Bảo hiểm Kế toán Kiểm toán Khoa học quản lý Quản lý công Quản trị nhân lực Hệ thống thông tin quản lý Quản trị văn phòng Quản lý dự án Quản lý công nghiệp	1. Quản trị nhân lực, 000497, 3TC 2. Quản trị chiến lược, 001426, 3TC

TT	Ngành tốt nghiệp đại học	Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức *(tên học phần, mã học phần, số tín chỉ)*
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Quản trị khách sạn	
3	- Thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành không thuộc danh mục kể trên nhưng trong chương trình đào tạo đại học phải có 2 trong các học phần: (1) Toán cao cấp/Toán ứng dụng trong kinh tế/Toán cao cấp cho các nhà kinh tế/Toán đại cương/Toán ứng dụng/Lý thuyết xác suất thống kê/Xác suất thống kê/Lý thuyết xác suất và thống kê toán (2) Kinh tế học/Kinh tế vi mô/Kinh tế học vi mô/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế học vĩ mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý (3) Các học phần Quản trị/Quản lý/Kinh doanh (các học phần có từ "quản trị", "quản lý", "kinh doanh")	1. Quản trị học, 001201, 3TC 2. Marketing căn bản, 001104, 3TC 3. Quản trị doanh nghiệp, 001153, 3TC 4. Quản trị nhân lực, 000497, 3TC 5. Quản trị chiến lược, 001426, 3TC 6. Quản trị tài chính, 000970, 3TC

- Các qui định khác: Theo Qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Học viên tham gia học tập trong thời gian đào tạo từ 1,5 đến 2 năm và phải hoàn thành khối lượng học tập 60 tín chỉ theo chương trình quy định.

3.7. Cách thức đánh giá:

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

3.8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
1. Phần kiến thức chung				**6**		
0601002218	Triết học	Học phần bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Đồng thời, củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt nam, đặc biệt chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	LLCT	4	(48, 24, 120)	BB
0601001468	Phương pháp NCKH	Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh. Học phần sẽ cung cấp cho học viên các nội dung cơ bản của quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học: xác định tên đề tài, đề cương nghiên cứu; phương pháp chọn mẫu, xây dựng bảng hỏi, thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu trong nghiên cứu; công bố kết quả nghiên cứu.	DL&KS	2	(24, 12, 60)	BB
2. Phần kiến thức cơ sở ngành				**12**		
2.1. Các học phần bắt buộc				6		
0601000561	Kinh tế học	Kinh tế học là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Với những kiến thức nâng cao về Kinh tế học được cung cấp trong môn học này, học viên có	DL&KS	2	(24, 12, 60)	BB

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
		thể phân tích tác động của các chính sách của chính phủ đến giá cả, sản lượng cân bằng của thị trường, phúc lợi của các thành phần có liên quan và tổng thể xã hội. Tiếp tục nghiên cứu hành vi của doanh nghiệp cạnh tranh không hoàn hảo ở mức cao hơn, nghiên cứu cân bằng tổng thể và điều kiện hiệu quả trong các thị trường cạnh tranh, phân tích những nhược điểm của kinh tế thị trường và vai trò của chính phủ. Học viên cũng có thể vận dụng các mô hình kinh tế vĩ mô để hiểu được sự vận hành của nền kinh tế, hiểu được các tác động của các chính sách. Mặt khác với sự hiểu biết về công cụ của chính sách kinh tế, học viên cũng có thể hiểu được cách sử dụng các chính sách để đạt được các tác động mong muốn về kinh tế vĩ mô cũng như dự đoán các chính sách kinh tế có thể được áp dụng.				
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	Học phần Thống kê và phân tích dữ liệu cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thống kê và phân tích định lượng, bao gồm cách thức thu thập và xử lý thông tin về các hiện tượng kinh tế - xã hội, sử dụng kỹ thuật phân tích định lượng để phân tích dữ liệu, đánh giá, nhận xét những bảng báo cáo dựa trên các phân tích thực nghiệm. Qua đó, học viên nắm vững các công cụ phân tích nghiên cứu, kỹ năng ứng dụng phần mềm chuyên dụng kết hợp với kiến thức	DL&KS	2	(24, 12, 60)	BB

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
		chuyên ngành để có thể tự mình thực hiện phân tích các kết quả điều tra trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh, làm cơ sở cho việc quyết định quản lý.				
0601002285	Luật kinh tế - tài chính	Học phần Luật Kinh tế - Tài chính cung cấp cho người học những kiến thức về pháp luật trong hoạt động kinh tế và tài chính, bao gồm: - Những vấn đề cơ bản của luật kinh tế tài chính và các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh tế - Những quy định của luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế trong lĩnh vực kinh tế; tài chính.	DL&KS	2	(24, 12, 60)	BB
2.2. *Các học phần tự chọn (chọn 03 trong 06 học phần)*				**6**		
0601002281	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về về chiến lược và quá trình quản trị chiến lược bao gồm: các kiến thức tổng quan về chiến lược; hoạch định chiến lược; tổ chức triển khai thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp.	QT&MKT	2	(24, 12, 60)	TC1.1

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
0601002284	Quản lý nhà nước về kinh tế	Nhà nước đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo khả năng cho nền kinh tế phát triển ổn định, vững chắc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Để đạt mục tiêu đó Nhà nước với bộ máy quản lý kinh tế của mình cần xác định những việc phải làm và làm như thế nào. Môn học quản lý Nhà nước về kinh tế cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; thông tin và quyết định quản lý; bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế.	DL&KS	2	(24, 12, 60)	TC1.2
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	Học phần Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về các thành phần chủ yếu và mối quan hệ giữa các thành phần này trong hệ thống tài chính. Cụ thể, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về thị trường tài chính, bao gồm thị trường các công cụ nợ, thị trường vốn cổ phần và thị trường chứng khoán phái sinh. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu đến người học các định chế tài chính trung gian, bao gồm ngân hàng thương mại và các định chế tài chính phi ngân hàng. Ngoài ra, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lãi suất - một yếu tố quan trọng của thị trường tài chính và kiến thức cơ bản về	TCNH&BH	2	(24, 12, 60)	TC1.3

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
		hoạt động của ngân hàng trung ương.				
	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Học phần Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế cung cấp cho học viên những kiến thức về vai trò, nội dung và phương pháp xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp từ đó học viên có thể vận dụng vào thực tiễn xây dựng đạo đức kinh doanh và tạo lập văn hóa doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.	QT&MKT	2	(24, 12, 60)	TC1.4
	Hành vi tổ chức	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiên thức chung liên quan đến hành vi tổ chức. Nội dung thứ nhất là cách tiếp cận về khoa học hành vi, trong nội dung này học viên sẽ được cung cấp những kiến thức cụ thể liên quan đến cách tiếp cận khoa học hành vi, lịch sử phát triển của khoa học hành vi, phân tích mô hình hành vi trong tổ chức và một số vấn đề cần thay đổi trong con người. Nội dung lớn thứ hai là cơ sở của hành vi cá nhân và hành vi nhóm, trong nội dung này học viên sẽ tìm hiểu về những yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng hành vi của cá nhân và nhóm trong tổ chức. Ngoài ra, học phần này sẽ nghiên cứu thêm về những hình thức động viên nhân viên trong tổ chức dựa trên các lý thuyết động viên; tìm hiểu về khái niệm lãnh đạo theo tình huống và đặc điểm phong cách của các	QT&MKT	2	(24, 12, 60)	TC1.5

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
		nhà lãnh đạo và xác định những yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả của lãnh đạo.				
0601000446	Kế toán tài chính	Học phần Kế toán tài chính là học phần tự chọn của khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên kiến thức rộng và chuyên sâu về Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và vận dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn tại các doanh nghiệp, như: Điều chỉnh kế toán do thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót; Hợp nhất kinh doanh, Báo cáo tài chính hợp nhất.	KTKT	2	(24, 12, 60)	TC1.6
3. Phần kiến thức chung của ngành				**18**		
3.1. Các học phần bắt buộc				**12**		
	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần được bố trí giảng dạy sau các học phần Kinh tế học, Quản trị chiến lược. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về: các triết lý quản trị nguồn nhân lực, phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực, bố trí và đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, các quan hệ lao động.	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	BB

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
	Quản trị tài chính	Học phần quản trị tài chính cung cấp cho học viên những kiến thức và kĩ năng cơ bản trong việc đánh giá và ra quyết định tài chính trong doanh nghiệp. Để phục vụ cho nhà quản trị tài chính hướng đến mục tiêu tối đa hóa giá trị cổ đông, học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản như: quản trị dòng tiền, phân tích báo cáo tài chính, hoạch định tài chính, quản trị vốn luân chuyển, chi phí vốn..... Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp những công cụ và kiến thức nền tảng để giúp cho học viên có thể tham gia vào khóa học tài chính chuyên sâu khác.	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	BB
	Quản trị marketing	Học phần Quản trị Marketing cung cấp cho học viên cách tiếp cận hiện đại trong việc ứng dụng các chức năng quản trị vào lĩnh vực marketing. Quản trị marketing được thực hiện thông qua quản trị quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng. Quản trị marketing bao gồm các hoạt động xây dựng mối quan hệ khách hàng, lựa chọn và sáng tạo giá trị, truyền thông và chuyển giao giá trị, quản trị marketing đảm bảo cung ứng giá trị cho khách hàng tốt hơn các đối thủ cạnh tranh, từ đó đạt được mục tiêu và thỏa mãn lợi ích dài hạn giữa các bên liên quan.	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	BB

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	Chuyên đề 1- Phân tích Tài chính doanh nghiệp là chuyên đề thực tập của chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Học phần này giúp học viên rèn luyện vận dụng những kiến thức vào phân tích báo cáo tài chính của một doanh nghiệp trong thực tế bao gồm các nội dung phân tích về tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân tích rủi ro tài chính, dự báo các chỉ tiêu tài chính từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá và các kiến nghị nhằm nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp.	KTKT	3	(0, 90, 90)	BB
3.2. Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)				**6**		
	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng Học phần quản trị bán hàng cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị bán hàng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Học phần cung cấp các kiến thức về tiêu chuẩn công việc, kỹ năng và phong cách lãnh đạo cần có của một quản trị viên bán hàng. Bên cạnh đó, cung cấp cho học viên các kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị bán hàng như: Xây dựng kế hoạch bán hàng; Tổ chức mạng lưới bán hàng; Tổ chức lực lượng bán hàng; Quản trị thời gian, lãnh thổ và năng suất trong bán hàng.	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	TC2.1

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức tổng hợp về các hoạt động bao gồm thiết kế, vận hành và cải tiến các quy trình trong doanh nghiệp nhằm sản xuất và phân phối các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp đến tay khách hàng. Học phần là sự vận dụng các kiến thức tổng hợp về quản trị vận hành và chuỗi cung ứng theo góc nhìn môi trường kinh doanh toàn cầu qua từng giai đoạn khác nhau của quy trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ. Môn học giúp học viên cao học không chỉ hiểu biết các khái niệm, chiến lược và tiến bộ trong trong lĩnh vực quản trị vận hành và chuỗi cung ứng cấp cao mà còn giúp học viên hiểu rõ hơn về các công cụ phân tích cần thiết để giải quyết các vấn đề về vận hành và chuỗi cung ứng	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	TC2.2
0601002286	Kế toán quản trị	Kế toán quản trị là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nâng cao từ truyền thống đến hiện đại về các phương pháp kế toán quản trị làm cơ sở cho các nhà quản trị ra quyết định và kiểm soát chi phí. Cung cấp những kiến thức về kế toán quản trị trong tổ chức	KTKT	3	(36, 18, 90)	TC2.3

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
		hệ thống thông tin, phân tích thông tin để tư vấn cho nhà quản trị ra quyết định. Sau khi học xong học phần này, học viên hiểu được những nguyên lý và những công cụ cơ bản của kiểm soát quản lý, qua đó góp phần tăng thêm sự hiểu biết chung về quản lý, đưa ra cách tiếp cận quản lý trên cơ sở kế toán quản trị. Học viên không chỉ có khả năng giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật của kế toán quản trị, mà còn có khả năng đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.				
0601000458	Phân tích báo cáo tài chính	Học phần phân tích báo cáo tài chính cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản liên quan đến phân tích báo cáo tài chính cũng như nội dung và phương pháp phân tích cấu trúc tài chính, phân tích khả năng thanh toán và phân tích khả năng sinh lợi của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho học viên kiến thức để phân tích rủi ro tài chính cũng như dự báo các chỉ tiêu tài chính.	KTKT	3	(36, 18, 90)	TC2.4
4. Phần kiến thức chuyên ngành				**15**		
4.1. Các học phần bắt buộc				**9**		
	Lãnh đạo trong tổ chức	Học phần lãnh đạo trong tổ chức giới thiệu các kiến thức chuyên sâu cho học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	BB

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
		về công tác lãnh đạo trong một tổ chức như: khái niệm, kỹ năng, phong cách lãnh đạo; các nội dung về xây dựng chiến lược, tổ chức điều hành, nghệ thuật điều khiển, kiểm tra, đánh giá trong lãnh đạo. Đồng thời, lồng ghép các nội dung trong lãnh đạo hiện đại nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cập nhật nhất để thực hiện tốt công việc lãnh đạo của mình tại các tổ chức.				
	Quản trị kinh doanh đương đại	Quản trị kinh doanh đương đại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về quản trị kinh doanh trong bối cảnh thế giới đương đại với các vấn đề mới cần được quan tâm xử lý: Trách nhiệm xã hội, đạo đức và tính bền vững, môi trường toàn cầu, sự thay đổi và tổ chức ảo, vấn đề quản trị nhóm và sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý.	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	BB
	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cốt lõi nhằm tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu Marketing thông qua việc thiết kế, triển khai thực hiện một dự án nghiên cứu Marketing nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ra các quyết định của nhà quản trị Marketing. Học phần sẽ trình bày quy trình và thực hiện dự án nghiên cứu cụ thể bao	QT&MKT	3	(0, 90, 90)	BB

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
		gồm: Phát hiện vấn đề và xác định mục tiêu nghiên cứu, thiết kế dự án nghiên cứu, thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu, báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.				
4.2. Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)				**6**		
	Thiết kế tổ chức	Học phần thiết kế tổ chức cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc và phương pháp thiết kế một tổ chức. Học phần cũng giới thiệu các vấn đề về chiến lược, công nghệ, quy mô vòng đời, văn hóa, quyền lực và các mối quan hệ - xung đột giữa các nhóm của các tổ chức trên thế giới cũng như ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	TC3.1
	Quản trị đổi mới sáng tạo	Quản trị đổi mới sáng tạo là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing. Học phần bao gồm những nội dung chính sau: Căn bản về đổi mới sáng tạo thông qua việc tập trung giải thích các khái niệm chính liên quan đến đổi mới sáng tạo và quản trị đổi mới sáng tạo theo quá trình. Đồng thời phân tích vai trò của đổi mới sáng tạo đối với hoạt động kinh doanh và các mô hình đổi mới sáng tạo. Chiến lược đổi mới sáng tạo thông qua việc cung cấp kiến thức về chiến lược đổi mới sáng	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	TC3.2

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
		tạo; đặc điểm cũng như ưu thế và hạn chế của từng loại hình chiến lược đổi mới để từ đó lựa chọn các chiến lược đổi mới cho doanh nghiệp; nội dung các bước cơ bản của mô hình chiến lược đổi mới trong doanh nghiệp; lựa chọn được các chiến lược đổi mới để đạt mục tiêu. Thiết kế và phát triển sản phẩm để đổi mới sáng tạo dựa trên khai thác những kiến thức về thiết kế và phát triển sản phẩm mới như quan điểm của các nhà quản trị công nghệ và quản trị đổi mới; công cụ và kỹ thuật cần thiết trong quá trình này như công cụ và kỹ thuật truyền thông, công cụ và kỹ thuật phát triển sản phẩm mới bền vững và công cụ đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án thiết kế, phát triển sản phẩm mới. Quy trình và thương mại hóa cho đổi mới sáng tạo dựa trên những kiến thức, mô hình căn bản về Thương mại hóa cho sản phẩm đổi mới: quá trình thương mại hóa cho đổi mới trải qua những bước nào, với các sản phẩm đổi mới khác nhau, doanh nghiệp nên lựa chọn các mảng thị trường nào để có thể cạnh tranh. Đồng thời học phần cung cấp cho người học các chiến lược, công cụ cần thiết để tiến hành hoạt động thương mại hóa cho các sản phẩm/dịch vụ đổi mới.				

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
	Khởi sự kinh doanh	Khởi sự kinh doanh là học phần của chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho Học viên những kiến thức cơ bản về khởi sự, duy trì và phát triển doanh nghiệp trong kinh doanh. Cụ thể đó là các kiến thức về xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch khởi sự và duy trì hoạt động kinh doanh, thành lập doanh nghiệp và các thủ tục pháp lý có liên quan. Đồng thời, học phần giúp học viên triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	TC3.3
	Quản trị rủi ro	Quản trị rủi ro là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng. Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Học phần trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro từ nhận dạng, đo lường, kiểm soát đến tài trợ rủi ro nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư..., từ đó thực hiện các biện pháp quản trị rủi	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	TC3.4

Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL Tự học)	Ghi chú
		ro phù hợp, hiệu quả cho các đối tượng này.				
	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Học phần lập và thẩm định dự án đầu tư cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về lập dự án đầu tư như: Khái niệm đầu tư, dự án đầu tư; trình tự và các bước của quá trình lập một dự án đầu tư; phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức chuyên sâu về phân tích độ nhạy, rủi ro và thẩm định dự án đầu tư	QT&MKT	3	(36, 18, 90)	TC3.5
5. Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)				**9**		
	Đề án tốt nghiệp	Đề án tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, và vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu của lĩnh vực quản trị kinh doanh. Khi thực hiện đề án tốt nghiệp, học viên sẽ được đề xuất đề tài hoặc được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo qui định, học viên sẽ nộp và báo cáo đề án theo quy định.	QT&MKT	9	(0, 540, 0)	BB
Tổng cộng:				**60**		

Ghi chú:

Các học phần lý thuyết ký hiệu kết cấu N (a, b, c) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: a (với a = N x (15 - d)) – trong đó d là số buổi thảo luận/TH của học phần (khuyến nghị d lấy bằng N), học phần giảng dạy trong 15 buổi.
- Số tiết thảo luận, Thực hành môn học của HP (TL): b (b = d x N)
- Số giờ học viên tự học: c (với c = N x 30)

Các học phần thực hành, tiểu luận ký hiệu kết cấu N (0, b, c) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b (b = 30 x N)
- Số giờ chuẩn bị cá nhân: c (c = N x 30)

Học phần thực tập, thực tập cuối khóa ký hiệu kết cấu N (0, b, 0) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b (b = 60 x N)

3.9. Hướng dẫn thực hiện

3.9.1.Nguyên tắc chung

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn học viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

3.9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện từ 1,5 đến 2 năm; chia thành 4 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số học viên nếu xét thấy cần thiết.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết được tổ chức giảng dạy tại lớp học trong Nhà trường.

o Các học phần thực tập được tổ chức cho học viên thực tập tại các doanh nghiệp hoặc tại các phòng thực hành của Nhà trường.

3.9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

3.10. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Triết học	4	48	24	TS. Bùi Thanh Thuỷ TS. Lê Thị Lý TS. Nguyễn Thị Thu Hà	1	BB
2	Phương pháp NCKH	2	24	12	PGS.TS Đỗ Hữu Hải TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim Chi	1	BB
3	Kinh tế học	2	24	12	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim Chi	1	BB
4	Thống kê và phân tích dữ liệu	2	24	12	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim Chi TS. Trần Hoàng Long TS. Phạm Văn Bằng	1	BB
5	Luật kinh tế - tài chính	2	24	12	TS. Nguyễn Thị Phượng TS. Nguyễn Thị Chi	1	BB

TT	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
6	Quản trị nguồn nhân lực	3	36	18	PGS.TS Đỗ Minh Cương TS. Đoàn Kim Thêu TS. Phạm Hồng Tú TS. Hoàng Vũ Linh Chi	1	BB
7	Quản trị tài chính	3	36	18	TS. Trần Đức Cân TS. Phùng Thị Lan Hương TS. Vũ Thị Thục Oanh	2	BB
8	Quản trị marketing	3	36	18	TS. Phạm Hồng Tú TS. Đoàn Kim Thêu TS. Vũ Dương Hoà	2	BB
9	Lãnh đạo trong tổ chức	3	36	18	PGS.TS Trần Việt Lâm PGS.TS Đinh Viết Thành TS. Bùi Việt Hưng	2	BB
10	Quản trị chiến lược	2	24	12	PGS.TS Đinh Viết Thành TS. Lưu Khánh Cường TS. Nguyễn Thị Chi TS. Vũ Dương Hoà	2	TC1.1
11	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	24	12	TS. Lê Thị Kim Chi TS. Phạm Thị Lụa	2	TC1.2
12	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	24	12	TS. Đặng Hương Giang TS. Nguyễn Ngọc Hải	2	TC1.3
13	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	2	24	12	TS. Lưu Khánh Cường PGS.TS Dương Thị Liễu PGS.TS Đỗ Minh Cương	2	TC1.4
14	Hành vi tổ chức	2	24	12	PGS.TS Đỗ Hữu Hải TS. Phạm Hồng Tú PGS.TS Trần Việt Lâm	2	TC1.5
15	Kế toán tài chính doanh nghiệp	2	24	12	TS. Hoàng Thị Phương Lan TS. Trần Thị Quỳnh Giang TS. Phạm Thuỳ Vân	2	TC1.6

TT	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
16	Quản trị kinh doanh đương đại	3	36	18	TS. Lưu Khánh Cường PGS.TS Trần Việt Lâm TS. Phạm Hồng Tú	3	BB
17	Quản trị bán hàng	3	36	18	TS. Đoàn Kim Thêu TS. Vũ Dương Hoà	3	TC2.1
18	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	3	36	18	PGS.TS Đỗ Hữu Hải TS. Đoàn Kim Thêu TS. Lê Thị Mỹ Ngọc TS. Đào Đăng Kiên	3	TC2.2
19	Kế toán quản trị	3	36	18	TS. Ngô Thị Trà TS. Nguyễn Ngọc Lan TS. Đinh Thị Kim Xuyến	3	TC2.3
20	Phân tích báo cáo tài chính	3	36	18	TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	3	TC2.4
21	Thiết kế tổ chức	3	36	18	PGS.TS Trần Việt Lâm PGS.TS Dương Thị Liễu	3	TC3.1
22	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	36	18	TS. Lưu Khánh Cường TS. Trần Đức Cân	3	TC3.2
23	Khởi sự kinh doanh	3	36	18	PGS.TS Trần Việt Lâm TS. Bùi Việt Hưng TS. Vũ Dương Hoà	3	TC3.3
24	Quản trị rủi ro	3	36	18	TS. Phùng Lan Hương TS. Nguyễn Mạnh Hùng TS. Vũ Thị Thục Oanh	3	TC3.4
25	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	36	18	TS. Đặng Hương Giang TS. Lê Thị Kim Chi TS. Nguyễn Mạnh Hùng	3	TC3.5

TT	Tên học phần	Số lượng TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
26	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	0	90	TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	4	TC
27	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	3	0	90	TS. Đoàn Kim Thêu TS. Phạm Hồng Tú	4	BB
28	Đề án tốt nghiệp	9	0	540	TS. Lưu Khánh Cường (phụ trách chính) và các giảng viên tham gia giảng dạy kiến thức chuyên ngành	4	BB

3.11. Kế hoạch đào tạo toàn khóa dự kiến

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
I. Học kỳ 1		**15**	
0601002218	Triết học	4	BB
0601001468	Phương pháp NCKH	2	BB
0601000561	Kinh tế học	2	BB
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	2	BB
0601002285	Luật kinh tế - tài chính	2	BB
	Quản trị nguồn nhân lực	3	BB
II. Học kỳ 2 (3 học phần BB + 3 học phần nhóm TC1)		**15**	
	Quản trị tài chính	3	BB
	Quản trị marketing	3	BB
	Lãnh đạo trong tổ chức	3	BB

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
0601002281	Quản trị chiến lược	2	TC1.1
0601002284	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	TC1.2
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	TC1.3
	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	2	TC1.4
	Hành vi tổ chức	2	TC1.5
0601000446	Kế toán tài chính doanh nghiệp	2	TC1.6
III. Học kỳ 3 (1 học phần BB + 2 học phần nhóm TC2 + 2 nhóm TC3)		**15**	
	Quản trị kinh doanh đương đại	3	BB
	Quản trị bán hàng	3	TC2.1
	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	3	TC2.2
0601002286	Kế toán quản trị	3	TC2.3
0601000458	Phân tích báo cáo tài chính	3	TC2.4
	Thiết kế tổ chức	3	TC3.1
	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	TC3.2
	Khởi sự kinh doanh	3	TC3.3
	Quản trị rủi ro	3	TC3.4
	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	TC3.5
IV. Học kỳ 4 (2 chuyên đề + Đề án tốt nghiệp)		**15**	

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	TC
	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	3	BB
	Đề án tốt nghiệp	9	BB

PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu

Về đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học ngành có chuyên môn phù hợp chủ trì mở ngành và giảng dạy chương trình thạc sỹ Quản trị kinh doanh với tổng cộng: 31 giảng viên trong đó có 4 PGS, 27 TS.

Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh có: 06 giảng viên trong đó có 01 Phó giáo sư, 5 Tiến sĩ. Lý lịch khoa học của giảng viên, nhà khoa học và minh chứng khoa học được đính kèm trong các phụ lục sau:

+ Phụ lục IV: Lý lịch khoa học giảng viên: Bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo; Bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo; Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng.

Bảng 1. Danh sách giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì mở ngành và giảng dạy chương trình

TT	Họ và tên	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Ghi chú
1	Đỗ Hữu Hải (Dự kiến)		PGS, 2021	Quản trị kinh doanh	Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
2	Đinh Văn Thành		PGS, 2003 Tiến sĩ, 1989	Kinh tế thương mại	Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Ghi chú
3	Lưu Khánh Cường	Trưởng Khoa Quản trị & Marketing	Tiến sĩ, 2010	Kinh tế thương mại	Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
4	Đoàn Kim Thêu		Tiến sĩ, 2018	Quản trị kinh doanh	Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
5	Trần Hoàng Long	Hiệu trưởng	Tiến sĩ, 2012	Kinh tế thương mại	Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
6	Nguyễn Hồng Anh		Tiến sĩ, 2017	Kế toán	Chủ trì giảng dạy chương trình
7	Dương Thị Liễu		PGS, 2005 Tiến sĩ, 1996	Triết học	Chủ trì giảng dạy chương trình
8	Đỗ Minh Cương		PGS, 2009 Tiến sĩ, 1996	Triết học	Chủ trì giảng dạy chương trình
9	Ngô Thị Trà		Tiến sĩ, 2021	Kế toán	Chủ trì giảng dạy chương trình
10	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng BM	Tiến sĩ,	Lý luận chính trị	Chủ trì giảng dạy chương trình
11	Phạm Thị Thùy Vân		Tiến sĩ, 2021	Kế toán	Chủ trì giảng dạy chương trình
12	Phạm Văn Bằng		Tiến sĩ, 2017	Phương trình vi phân và tích phân	Chủ trì giảng dạy chương trình
13	Nguyễn Thị Chi	Trưởng Khoa Thương mại	Tiến sĩ, 2016	Kinh doanh thương mại	Chủ trì giảng dạy chương trình
14	Nguyễn Thị Phượng	Phó trưởng hoa Thương mại	Tiến sĩ, 2016	Kinh doanh thương mại	Chủ trì giảng dạy chương trình
15	Phạm Thị Lụa	Trưởng khoa Kế toán	Tiến sĩ, 2014	Kinh tế thương mại	Chủ trì giảng dạy chương trình
16	Đinh Thị Kim Xuyến	Phó trưởng khoa Kế toán	Tiến sĩ, 2014	Kế toán	Chủ trì giảng dạy chương trình

TT	Họ và tên	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Ghi chú
17	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Trưởng BM Kiểm toán	Tiến sĩ, 2016	Kế toán	Chủ trì giảng dạy chương trình
18	Hoàng Thị Phương Lan	Phó trưởng BM Kế toán tài chính	Tiến sĩ, 2017	Kế toán	Chủ trì giảng dạy chương trình
19	Nguyễn Ngọc Lan	Trưởng BM Kế toán quản trị	Tiến sĩ, 2018	Kế toán	Chủ trì giảng dạy chương trình
20	Trần Thị Quỳnh Giang		Tiến sĩ, 2019	Kế toán	Chủ trì giảng dạy chương trình
21	Nguyễn Thị Thu Hằng		Tiến sĩ, 2020	Kế toán	Chủ trì giảng dạy chương trình
22	Phùng Thị Lan Hương	Trưởng khoa TCNH &BH	Tiến sĩ, 2013	Tài chính Ngân hàng	Chủ trì giảng dạy chương trình
23	Vũ Thị Thục Oanh	Phó khoa TCNH&BH	Tiến sĩ, 2018	Tài chính Ngân hàng	Chủ trì giảng dạy chương trình
24	Đặng Thị Hương Giang	Trưởng BM Ngân hàng	Tiến sĩ, 2018	Tài chính Ngân hàng	Chủ trì giảng dạy chương trình
25	Lê Thị Kim Chi		Tiến sĩ, 2016	Quản trị kinh doanh	Chủ trì giảng dạy chương trình
26	Lê Thị Lý		Tiến sĩ, 2011	Triết học	Chủ trì giảng dạy chương trình
27	Bùi Thanh Thủy		Tiến sĩ, 2015	Triết học	Chủ trì giảng dạy chương trình
28	Trần Đức Cân	Phó Hiệu trưởng	Tiến sĩ, 2013	Tài chính ngân hàng	Chủ trì giảng dạy chương trình
29	Nguyễn Ngọc Hải		Tiến sĩ, 2020	Tài chính ngân hàng	Chủ trì giảng dạy chương trình
30	Nguyễn Văn Hợp	Trưởng Bộ môn	Tiến sĩ, 2014	Du lịch Khách sạn	Chủ trì giảng dạy chương trình
31	Phạm Hồng Tú		Tiến sĩ, 2013	Thương mại	Chủ trì giảng dạy chương trình

Bảng 2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	**Giảng viên cơ hữu**											
1	Đỗ Hữu Hải, 15/10/1975 (Dự kiến)	033075004766, Việt nam	PGS, 2021	TS, Việt nam, 2015	Quản trị kinh doanh				14	1	3	
2	Đinh Văn Thành, 12/08/1954	030054004364, Việt nam	PGS, 2003	TS, CHDC Đức 1989	Kinh tế thương mại		X	0101010155	45	8	0	
3	Lưu Khánh Cường, 28/09/1973	012800261, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2010	Kinh tế thương mại	01/11/2000		0101057486	24	5	9	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	Đoàn Kim Thêu, 16/9/1982	36182000199 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	04/01/2002		0104052109	22	0	2	
5	Trần Hoàng Long, 06/08/1975	036075007234, Việt nam		TS, Việt Nam 2012	Kinh tế thương mại	1/1/1996		0199036125	28	4	17	
6	Nguyễn Hồng Anh, 03/04/1978	162269035, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Kinh tế/ Kế toán	02/12/2004		8907001208	20	1	9	
7	Dương Thị Liễu, 04/05/1961	001161006311, Việt Nam	PGS, 2005	TS, Việt Nam, 1996	Triết học		X	0198072063	40	6	4	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	Đỗ Minh Cương, 09/9/1959	024059002404 Việt nam	PGS, 2009	TS, Việt Nam 1997	Triết học		X	0198064497	37	32	0	
9	Ngô Thị Trà, 07/10/1978	36178000146 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2021	Kinh tế/ Kế toán	12/01/2004		0107026360	20	1	4	
10	Nguyễn Thị Thu Hà, 29/05/1983	030183010396, Việt nam		TS,	Lý luận chính trị	1/10/2006		0108098485	18		7	
11	Phạm Thị Thùy Vân, 04/10/1988	033188000129, Việt nam		TS, 2021	Kế toán	1/2/2012		0112213985	12		1	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
12	Phạm Văn Bằng, 15/02/1979	035079003520, Việt nam		TS, 2017	Toán học	1/3/2011		6002000499	23		2	
13	Nguyễn Thị Chi, 20/01/1973	34173001346, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Kinh doanh thương mại	1/12/2004		0199013970	20	0	8	
14	Nguyễn Thị Phượng 14/05/1980	013088962 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Kinh doanh thương mại	01/01/2006		0107026368	18	0	5	
15	Phạm Thị Lụa, 01/02/1978	036178002703 Việt nam		TS, Việt Nam, 2014	Kinh tế/ Thương mại	10/01/2000		0101057482	24	6	14	
16	Đinh Thị Kim Xuyến, 01/09/1977	008177000077 Việt nam		TS, Việt Nam, 2014	Kinh tế/ Kế toán	01/01/2001		0102024285	23	4	2	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
17	Nguyễn Thị Ngọc Lan, 12/12/1980	013549878 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Kinh tế/ Kế toán	11/01/2022		0105011351	22	3	5	
18	Hoàng Thị Phương Lan, 29/01/1976	033176003714 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Kinh tế/ Kế toán	04/01/1999		0101024685	25	0	5	
19	Nguyễn Ngọc Lan, 07/06/1970	001170013113 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế/ Kế toán	10/01/1998		0100037671	26	0	5	
20	Trần Thị Quỳnh Giang, 13/11/1983	013215671 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Kinh tế/ Kế toán	02/01/2009		0108097475	15	2	5	
21	Nguyễn Thị Thu Hằng, 02/7/1980	001180028020, Việt Nam		TS, 2020	Kế toán			0107026359	20		4	
22	Phùng Thị Lan Hương, 05/03/1975	036175000386 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2013	Kinh tế/ TCNH	06/01/1999		8999005273	25	3	7	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
23	Vũ Thị Thục Oanh, 11/10/1982	162433739 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế/ TCNH	05/01/2006		8907001216	18	0	8	
24	Đặng Thị Hương Giang, 19/02/1982	013339100 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế/ TCNH	12/01/2004		0107026347	20	1	8	
25	Lê Thị Kim Chi, 16/10/1979	001179020636 ,Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Kinh tế/ Quản trị kinh doanh	04/01/2002		0104052109	22	0	1	
26	Lê Thị Lý, 03/02/1975	011803369 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2013	Triết học	03/01/1999		0100011170	25	0	0	
27	Bùi Thanh Thủy, 25/06/1980	031180007971 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2015	Triết học/ Chủ nghĩa duy vật	01/01/2006		0107026364	18	0	2	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
					biện chứng							
28	Trần Đức Cân, 25/06/1963	011258182 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2013	Kinh tế/ Tài chính	11/01/1985		2597001143	39	8	21	
29	Nguyễn Ngọc Hải, 10/7/1990	001090014247, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Kinh tế/ TCNH	09/2012		8290812083	12	0	2	
30	Nguyễn Văn Hợp, 20/10/1974	036074011360, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế		X	2205005379	26	5	3	
31	Phạm Hồng Tú, 12/02/1960	036060007170, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2013	Thương mại		X	0100028138	42	20	1	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
II	**Giảng viên Thỉnh giảng**											
32	Vũ Dương Hòa, 12/02/1978	019078016678, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Kinh tế/ Quản trị kinh doanh		X		23	5	0	
33	Trần Việt Lâm, 4/11/1954	035054001483, Việt Nam	PGS, 2010	TS, Ba Lan, 1995	Quản lý kinh tế		X	0102025315	21	4	0	
34	Hoàng Vũ Linh Chi, 19/08/1979	001178057840, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2007	Chính sách công		X	0103026663		0	0	
35	Đào Đăng Kiên, 01/11/1954	019054002544, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2003	Kinh tế		X	HC 3 79 029 612 7209	29	6	2	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
36	Nguyễn Mạnh Hùng, 22/12/1976	013114009, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2003	Kinh tế		X	8901002590	23	2	5	
37	Bùi Việt Hưng, 29/12/1974	02674001582, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2021	Kinh tế		X	0102011424	25	4	5	

4.2. Danh sách giảng viên vận hành, giảng dạy chương trình đào tạo

Bảng 3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	PGS.TS Đỗ Hữu Hải	Quản trị chiến lược	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
2	PGS.TS Đinh Văn Thành	Quản trị chiến lược	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Lãnh đạo trong tổ chức	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				
3	TS. Lưu Khánh Cường	Quản trị chiến lược	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		
		Quản trị kinh doanh đương đại	Học kỳ 1 năm thứ 2	X				
		Quản trị đổi mới sáng tạo	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
4	TS. Đoàn Kim Thêu	Quản trị nguồn nhân lực	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Quản trị marketing	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				
		Quản trị bán hàng	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
		Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
		Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	Học kỳ 2 năm thứ 2	X				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
5	TS. Trần Hoàng Long	Thống kê và phân tích dữ liệu	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
6	TS. Nguyễn Hồng Anh	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 2 năm thứ 2	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Phân tích báo cáo tài chính	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
7	PGS.TS Dương Thị Liễu	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thiết kế tổ chức	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
8	PGS.TS Đỗ Minh Cương	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị nguồn nhân lực	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				
9	TS. Ngô Thị Trà	Kế toán quản trị	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
10	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Triết học	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
11	TS. Phạm Thuỳ Vân	Kế toán tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
12	TS. Phạm Văn Bằng	Thống kê và phân tích dữ liệu	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
13	TS. Nguyễn Thị Chi	Luật kinh tế - tài chính	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
		Quản trị chiến lược	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
14	TS. Nguyễn Thị Phượng	Luật kinh tế - tài chính	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
15	TS. Phạm Thị Lụa	Quản lý nhà nước về kinh tế	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
16	TS. Đinh Thị Kim Xuyến	Kế toán quản trị	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
17	TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Phân tích báo cáo tài chính	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
18	TS. Hoàng Thị Phương Lan	Kế toán tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
19	TS. Nguyễn Ngọc Lan	Kế toán quản trị	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
20	TS. Trần Thị Quỳnh Giang	Kế toán tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
21	TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Phân tích báo cáo tài chính	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
22	TS. Phùng Thị Lan Hương	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị rủi ro	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
		Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				
23	TS. Vũ Thị Thục Oanh	Quản trị rủi ro	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị tài chính	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				
24.	TS. Đặng Thị Hương Giang	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thị trường tài chính và các định chế trung gian	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				
25	TS. Lê Thị Kim Chi	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thống kê và phân tích dữ liệu	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				
		Quản lý nhà nước về kinh tế	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				
		Lập và thẩm định dự án đầu tư	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
		Kinh tế học	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				
26	TS. Lê Thị Lý	Triết học	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
27	TS. Bùi Thanh Thủy	Triết học	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
28	TS. Trần Đức Cân	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị đổi mới sáng tạo	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
29	TS. Nguyễn Ngọc Hải	Thị trường tài chính và các định chế trung gian	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
30	TS. Nguyễn Văn Hợp	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thống kê và phân tích dữ liệu	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				
		Kinh tế học	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				
31	TS. Phạm Hồng Tú	Quản trị nguồn nhân lực	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	Học kỳ 2 năm thứ 2	X				
		Quản trị kinh doanh đương đại	Học kỳ 1 năm thứ 2	X				
		Hành vi tổ chức	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		
		Quản trị marketing	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				
32	TS. Vũ Dương Hòa	Quản trị chiến lược	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị marketing	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				
		Quản trị bán hàng	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
		Khởi sự kinh doanh	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
		Lãnh đạo trong tổ chức	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				
33	PGS.TS Trần Việt Lâm	Quản trị kinh doanh đương đại	Học kỳ 1 năm thứ 2	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Lãnh đạo trong tổ chức	Học kỳ 2 năm thứ 1	X				
		Thiết kế tổ chức	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
		Khởi sự doanh nghiệp	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		
		Hành vi tổ chức	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		
34	TS. Hoàng Vũ Linh Chi	Quản trị nguồn nhân lực	Học kỳ 1 năm thứ 1	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
35	TS. Đào Đăng Kiên	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
36	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị rủi ro	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		
37	TS. Bùi Việt Hưng	Khởi sự doanh nghiệp	Học kỳ 1 năm thứ 2			X		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

4.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa

Bảng 4. Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa đối với ngành đào tạo Quản trị và Marketing trình độ đại học

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lưu Khánh Cường, 28/09/1973, Trưởng khoa Quản trị và marketing	Tiến sĩ, 2010	Kinh tế/ Kinh doanh Thương mại	Trưởng khoa
2	Mai Thị Lụa, 22/8/1980, Phó Trưởng khoa Quản trị và marketing	Thạc sĩ, 2008	Quản trị kinh doanh	Phó trưởng khoa
3	Phạm Trung Hải, 26/01/1983, Trưởng bộ môn Quản trị	Thạc sĩ, 2011	Quản trị kinh doanh	Phó trưởng phụ trách Bộ môn
4	Trần Thị Vân, 12/02/1982, Phó Trưởng bộ môn Quản trị	Thạc sĩ, 2009	Quản trị kinh doanh	Phó Trưởng Bộ môn

5	Trần Việt Dũng, 31/07/1981, Phó trưởng bộ môn Marketing, phụ trách bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2015	Quản trị kinh doanh	Phó trưởng phụ trách Bộ môn
6	Vũ Văn Giang 08/02/1989/, Phó trưởng bộ môn Marketing	Thạc sỹ/2016	Quản trị kinh doanh	Phó Trưởng Bộ môn

4.4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo

Bảng 5. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	2009-2011	Đề tài cấp bộ	Vận dụng văn hoá doanh nghiệp vào việc xây dựng và phát triển thương hiệu mang đậm đà bản sắc dân tộc cho các doanh nghiệp Việt Nam		2011	2011		Đỗ Hữu Hải	
2	2010-2012	Đề tài cấp trường	Phát triển văn hoá doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế thị trường	Đỗ Hữu Hải	2012	2012			

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
3	73/GCN-KHCN	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu sự tác động của các yếu tố thuộc văn hóa doanh nghiệp tới sự cam kết của nhân viên	Đỗ Hữu Hải	2018	2018			
4	17/GCNĐKKQ-SKHCN	Đề tài cấp tỉnh	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô đến tăng trưởng kinh tế nhằm định hướng xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hưng Yên theo mô hình tăng trưởng nhanh gắn với phát triển bền vững	Đỗ Hữu Hải	2019	2019			
5	2013	Đề tài cấp bộ	Nghiên cứu cơ sở khoa học của việc tái cơ cấu, đổi mới mô hình tăng trưởng thương mại Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020, tầm nhìn đến 2030	Đinh Văn Thành	2013	2013	Tốt		
6	2013	Đề tài cấp bộ	Tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu thông qua các Công ty xuyên quốc gia (TNC) – Bài học cho Việt Nam	Đinh Văn Thành	2013	2013			

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
7	2015/2015	Đề tài cấp bộ	"Chủ trương, chính sách phát triển Công nghiệp văn hóa giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030"		2015	2015		Nguyễn Mạnh Hùng	
8	01/HĐ-ĐT.13/TBT Bộ Công Thương	Đề tài cấp bộ	Xây dựng cơ sở dữ liệu và thông tin hỏi đáp cho doanh nghiệp về các nội dung cụ thể trong các thông báo của Ủy ban TBT-WTO cho các ngành hàng xuất khẩu chính của Việt Nam	Đinh Văn Thành	Số ĐKKQ: 2016-24-294 Năm 2016				
9	2014-2016	Đề tài cấp nhà nước	Đánh giá thực trạng đô thị hóa gắn với phát triển bền vững ở Việt Nam từ khi Đổi mới (Đề tài nhánh 2 thuộc đề tài Nhà nước KX.01.16/11-15 "Chiến lược đô thị hóa gắn với phát triển bền vững", thuộc Chương trình "Nghiên cứu khoa học phát triển kinh tế và quản lý kinh tế ở Việt Nam đến năm 2020", mã số KX.01/11-15	Nguyễn Đình Thọ	2014	2016			

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
10	2016/2016	Đề tài cơ sở	"Định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn"	Nguyễn Mạnh Hùng	2016	2016			
11	2016/2016	Đề tài cấp bộ	"Đổi mới thể chế công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn hiện nay – Giải pháp và kiến nghị"	Nguyễn Mạnh Hùng	2016	2016			
12	2016	Đề tài cơ sở	Giải pháp thúc đẩy hành vi xem quảng cáo trên mạng xã hội tại Việt Nam	Đoàn Kim Thêu	2016	2017	Xuất sắc		
13	2017	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hình thức truyền miệng trực tuyến trên mạng xã hội tại Việt Nam	Đoàn Kim Thêu	2017	2018	Xuất sắc		
14	2018	Đề tài cơ sở	Giải pháp cho hàng nông sản Việt nam thích ứng với hàng rào kỹ thuật thương mại của thị trường Hoa Kỳ	Lưu Khánh Cường	2017	2018			
15	2016-2018	Đề tài cấp nhà nước	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh trong phát triển kinh tế xã hội bền vững của Tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Đình Thọ	2016	2018			

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
16	2017-2018	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước cấp tỉnh đối với phân bổ và sử dụng vốn NSNN cho các dự án đầu tư XDCB trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Nguyễn Ngọc Hải	2017	2018			
17	2017-2018	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu hệ thống chỉ tiêu phân tích báo cáo tài chính phục vụ quản trị tài chính tại các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Lan	2017	2018	Xuất sắc		
18	2017	Đề tài cơ sở	Hoàn thiện các giải pháp đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2017 - 2021	Trần Hoàng Long	Tháng 7/2017 đến 6/2018	2018			
19	2009-2011	Đề tài cấp nhà nước	Điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại và phát triển bền vững ở Việt Nam		2011			Nguyễn Đình Thọ	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
20	812/QD - DHKTKTCN - ngày 01/11/2018	Đề tài cơ sở	Ứng dụng Machine learning trong xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân tại NHTM CP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	Đặng Hương Giang	QĐ số 249/QĐ-DHKTKTCN ngày 14/06/2019	14/06/2019	Xuất sắc	Nguyễn Hữu Tài, Phạm Thị Ngoan	
21	2017	Đề tài cấp bộ	Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế	Đỗ Minh Cương	2017 - 2019	2019			
22	2018	Đề tài cấp bộ	Công tác tài năng trẻ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp	Đỗ Minh Cương	2018 - 2019	2019			
23	2020	Đề tài nhà nước	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp vận dụng mô hình kinh tế chia sẻ vào hoạt động của Hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp	Đỗ Minh Cương	2020 - 2022	2022			
24	2018	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quảng cáo trên mạng xã hội tại Việt Nam	Đoàn Kim Thêu	2019		Xuất sắc		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
25	812/QD - DHKTKTCN - ngày 01/11/2018	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu vận dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại công ty cổ phần Việt Nam	Hoàng Thị Phương Lan	QĐ số 249/QĐ-DHKTKTCN ngày 14/06/2019	14/06/2019	Tốt		
26	812/QD - DHKTKTCN - ngày 07/11/2018	Đề tài cơ sở	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Nam Định	Nguyễn Hồng Anh	QĐ số 249/QĐ-DHKTKTCN ngày 14/06/2019	14/06/2019	Tốt	Nguyễn Thị Ngọc Lan	
27	812/QD - DHKTKTCN - ngày 01/11/2018	Đề tài cơ sở	Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm Cao su xuất khẩu của Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Thị Chi	QĐ số 249/QĐ-DHKTKTCN ngày 14/06/2019	14/06/2019	Tốt		
28	812/QD - DHKTKTCN - ngày 01/11/2019	Đề tài cơ sở	Phát triển xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường EU dưới tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU	Nguyễn Thị Phượng	QĐ số 249/QĐ-DHKTKTCN	14/06/2019	Tốt		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
					ngày 14/06/2019				
29	812/QD - DHKTKTCN - ngày 07/11/2018	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu tác động của các nhân tố về chất lượng hoạt động kinh doanh ngoại tệ tới hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	249/QD - DHKTKTCN - ngày 14/06/2019	14/06/2019	Tốt		
30	2018	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thanh toán khối lượng công tác giảng viên tại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Trần Hoàng Long	Tháng 7/2018 đến 6/2019	11/07/1905			
31	812/QD - DHKTKTCN - ngày 01/11/2018	Đề tài cơ sở	Đo lường chất lượng giáo dục bậc đại học ngành Tài chính ngân hàng trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Vũ Thị Thục Oanh	QĐ số 249/QĐ-DHKTKTCN ngày 14/06/2019	14/06/2019	Xuất sắc		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
32	2019-2020	Quỹ KAS	Làng thông minh "Smart Village" tại Liên minh châu Âu	Bùi Việt Hưng	2020				
33	580/QĐ - DHKTKTCN, ngày 15/10/2020	Đề tài cơ sở	Nâng cao hiệu quả hợp tác giữa NHTM và các công ty Fintech – Nghiên cứu điển hình tại NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng VPBank	Đặng Hương Giang	QĐ số 253/QĐ-DHKTKTCN ngày 26/06/2020	26/06/2020	Tốt	Phạm Thị Ngoan	
34	2018-2020	Đề tài cấp Bộ	Thực thi trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp (CSR) dệt may tại Việt Nam trong điều kiện hội nhập TPP.	Dương Thị Liễu	2020				
35	580/QĐ - DHKTKTCN, ngày 15/10/2019	Đề tài cơ sở	Góp phần xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0	Lê Thị Lý	QĐ số 253/QĐ-DHKTKTCN ngày 26/06/2020	26/06/2020	Tốt	Trần Thị Thu Huyền	
36	2019	Đề tài cấp bộ	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp quản trị rủi ro trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	Ngô Thị Trà		2020			

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			trong doanh nghiệp ngành chế biến lâm sản tại khu vực Trung du Bắc Bộ						
37	2019-2020	Đề tài cấp bộ	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tài chính của các doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng thông qua công cụ kiểm toán.	Nguyễn Thị Ngọc Lan	2020		Xuất sắc		
38	580/QĐ - DHKTKTCN, ngày 15/10/2020	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp phát triển chợ truyền thống ở khu vực Đồng Bằng Sông Hồng trong diều kiện hiện nay	Nguyễn Thị Phượng	QĐ số 253/QĐ-DHKTKTCN ngày 26/06/2020	26/06/2020	Xuất sắc		
39	580/QĐ - DHKTKTCN, ngày 15/10/2019	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của quản trị tài chính và minh bạch thông tin tới khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	QĐ số 253/QĐ-DHKTKTCN ngày 26/06/2020	26/06/2020	Xuất sắc	Hà Anh Dũng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
40	580/QĐ - DHKTKTCN, ngày 15/10/2020	Đề tài cơ sở	Đánh giá mức độ phát triển của thị trường trái phiếu Chính Phủ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập tài chính	Vũ Thị Thục Oanh	QĐ số 253/QĐ-DHKTKTCN ngày 26/06/2020	26/06/2020	Xuất sắc		
41	2019-2020	Mã số KX.01/16-20.	Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á- Âu trong bối cảnh mới		2020			Bùi Việt Hưng	
42	2019-2020	Sở KHCN Đăk Lăk	Xây dựng mô hình chuỗi cung ứng hàng nông sản chủ lực tỉnh Đắk Lắk		2020			Bùi Việt Hưng	
43	2019-2020	Quỹ FNF	Thực hiện trách nhiệm xã hội tại các doanh nghiệp và HTX nông nghiệp trong bối cảnh thực hiện EVFTA		2020			Bùi Việt Hưng	
44	526/QĐ - DHKTKTCN, 14/10/2020	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các dự án năng lượng tái tạo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	Đặng Hương Giang	QĐ số 286/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 23/6/2021	23/06/2021	Tốt	Phạm Thị Ngoan	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
45	526/QĐ - DHKTKTCN, 14/10/2020	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên khối ngành kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Hoàng Thu Hiền	QĐ số 286/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 23/6/2021	23/06/2021	Xuất sắc	Hoàng Thị Phương Lan	
46	526/QĐ - DHKTKTCN, 14/10/2020	Đề tài cơ sở	Giáo dục lý tưởng, trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy khát vọng khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp trong tình hình hiện nay	Lê Thị Lý	QĐ số 286/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 23/6/2021	23/06/2021	Tốt	Trần Thị Thu Huyền, Đào Thanh Bình	
47	526/QĐ - DHKTKTCN, 14/10/2020	Đề tài cơ sở	Phân tích rủi ro tài chính phục vụ quản trị rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng	Nguyễn Hồng Anh	QĐ số 286/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 23/6/2021	23/06/2021	Xuất sắc	Nguyễn Thị Ngọc Lan	
48	526/QĐ - DHKTKTCN, 14/10/2020	Đề tài cơ sở	Giải pháp phát triển dạy học kết hợp theo mô hình Blended Learning tại Khoa Kế toán trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Nguyễn Ngọc Lan		2021	Tốt	Nguyễn Ánh Hồng, Phùng Thị Hiền	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
49	526/QĐ - DHKTKTCN, 14/10/2020	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng mức độ công bố thông tin trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hằng	QĐ số 286/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 23/6/2021	23/06/2021	Xuất sắc	Trần Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thùy Linh	
50	526/QĐ - DHKTKTCN, 14/10/2020	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam	Trần Thị Quỳnh Giang	QĐ số 286/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 23/6/2021	23/06/2021	Tốt	Trần Thị Ngọc Hà	
51	526/QĐ - DHKTKTCN, 14/10/2020	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu sự tác động của cơ cấu vốn tới rủi ro tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán trong bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay	Vũ Thị Thục Oanh	QĐ số 286/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 23/6/2021	23/06/2021	Tốt		
52	2019-2021	Cấp quốc gia. Qũy Nafosted	Chính sách khuyến khích phát triển chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản ở Việt Nam trong bối cảnh mới		2021			Bùi Việt Hưng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
53	2020-2021	Đề tài cấp quốc gia, thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp vận dụng mô hình kinh tế chia sẻ vào hoạt động của Hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp		2021			Dương Thị Liễu	
54	460/QĐ - DHKTKTCN, 05/10/2021	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến thái độ học tập trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Đặng Hương Giang	417/QĐ - DHKTKTCN, ngày 13/06/2022	13/06/2022	Xuất sắc	Phạm Thị Ngoan	
55	460/QĐ - DHKTKTCN, 05/10/2021	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thép Việt Nam	Hoàng Thị Phương Lan	QĐ số 417/QĐ-ĐHKTKTCN	13/06/2022	Tốt		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
					ngày 13/6/2021				
56	460/QĐ - DHKTKTCN, 05/10/2021	Đề tài cơ sở	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng các thước đo phi tài chính trong doanh nghiệp ngành xây dựng	Ngô Thị Trà		2022	Tốt		
57	2021/2022	Đề tài cơ sở	"Định hướng phát triển kinh tế thể thao trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"	Nguyễn Mạnh Hùng	2022				
58	480/QĐ - DHKTKTCN, 05/10/2021	Đề tài cơ sở	Nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân kế toán tại trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và đào tạo	Nguyễn Thị Ngọc Lan	417/QĐ - DHKTKTCN, ngày 13/06/2022	13/06/2022	Tốt	Nguyễn Hồng Anh	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
59	2021-2022	Đề tài cơ sở	Nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân kế toán tại trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp theo tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục đào tạo	Nguyễn Thị Ngọc Lan	2022		Xuất sắc		
60	460/QĐ - DHKTKTCN, 05/10/2021	Đề tài cơ sở	Đảng Cộng sản Việt Nam với việc thực hiện bình đẳng giới trong giáo dục phổ thông thời kỳ đổi mới	Nguyễn Thị Thu Hà		2022	Tốt		
61	480/QĐ - DHKTKTCN, 05/10/2021	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố về hoạt động tín dụng ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	417/QĐ - DHKTKTCN, ngày 13/06/2022	13/06/2022	Xuất sắc	Hà Anh Dũng	
62	460/QĐ - DHKTKTCN, 05/10/2021	Đề tài cơ sở	Đề xuất giải pháp thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	TS. Lê Thị Kim Chi	417/QĐ - DHKTKTCN, ngày 13/06/2022	13/06/2022	Khá		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
63	460/QĐ - DHKTKTCN, 05/10/2021	Đề tài cơ sở	Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế số hiện nay	Vũ Thị Thục Oanh	417/QĐ - DHKTKTCN, ngày 13/06/2022	13/06/2022	Xuất sắc		
64	2021-2022	Đề tài cấp Bộ Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	Quan hệ kinh tế Việt Nam- EU trong bối cảnh thực hiện EVFTA		2022			Bùi Việt Hưng	
65	2021-2022	Đề tài cấp Bộ Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	Chính sách phát triển vùng của một số nước thành viên Liên minh châu Âu và hàm ý cho Việt Nam		2022			Bùi Việt Hưng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
66	2020-2022	Đề tài cấp Tỉnh (Tỉnh Bắc Ninh)	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển hệ thống logistics xanh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh		2022			Đinh Thị Kim Xuyến	
67	2020-2022	Đề tài cấp Bộ	Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa trong doanh nghiệp		2022			Dương Thị Liễu	
68	701a/QĐ - DHKTKTCN, 12/09/2022	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của xếp hạng tín nhiệm đến rủi ro tín dụng cá nhân tại các NHTM Việt Nam.	Đặng Hương Giang	Quyết định số 510/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 12/06/2023	06/12/2023	Xuất sắc	Phạm Thị Ngoan	
69	2022-2023	Đề tài cấp Cơ sở	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Đinh Thị Kim Xuyến	2023				
70	2023	Đề tài cấp Sở	Quản trị địa phương ở Thành phố Hà Nội – Thực trạng, giải pháp.	Dương Thị Liễu					

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
71	2022-2023	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoạt động cung ứng thuốc của các nhà thuốc tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Ngọc Hải	2023				
72	701a/QĐ - DHKTKTCN, 12/09/2022	Đề tài cơ sở	Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Chi		2023	Tốt		
73	701a/QĐ - DHKTKTCN, 12/09/2022	Đề tài cơ sở	Nâng cao nhận thức và năng lực vận dụng sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam cho sinh viên trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Nguyễn Thị Thu Hà		2023	Tốt		
74	526/QĐ - DHKTKTCN, 14/10/2020	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam	Phạm Thị Lụa	QĐ số 286/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 23/6/2021	23/06/2023	Xuất sắc		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
75	701a/QĐ - DHKTKTCN, 12/09/2022	Đề tài cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của tăng trưởng cho vay đến sự an toàn của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	Quyết định số 510/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 12/06/2023	12/06/2023	Xuất sắc	Hà Anh Dũng	
76	701a/QĐ - DHKTKTCN, 12/09/2022	Đề tài cơ sở	Đề xuất giải pháp thúc đẩy khởi nghiệp trong du lịch nông thôn theo hướng phát triển bền vững trên địa bàn Hà Nội.	TS. Lê Thị Kim Chi	Quyết định số 510/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 12/06/2023	06/12/2023	Tốt		
77	701a/QĐ - DHKTKTCN, 12/09/2022	Đề tài cơ sở	Các giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam theo chuẩn MSCI trong giai đoạn hiện nay.	Vũ Thị Thục Oanh	Quyết định số 510/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 12/06/2023	06/12/2023	Xuất sắc		
78	2022-2023	Đề tài NCKH trọng	Nghiên cứu giải pháp ứng dụng chuyển đổi số các học phần thực hành Kế toán tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp		2023			Đinh Thị Kim Xuyến	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
		điểm cấp cơ sở							
79	2023	Đề tài cấp Sở	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc					Dương Thị Liễu	
80	2022 -2024	Cấp Bộ- Viện hàn lâm KHXH Việt Nam	Điều chỉnh chính sách năng lượng của Liên minh Châu Â trong bối cảnh xung đột Nga- Ukraine	Bùi Việt Hưng	2024				
81	2022-2024	Cấp tỉnh: Sở KHCN Bình Dương	Giải pháp thúc đẩy thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong bối cảnh thực thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)		2024			Bùi Việt Hưng	

4.5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo

Bảng 6. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
DANH SÁCH CÔNG TRÌNH KHOA HỌC TRƯỚC NĂM 2018		
1	Đào Đăng Kiên (2011), Cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu Hội nhập kinh tế quốc tế, Tạp chí Khoa học chính trị	
2	Nguyễn Mạnh Hùng (2013)“ Một số giải pháp khắc phục khó khăn về lao động của ngành dệt may Việt Nam” , Tạp chí Thăng Long khoa công nghệ, (Số4, T8/2013), tr33-34	
3	Nguyễn Mạnh Hùng (2013),“Kinh doanh theo mạng-Xu hướng kinh doanh mới ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học và công nghệ - Trường ĐH KTKT CN, (N01-2013), tr83-89	
4	Phạm Hồng Tú (2014), Phát triển thị trường bán lẻ hàng tiêu dùng ở nông thôn Việt Nam, Sách chuyên khảo, NXB Công Thương	
5	Phạm Hồng Tú (2014), Nâng cao năng lực ngành dịch vụ phân phối hàng hóa của Việt Nam, Sách chuyên khảo, NXB Công Thương	
6	Nguyễn Mạnh Hùng (2015),“Nguồn nhân lực chất lượng cao với việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các ngành có giá trị gia tăng cao ở Việt Nam”, Tạp Chí cộng sản	
7	Đào Đăng Kiên (2016), Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đồng bằng Sông Cửu Long, Tạp Chí công thương	
8	Nguyễn Đình Thọ (2017), An Empirical Investigation of the Implications of the Real Options Approach for Investment in Thailand, IJRESS, International Journal of Research in Economics and Social sciences, Vol.7 Issue 8, August 2017, pp.51-61. ISSN: 2249-7382	
9	Nguyễn Đình Thọ (2017), Estimation of the Euler Investment Equation for Thailand, IJRFM, International Journal of Research in Finance and Marketing, Vol. 7 Issue 8, August - 2017, pp. 59-68. ISSN: 2231-5985	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
10	Nguyễn Đình Thọ (2017), Aggregate Private Fixed Investment and Uncertainty in Thailand, IJSSER, International Journal of Social Science and Economic Research, Volume 02, Issue 09, September 2017, pp. 4467-4477. ISSN: 2455-8834	
11	Nguyễn Đình Thọ (2017), The Impact of Uncertainty and Irreversibility on Investment in Thailand, Научный электронный журнал «Матрица научного познания», Уфа, Россия, С.17-33 Scientific Journal "Matrix Knowledge of Science", UFA, Russia, Issue 9, 2017, pp. 17-33. ISSN 2541-8084	
12	Nguyễn Đình Thọ (2017), The Impact of Stock Market Volatility and Interest Rate Fluctuations on Public Fixed Investment in Thailand, IJMSS, International Journal in Management and Social Science, Volume 05 Issue 09, (September 2017), pp. 89-96. ISSN: 2321-1784	
13	Nguyễn Đình Thọ (2017), The Impact of Stock Market Volatility, Interest Rate Fluctuations, and Exchange Rate on Foreign Portfolio Investment in Thailand, IJAEMR, International Journal of Advanced Engineering and Management Research, Vol. 2 Issue 5, 2017, pp. 1586-1595, ISSN: 2456-3676	
14	Nguyễn Đình Thọ (2017), The Role of Financial Intermediaries in Economic Development, IJER, International Journal of Economics and Research, Volume 8 Issue 4, 2017, ISSN: 2229-6158	
15	Nguyễn Đình Thọ (2017), A Real Devaluation and Expansionary Effect on the Economy, IJMSSRR, International Journal of Management and Social Science Research Review, Vol-1, Issue-39, September-2017, 97-100, ISSN: 2349-6746	
16	Nguyễn Đình Thọ (2017), Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong điều kiện bất định ở Thái Lan, Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN 1859-0012, Số 239, Tháng 5, 2017)	
17	Nguyễn Đình Thọ (2017), Ứng dụng mô hình probit kiểm định bài toán đầu tư ứng dụng quyền chọn thực ở Thái lan, Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN 1859-0012, Số 244, Tháng 10, 2017)	
18	Nguyễn Đình Thọ (2017), Exchange Rate Movements and Foreign Direct Investment in Thailand, Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc tế Globalisation Climate Change and Sustainable Development (ISNB 978-604-95-0217-0)	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
19	Nguyễn Đình Thọ (2017), The relationship between investment and manufacturing sales in the US, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Sustainable Development of Tourism in the Lower Mekong Basin (ISNB 978-604-955-228-1)	
20	Nguyễn Đình Thọ (2017), Hatinh University Expands Its Training Cooperation with ASEAN Countries, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Sustainable Development of Tourism in the Lower Mekong Basin (ISNB 978-604-955-228-1)	
DANH SÁCH CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM 2018		
21	Nguyễn Thị Ngọc Lan (2018), Phân tích hệ thống chỉ tiêu tài chính với việc ra các quyết định quản trị trong doanh nghiệp, Tạp chí Công thương, Số 04	
22	Nguyễn Thị Ngọc Lan (T5/2018), Đổi mới phương pháp giảng dạy kế toán đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội hướng đến tính thực hành và ứng dụng, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, ISBN 978-604-79-1828-7	
23	Đinh Thị Kim Xuyến (2018), Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố tới hiệu quả quản trị rủi ro trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành chế biến lâm sản khu vực Trung du Bắc bộ, Tạp chí Công thương,	
24	Đỗ Minh Cương (2018), Một số lý thuyết về lãnh đạo, quản lý trên thế giới, Tạp chí Cộng sản	
25	Đỗ Minh Cương (2018), Tuyển dụng nhân sự phù hợp với Văn hóa doanh nghiệp, Tạp chí Doanh nghiệp & Hội nhập	
26	Đoàn Kim Thêu (2018), Facilitators to the Relationship from attitude to intention to view advertising in social networks: a multiple - sample study in Vietnam, Conference proceedings: 1st international Conference on Contemporary Issues In Economics, management and Business, Tnovember 29th-30th /2018, Hanoi, Vietnam, tr1459-1474	
27	Hoàng Vũ Linh Chi (2018), Mức độ hài lòng của cư dân về nhà ở xã hội tại Hà Nội, Tạp chí Xã hội học, Số 4/2018	
28	Lê Thị Lý, (2018), Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và sự vận dụng của đảng ta trong công tác cán bộ ở giai đoạn hiện nay, Triết học, Số 10 (329), tr 27-34	
29	Nguyễn Đình Thọ (2018), The Analogy of Real Options to Financial Options, Journal of Liberal Arts and Management Science Kasetsart University, Vol 5 No 1 (2018), 30 June 2018	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
30	Nguyễn Ngọc Hải(2018), Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Việt Nam giai đoạn 2005-2016, nhìn từ hệ số Icor, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN,	
31	Nguyễn Ngọc Lan (2018), Nhận thức về lợi ích, thách thức của việc áp dụng giá trị hợp lý theo chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế số 13 (IFRS13) ở các doanh nghiệp Việt nam và sự ủng hộ áp dụng, [Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc gia: Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam], T10/2018, 300-305	
32	Nguyễn Ngọc Lan, (2018), Sự cần thiết và định hướng áp dụng giá trị hợp lý theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 13 ở Việt Nam, [Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Hỗ trợ doanh nghiệp Việt nam tăng cường tiếp cận tín dụng thông qua nâng cao năng lực quản trị và minh bạch hoạt động tài chính], Quý 3/2018, tr 161-171	
33	Nguyễn Thị Thu Hà (2018), Phát triển giáo dục Việt Nam thời kỳ đổi mới thành tựu và những vấn đề đặt ra, Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận Chính trị	
34	Nguyễn Thị Thu Hà (2018), Phát triển giáo dục phổ thông thời kỳ đổi mới - Chủ trương và một số kết quả, Tạp chí Lịch sử Đảng	
35	Nguyễn Thị Thu Hà (2018), Chủ trương của Đảng về xóa mù chữ - Kết quả và kinh nghiệm, Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
36	Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), Lợi ích và thách thức khi áp dụng báo cáo tích hợp, Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Số 525 - T9/2018, tr 44-46	
37	Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), Bàn về hạn chế của báo cáo tài chính: Nghiên cứu trường hợp báo cáo tích hợp, Proceeding of the sustainable economic development and business management in the context of globallsation, T10/2018, tr 843-848	
38	Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), Perceptions of Corporate Executives in the Adoption of Integrated Reporting in Vietnam, International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2018), Nonember/2018, tr 145-155	
39	Phạm Thị Lụa (2018), Phát triển bền vững hệ thống Logistics ở nước ta, Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia: Xây dựng và phát triển hệ thống Logistics Quốc gia và vùng kinh tế trọng điểm miền trung, T10/2018, tr 31-43	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
40	Phạm Thị Lụa (2018), Một số vấn đề về phát triển hệ thống các doanh nghiệp Logistics Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc tế: Hội nhập kinh tế quốc tế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Logistics tại Việt Nam, T10/2018, tr 217-228	
41	Phạm Thị Lụa, (2018), Factors Affecting the Effectiveness of Risk Management in Small and Medium Enterprises in Forest Product Processing Industry Northern Midland of Vietnam, International Journal of Management Sciences and Business Research, Volume 7 - November 2018 (11)Pages: 202-209	
42	Đỗ Hữu Hải (2018), Factors in Mobilization of Local Financial Resources for the New Rural Development in Thanh Hoa Province's Mountainous Communes, DOI:10.5539/ass.v12n1p172	
43	Đỗ Hữu Hải (2018), Public Services in Agricultural Sector in Hanoi in the Perspective of Local Authority,	
44	Đỗ Hữu Hải (2018), Public Investment and Public Services in Agricultural Sector in Hanoi, International Business Management/	
45	Đỗ Hữu Hải (2018), Assessment of the Quality of Growth with Respect to the Efficient Utilization of Material Resources, DOI: 10.36478/ibm.2017.692.702	
46	Đỗ Hữu Hải (2018), Xác xuất thống kê và phương pháp định lượng trong kinh tế, Nhà xuất bản Lao Động (2018)	
47	Phạm Thị Lụa, (2018), Strategic Risk Determinants Influencing Growth of SMEs: The Case of Vietnam, Research Journal of Finance and Accounting, Vol.9, No.10, 2018	
48	Phạm Thị Lụa, (2018), The Impacts Of Corporate Social Responsibility On Firms Performance Through Enterprise Risk Management At Small And Medium Enterprise In Forest Product Processing Sector In Midland Area Of Northern Viet Nam, International Journal of Management Sciences and Business Research, Volume 8 - February 2019 (02) Pages: 69-74	
49	Phạm Thị Thuỳ Vân (2018), Nâng cao vai trò của kiểm toán nội bộ trong quản lý doanh nghiệp, Tạp chí Công thương	
50	Trần Thị Quỳnh Giang (2018), Hoàn thiện quá trình kiểm soát thông tin kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất thép, Tài chính, Kỳ 2- T6/2018 (683), tr 54-56	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
51	Trần Thị Quỳnh Giang (2018), Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất thép thuộc Tổng công ty thép Việt nam, Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Số 519- tháng 6/2018, tr 60-62	
DANH SÁCH CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM 2019		
52	Nguyễn Thị Ngọc Lan (2019), Hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản, Tạp chí Công Thương, Số 02	
53	Nguyễn Thị Ngọc Lan (2019), Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động kiểm soát tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản Nam Định, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Số 19	
54	Nguyễn Thị Ngọc Lan (2019), Ảnh hưởng của chất lượng kiểm toán tới hiệu quả tài chính tại các doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng Sông Hồng, Tạp chí Công thương, Số 18	
55	Phạm Hồng Tú (2019), Hiện thực hóa Cộng đồng kinh tế ASEAN – Khai thác cơ hội phát triển thương mại của Việt Nam, Tạp chí Con số và sự kiện	
56	Bùi Việt Hưng (2019), Kênh phân phối và xu hướng tiêu dùng hàng nông sản tại EU: Cơ hội và thách thức cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam, kinh tế & chính trị thế giới,	
57	Đặng Hương Giang (2019), Fintech - giải pháp thúc đẩy xu hướng tài chính toàn diện Việt nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, Hội thảo khoa học Quốc gia: Thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam: Những vấn đề lý luận, kinh nghiệm thực tiễn của các nước, T5/2019, tr 132-139	
58	Đặng Hương Giang (2019), Ứng dụng phương pháp Project- Base learning trong đào tạo trực tuyến, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: e- learning Kinh nghiệm và cơ hội hợp tác, 10/2019, tr 423-435	
59	Đinh Thị Kim Xuyến (2019), Factors Affecting the Effectiveness of Risk Management in Small and Medium Enterprises in Forest Product Processing Industry Northern Midland of Vietnam, International Journal of Management Sciences and Business Research,	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
60	Đinh Thị Kim Xuyến (2019), The Impacts Of Corporate Social Responsibility On Firms Performance Through Enterprise Risk Management At Small And Medium Enterprise In Forest Product Processing Sector In Midland Area Of Northern Viet Nam, International Journal of Management Sciences and Business Research,	
61	Đỗ Minh Cương (2019), Quản trị văn hóa doanh nghiệp trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Tạp chí Cộng sản	
62	Đỗ Minh Cương (2019), Nâng cao vị thế của phụ nữ trong doanh nghiệp, Tạp chí Doanh nghiệp & Hội nhập	
63	Đỗ Minh Cương (2019), Văn hóa an toàn trong quản trị tổ chức và doanh nghiệp, Tạp chí An toàn vệ sinh lao động	
64	Đỗ Minh Cương (2019), Sử dụng rượu, bia hiện nay- nhìn từ phương diện văn hóa,	
65	Đoàn Kim Thêu (2019), Tổng quan một số nghiên cứu về hành vi xem quảng cáo trên mạng xã hội dưới góc nhìn của lý thuyết hành vi có kế hoạch, Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Số 537,T3/2019, tr 25-27	
66	Đoàn Kim Thêu, (2019), Tổng quan nghiên cứu mối quan hệ giữa thái độ và hành vi của người sử dụng đối với quảng cáo trên mạng và mạng xã hội, Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Số 541. T5/2019, tr 61-63	
67	Dương Thị Liễu (2019), Tác động của các động lực và rào cản của giảng viên tới năng suất khoa học: Trường hợp các trường đại học kinh tế tại Việt Nam. (Đồng tác giả), Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 30/2019 (712)	
68	Hoàng Thị Phương Lan (2019), Giải pháp hoàn thiện các yếu tố cơ bản của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp chuyên kinh doanh nội dung số Việt nam, Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Số 540- tháng 5/2019, tr76-78	
69	Hoàng Vũ Linh Chi (2019), Chính sách nhà ở xã hội của Việt Nam, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Số 3/2019	
70	Hoàng Vũ Linh Chi (2019), Đôi nét về đời sống văn hóa của cư dân các khu nhà ở xã hội trên địa bàn Hà Nội, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, Số 12/2019	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
71	Ngô Thị Trà, (2019), Nghiên cứu mức độ áp dụng các phương pháp hạch toán chi phí và tính giá thành trong các doanh nghiệp ngành xây dựng, [Hội thảo quốc tế: Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0], Quý 4/2019, tr 558-566	
72	Nguyễn Đình Thọ (2019), The Process of Land Passenger Transportation by International Bus Crossing Lao and Vietnamese Border Gates, The Open Transportation Journal, Volume 13, 2019, ISSN: 1874-4478 (Online), ISSN: 2667-1212 (Print)	
73	Nguyễn Hồng Anh, (2019), Ảnh hưởng của chất lượng kiểm toán tới hiệu quả tài chính tại các doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng, Tạp chí công thương, Số 18- Tháng 10/2019, tr296-301	
74	Nguyễn Hồng Anh, (2019), Hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản, Công thương, Số2- T2/2019, tr 472-475	
75	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Đánh giá phân bổ vốn Ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu qua các tiêu chí, Tạp chí Công thương,	
76	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội,	
77	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN,	
78	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Kinh nghiệm quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản, Tạp chí Tài chính,	
79	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước cấp tỉnh đối với phân bổ và sử dụng vốn Ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh Lai Châu, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội,	
80	Nguyễn Ngọc Lan, (2019), Phát triển bền vững ngành thuỷ sản tại tỉnh Bến Tre, Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương, Số 565- Tháng 5 năm 2020, tr 102-103	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
81	Nguyễn Ngọc Lan, (2019), Lợi ích của việc áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán và nhận thức của các doanh nghiệp Việt Nam, Tap chí khoa học và công nghệ,	
82	Nguyễn Thị Chi (2019); "Tác động công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năng lực cạnh tranh sản phẩm nông sản xuất khẩu của Việt nam"; Tạp chí Khoa học công nghệ; Số 18 tháng 4/2019, trang 60-65, Mục Kinh tế Xã hội	
83	Nguyễn Thị Thu Hằng, (2019), Impact of Corporate Social Responsibility Disclosures on The Financial Performance of Companies Listed on Vietnam Stock Market, International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA2019), ICFAA 2019, November 8th, 2019, Hanoi City, Vietnam	
84	Phạm Thị Thuỳ Vân (2019), Hoàn thiện phân tích hiệu quả chi phí của các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam, Tạp chí Công thương	
85	Phạm Thị Thuỳ Vân (2019), Đánh giá về hoạt động của kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp Việt Năm hiện nay, Tạp chí Công thương	
86	Phùng Thị Lan Hương, (2019), Kinh nghiệm thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Nhật Bản và một số kiến nghị cho các doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, N0 (121), T9/2019, tr28-45	
87	Phùng Thị Lan Hương, (2019), Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường liên minh Châu Âu trong bối cảnh hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Liên Minh Châu Âu, Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, Số 6/2019. GXN	
88	Trần Đức Cân (2019), Solution to develop innovative start - up enterprise in VietNam, European Sciences review, T1-2 - 2019, tr 186-205	
89	Đỗ Hữu Hải (2019), Internal Control Factors Influencing the Operational Efficiency of Non – Financial Companies Listed on Vietnam's Stock Exchange,	
90	Đỗ Hữu Hải (2019), Quan điểm phật giáo về phát triển bền vững và các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả giáo dục, phổ biến quan điểm đó trong xã hội, Nhà xuất bản tôn giáo	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
91	Đỗ Hữu Hải (2019), Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển thương mại điện tử của các DN Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội	
92	Đỗ Hữu Hải (2019), Đánh giá về hoạt động mua bán trên các trang mạng xã hội – tình huống điển hình trên facebook ở Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội	
93	Đỗ Hữu Hải (2019), Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dạy – học các môn khoa học lý luận chính trị (Nghiên cứu điển hình tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân), Nhà xuất bản Lao động - Xã hội	
94	Đỗ Hữu Hải (2019), Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội	
95	Đỗ Hữu Hải (2019), Văn hóa doanh nghiệp, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân (2019)	
96	Đỗ Hữu Hải (2019), Nghiên cứu thị trường, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân (2019)	
97	Đỗ Hữu Hải (2019), Kinh tế lượng, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân (2019)	
98	Đỗ Hữu Hải (2019), Hướng dẫn sử dụng phần mềm trong nghiên cứu khoa học (Khối ngành kinh tế, quản lý), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân (2019)	
99	Trần Hoàng Long (2019), Impact of supply chain linkages on the performance of enterprises specializing in aluminum profiles: The case of VietnamUncertain Supply Chain ManagementVolume 8, number 2, November 2019, pp: 291-3022291-6830 Scopus Q3	
100	Trần Hoàng Long (2019), Relationships between supply chain activities in Vietnamese retail business enterprisesUncertain Supply Chain ManagementVolume 8, number 2, November 2019, pp: 321-3302291-6830 Scopus Q3	
101	Trần Hoàng Long (2019), The effect of corporate social responsibility on performance in Nam Dinh seafood enterprisesManagement Science lettersVolume 10 issue 1 pp. 175-182, 2020,4/8/2019O-1923-9343 p- 1923-9335	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
102	Trần Hoàng Long (2019), CEO ethical leadership, corporate social responsibilitity and financial performance in the industrial revolution 4.0: Evidence from garment and textile industryManagement Science lettersVolume 9 issue 13 pp. 2433-2442, 7/7/2019O-1923-9343 p- 1923-9335	
103	Trần Thị Quỳnh Giang (2019), Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất thép Việt Nam trong điều kiện ứng dụng ERP, Tạp chí khoa học & Công nghệ (ĐH KTKTCN), Số 20/2019, tr68-78	
DANH SÁCH CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM 2020		
104	Bùi Việt Hưng (2020), Xây dựng chuỗi cung ứng ngắn sản phẩm nông sản: Kinh nghiêm của Cộng Hòa Pháp, Tạp chí Cộng sản đăng ngày 4/6/2020,	
105	Bùi Việt Hưng (2020), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế nông thôn Ba Lan"- Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, Nghiên cứu Châu Âu,	
106	Bùi Việt Hưng (2020), Chuỗi cung ứng ngắn sản phẩm nông sản tại Ba Lan: Một số vấn đề lý luận thực tiễn, Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới,	
107	Bùi Việt Hưng (2020), Thị trường EU: Cơ hội xuất khẩu hồ tiêu khu vực Tây nguyên trong bối cảnh triển khai hiệp định EVFTA, Nghiên cứu Châu Âu,	
108	Bùi Việt Hưng (2020), Smallholder contract Farming in the Short Food Chain of Vietnam: a Case of Arable Farming, East African Scholars Journal of Economics, Business and Management, ISSN 2617-4464 (Print) | ISSN 2617-7269	
109	Đặng Hương Giang (2020), Digital banking - Xu thế phát triển của ngành ngân hàng trong kỷ nguyên kinh tế số, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia Phát triển thương mại điện tử Việt Nam trong kỷ nguyên số, Tháng 11/2020, tr 281-292	
110	Đặng Hương Giang (2020), Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn tài chính của các doanh nghiệp xã hội Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Vai trò của khu vực doanh nghiệp xã hội đối với phát triển xã hội, Tháng 8/2020, tr62-75	
111	Đỗ Minh Cương (2020), Đạo đức kinh doanh và tinh thần thượng tôn pháp luật, Tạp chí Cộng sản	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
112	Đỗ Minh Cương (2020), Leadership Model of State owned Commerial Banks in Vietnam,	
113	Đoàn Kim Thêu (2020), Một số nhân tố thúc đẩy tương tác với quảng cáo từ đó hình thành ý định mua hàng của người sử dụng mạng xã hội, Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Số 564, T5/2020	
114	Dương Thị Liễu (2020), Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp dệt may tại Việt Nam trong điều kiện hội nhập CPTPP (Đồng tác giả), Tạp chí Tài chính, Kỳ 1-Tháng 9/2020 (736)	
115	Dương Thị Liễu (2020), Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo sức mạnh cạnh tranh doanh nghiệp trong thời kỳ 4.0, Kỷ yếu hội thảo Quốc gia: "Văn hóa Doanh nghiệp và phát triển thương hiệu", Hà Nội, 2020	
116	Đỗ Hữu Hải (2020), The working capacity of Vietnamese Local Civil Servants, Journal of Scientific and Engineering Research/	
117	Đỗ Hữu Hải (2020), The assessments of local manager on the quality of administrative civil servants - a case study in Hanoi city, Vietnam, http://oaji.net/articles/2017/	
118	Đỗ Hữu Hải (2020), Factors Affecting the Local Governance, 4834-1525677531.pdf	
119	Đỗ Hữu Hải (2020), Ý định chuyển đổi mua từ Offline sang online B2B tích hợp thái độ và thói quen trên khung PPM cho nhóm hàng điện tử tiêu dùng, Tạp chí Kinh tế và dự báo	
120	Đỗ Hữu Hải (2020), Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu tại TP. HCM, Tạp chí khoa học & Đào tạo Ngân hàng	
121	Đỗ Hữu Hải (2020), Leadership Model the Steta Owned Commercial Banks in Vietnam, Behavioral Predictive Modeling in Econometrics	
122	Hoàng Thị Phương Lan (2020), Các nhân tố chi phối đến tổ chức công tác kế toán tại các trường đại học tư thục của Việt Nam, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Số 562 - Tháng 4/2020, tr 113-115	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
123	Hoàng Thị Phương Lan (2020), Sử dụng công cụ kế toán và kiểm toán để nâng cao hiệu quả của quản lý tài chính ở các trường đại học ngoài công lập của Việt Nam tại Hà Nội, Tạp chí khoa học & Công nghệ (ĐH KTKTCN), giấy xác nhận	
124	Hoàng Thị Phương Lan (2020), Nghề kế toán, kiểm toán trong kỷ nguyên công nghệ số (Blockchain), Tạp chí Công Thương, Số 7, T4/2020, tr 248	
125	Hoàng Vũ Linh Chi (2020), Vai trò của thiết chế văn hóa cơ sở trong xây dựng nông thôn mới: nghiên cứu trường hợp hai xã đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Nghiên cứu con người , Số 4/2020	
126	Ngô Thị Trà (2020), Nghiên cứu mức độ sử dụng các thước đo hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp sản xuất, Tạp chí Công Thương, Số 16-tháng 7/2020, tr 302-306	
127	Ngô Thị Trà (2020), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ sử dụng các thước đo hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam, Tạp chí Công thương, Số 17-tháng 2/2020, tr 397-400	
128	Ngô Thị Trà (2020) Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng các thước đo hiệu quả hoạt động trong các doanh nghiệp, Tạp chí Công Thương, Số 17-tháng 2/2020, tr 397-400	
129	Nguyễn Đình Thọ (2020), Đề xuất hoàn thiện chính sách và pháp luật về đất đai ở Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 4 (721)	
130	Nguyễn Đình Thọ (2020), Chính sách tiền tệ và tài khóa ứng phó đại dịch Covid-19, Tạp chí Ngân hàng số 7, tháng 4/2020	
131	Nguyễn Đình Thọ (2020), Chính sách vĩ mô ứng phó COVID-19, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 10 (728)	
132	Nguyễn Đình Thọ (2020), Để đạt được "thắng lợi kép" trong trận chiến chống COVID-19, Tạp chí Cộng sản (1265) ISSN 0866-7276	
133	Nguyễn Hồng Anh, (2020), Kiểm toán nội bộ tại các đơn vị công: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương, Số 561- Tháng 3 năm 2020, tr28-30	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
134	Nguyễn Ngọc Hải (2020), Hoàn thiện quản lý phân bổ vốn Ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh Lai Châu, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN,	
135	Nguyễn Thị Chi (2020), "Nghiên cứu mô hình đánh giá năng lực cạnh tranh của DN kinh tế tư nhân thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng" Tạp chí Khoa học công nghệ, Số 24 tháng 12/2020, trang 74-80; Mục Kinh tế Xã hội	
136	Nguyễn Thị Thu Hà (2020), Phát triển giáo dục phổ thông ở tỉnh Quảng Ninh (1996-2019) Một số kết quả và kinh nghiệm, Tạp chí lịch sử Đảng, Số 2/2020, tr92 - 96	
137	Phạm Thị Lụa, (2020), How to Develop Vietnam's Sea Tourism, Case Studies Journal, Volume 9, Issue 4- April --2020, tr 67-74	
138	Phạm Thị Lụa, (2020), Barriers of Commercial Techniques in the EU Market of Vietnam Leather and Footwear industry, Case Studies Journal, Volume 9, Issue 2- Feb--2020, tr 85-95	
139	Phạm Thị Lụa, (2020), Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, Tạp chí khoa học và Công nghệ Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp,	
140	Phạm Thị Lụa, (2020), Hoàn Thiện chính sách phát triển hệ thống Logistics vùng KTTĐMT, Kỷ yếu hội thảo Khoa học quốc gia: Giải pháp phát triển hiệu quả hệ thống Logistics quốc gia nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững vùng kinh tế trọng điểm miền trung, T2/2020, tr 171-184	
141	Phạm Thị Thuỳ Vân (2020), Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hệ số sinh lời cơ bản của vốn kinh doanh tại các công ty Thủy sản niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội., Tạp chí Khoa học Công nghệ - Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	
142	Phạm Thị Thuỳ Vân (2020), Những giải pháp khắc phục hạn chế trong vận dụng các chỉ tiêu phản ánh hiệu suất sử dụng vốn tại các công ty Thủy sản niêm yết ở Việt Nam, Tạp chí Công thương	
143	Trần Đức Cân (2020), Vietnam's policy on Supporting Enterprises in Technology mastering in the Fourth industrial Revolution, Journal of investment and management, T5/2020, tr 40-46	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
144	Trần Đức Cân (2020), The Applying of internet of things (IOT) in building E - Government of estonia and lessons for Vietnam, The European Journal of Economics and Management Sciences, T6/2020, tr 14-20	
145	Trần Thị Quỳnh Giang (2020), Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam: khó khăn, thách thức và yêu cầu đặt ra, Tạp chí khoa học và công nghệ, 01/07/2020, tr 35-41	
146	Trần Thị Quỳnh Giang (2020), Quản lý nhà nước về phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững tại tỉnh Khánh Hòa, Kỷ yếu Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học - Công nghệ các trường đại học kỹ thuật lần thứ 56, 12/2020, tr 406-411	
147	Trần Thị Quỳnh Giang (2020), Những thay đổi về ghi nhận doanh thu khi áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, Tạp chí tài chính, Kỳ 1- tháng 6/2020 (730), tr 102-104	
DANH SÁCH CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM 2021		
148	Nguyễn Thị Ngọc Lan (2021), Ảnh hưởng của hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Hà Nội , Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Số 27	
149	Nguyễn Thị Ngọc Lan (T9/2021), Phân tích hiệu quả kinh doanh phục vụ quản trị doanh nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững tại các DN nhựa niêm yết ở Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, ISBN: 978-604-67-2031-7	
150	Bùi Việt Hưng (2021), "Làng thông minh": Giải pháp phát triển nông thôn châu Âu, Tạp chí Cộng sản đăng ngày 12/10/2021,	
151	Bùi Việt Hưng (2021), Chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản tại Đắk Lắk: xu hướng mới trong phát triển nông nghiệp bền vững, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam số 5.2021,	
152	Bùi Việt Hưng (2021), nhận thức hành vi mua của người tiêu dùng đối với nông sản địa phương gắn với chuỗi cung ứng ngắn dưới tác động của đại dịch Covid-19, Tạp chí nghiên cứu kinh tế số 7. 2021,	
153	Bùi Việt Hưng (2021), Hiệp định thương mại tự do EU- Hàn Quốc (EUKFTA) sau 10 năm thực hiện: Một số gợi ý đối với Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu: Số 8.2021,	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
154	Bùi Việt Hưng (2021), Chính sách phát triển làng thông minh ở Liên minh Châu Âu, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu: Số 11.2021,	
155	Bùi Việt Hưng (2021), Can a Short Food Supply Chain Create Sustainable Benefits forSmall Farmers in Developing, Sustainability 2021, 13, 2443. Tạp chí ISI Q2. https://doi.org/10.3390/su13052443,	
156	Đào Đăng Kiên (2021), Một số kinh nghiệm của thành phố Hải Phòng về phát triển kinh tế và phòng chống dịch Covid – 19, Tạp chí công thương	
157	Đinh Thị Kim Xuyến (2021), Hiệu quả quản lý tài chính và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học & Công nghệ,	
158	Đinh Thị Kim Xuyến (2021), Kế toán, công cụ hỗ trợ định giá nguồn nhân lực, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán,	
159	Đỗ Minh Cương (2021), Văn hóa doanh nghiệp và chuyển đổi số , Tạp chí Doanh nghiệp hội nhập	
160	Đỗ Minh Cương (2021), Chiến lược phát triển con người toàn diện theo quan điểm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tạp chí Chính trị và phát triển	
161	Đỗ Hữu Hải (2021), Why the Policy Could Not Absorb by SMES? A View through Reciprocity Lens in a Case in Vietnam, Springer International Publishing AG/	
162	Đỗ Hữu Hải (2021), Nghiên cứu ý định chuyển đổi mua từ ngoại tuyến sang trực tuyến b2c tại việt nam: trường hợp nhóm hàng điện tử tiêu dùng, Tạp chí kinh tế và ngân hàng Châu Á	
163	Đỗ Hữu Hải (2021), Tăng trưởng kinh tế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong chuyển đổi kỹ thuật số, Nhà xuất bản tài chính	
164	Đoàn Kim Thêu (2021), Nghiên cứu một số góc nhìn lý thuyết giải thích hành vi tiêu dùng xanh, Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Số 589-tháng 5 năm 2021, tr 128-130	
165	Đoàn Kim Thêu (2021), Ảnh hưởng của quảng cáo trên mạng xã hội đến ý định mua hàng của người tiêu dùng tại Việt Nam, Tạp chí khoa học và công nghệ Trường ĐHKTKTCN. Mục Kinh tế Xã hội, giấy xác nhận	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
166	Đoàn Kim Thêu (2021), Thiệt hại kinh tế do Covid-19 gây ra cho ngành du lịch trong nước, Hội thảo quốc gia: Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và nguồn du lịch địa phương, Tháng 6/2021, 180-182	
167	Hoàng Vũ Linh Chi (2021), Hoàng Vũ Linh Chi, Hồ Thanh Hương, Một số thách thức ứng dụng trí tuệ nhân tạo ở liên minh châu Âu, Tạp chí nghiên cứu châu Âu số 7/2021, Tạp chí nghiên cứu châu Âu, Số 7/2021	
168	Hoàng Vũ Linh Chi (2021), Hoàng Vũ Linh Chi, Hồ Thanh Hương, Chính sách của Trung Quốc về trí tuệ nhân tạo, Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc, số 7/2021	
169	Hoàng Vũ Linh Chi (2021), Hồ Thanh Hương, Hoàng Vũ Linh Chi, Trần Thị Thu Huyền, Dự thảo đạo luật Trí tuệ nhân tạo của EU, Tạp chí nghiên cứu châu Âu, , số 11/2021	
170	Hoàng Vũ Linh Chi (2021), Quan hệ hàng xóm tại một số chung cư cao tầng mới ở Hà Nội, Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, số 9/2021	
171	Hoàng Vũ Linh Chi (2021), Mai Thi Nguyen, Tho Tran, Vu Linh Chi Hoang, Lan-Huong Le & Jennifer Hoponick Redmon (2021): How living and working in industrial zones affects health outcomes in Hanoi, Vietnam,, Housing and Society, 2021	
172	Hoàng Vũ Linh Chi (2021), Hoàng Vũ Linh Chi, Hồ Thanh Hương, Lòng tin đối với hàng xóm ở một số chung cư tại thành phố Hà Nôi., Tạp chí nghiên cứu Con người., Số 6, 2021	
173	Lê Thị Kim Chi (2021), Covid-19, cơ hội cho phát triển bền vững?, Hội tảo khoa học Quốc gia 2021: Giải pháp khoa học, kỹ thuật và phát triển kinh tế, xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, T9/2021, tr 473-485	
174	Lê Thị Kim Chi (2021), Hoạt động đổi mới, sáng tạo công nghệ của doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Hội tảo khoa học Quốc gia 2021: Giải pháp khoa học,kỹ thuật và phát triển kinh tế, xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, T9/2021, tr 467-472	
175	Lê Thị Kim Chi (2021), Khả năng làm chủ công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: thực trạng và giải pháp, Tạp chí nghiên cứu Công nghiệp và thương mại, T5/2021, tr 11-15	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
176	Lê Thị Kim Chi (2021), Kinh nghiệm quốc tế trong bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về định giá công nghệ, định giá tài sản trí tuệ và bài học rút ra cho Việt Nam, Tạp chí Công thương, Số 2- tháng 1/2021, tr 213-216	
177	Lưu Khánh Cường (2021), Thực tiễn phát triển mô hình kinh doanh nền tảng công nghệ tại Việt Nam, Tạp chí Tài chính,	
178	Lưu Khánh Cường (2021), Phát triển chuỗi cung ứng hàng nông sản Việt Nam xuất khẩu, Tạp chí Công thương	
179	Nguyễn Hồng Anh (2021), Phân tích hiệu quả kinh doanh phục vụ quản trị doanh nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững tại các doanh nghiệp nhựa niêm yết ở Việt Nam, Hội thảo Khoa học Quốc gia 2021 Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp, ngày 9/27/2021	
180	Nguyễn Hồng Anh, (2021), Kinh nghiệm áp dụng kinh tế tuần hoàn của một số nước trên thế giới và vấn đề đặt ra với Việt Nam, Tạp chí Công thương, Số 9- tháng 4/2021, tr 160-164	
181	Nguyễn Ngọc Hải (2021), Phát triển dịch vụ thẻ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN,	
182	Nguyễn Ngọc Hải (2021), Kinh nghiệm cho các doanh nghiệp trong việc tạo vốn trên thế giới, Hội thảo khoa học quốc gia - Cục phát triển thị trường và DN khoa học và công nghệ,	
183	Nguyễn Ngọc Hải (2021), Phát triển bền vững thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức, Hội thảo khoa học Quốc gia – Trường ĐH KTKTCN,	
184	Nguyễn Ngọc Lan, (2021), Áp dụng mô hình blended learning trong giảng dạy tại khoa Kế toán trường ĐHKTKTCN, Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương số 588, T5/2021, tr 95-970	
185	Nguyễn Ngọc Lan, (2021), Factors influencing the application of fair value of Vietnamese enterprises: an extension study of the theory of planned behaviour, Afro-Asian J. Finance and Accounting, Vol. 11, No. 2, 2021	
186	Nguyễn Thị Chi (2021), Một số vấn đề đặt ra đối với việc phát triển kinh tế tư nhân trong bối cảnh nền kinh tế số tại Việt nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Quí IV/2021	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
187	Nguyễn Thị Chi (2021), Hỗ trợ pháp luật phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, 'Sô 584-tháng 3 năm 2021, tr 91-93	
188	Nguyễn Thị Chi (2021), Vai trò của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế các tỉnh miền trung, Tạp chí Tài chính, Kỳ 2- tháng 5/2021 (753)	
189	Nguyễn Thị Chi (2021), "Một số vấn đề đặt ra đối với việc phát triển KTTN trong bối cảnh kinh tế số tại VN", [Hội thảo quốc gia], 2021	
190	Nguyễn Thị Phượng (2021), Chỉ số hiệu quả quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, Tạp chí Công thương, tháng 6/2021	
191	Nguyễn Thị Phượng (2021), Một số giải pháp hoàn thiện chính sách thương mại nhằm phát triển xuất khẩu bền vững sản phẩm da giày của Việt Nam, Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Sô 584-tháng 3 năm 2021, tr 69-71	
192	Nguyễn Thị Thu Hà (2021), Những tiến bộ trong nhận thức và chủ trương về bình đẳng giới từ đại hội IX đến đại hội XIII, [Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Quán triệt văn kiện đại hội XIII đảng cộng sản Việt Nam vào giảng dạy các môn lý luận chính trị tại các cơ sở giáo dục Đại học], T11/2021, tr 476-483	
193	Nguyễn Thị Thu Hà (2021), Bình đẳng giới trong giáo dục phổ thông Việt Nam vì mục tiêu phát triển bền vững, [Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia "Giải pháp khoa học kỹ thuật và phát triển kinh tế – xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững"]	
194	Nguyễn Thị Thu Hà (2021), Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh phát triển giáo dục phổ thông (1996-2015), NXB Công thương	
195	Nguyễn Thị Thu Hà (2021), Sự tác động của kinh tế, văn hóa và xã hội đến giáo dục phổ thông ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay, Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
196	Nguyễn Thị Thu Hằng, (2021), Ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi số đối với nghề kế toán và giảng dạy kế toán, Hội thảo khoa học quốc gia về Kế toán kiểm toán VCAA 2021, 18/12/2021, tr 737- 743	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
197	Nguyễn Thị Thu Hằng, (2021), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số, Hội thảo khoa học quốc gia về Kế toán kiểm toán VCAA 2021, 18/12/2021, tr 205-218	
198	Nguyễn Thị Thu Hằng, (2021), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng chính sách cổ tức của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, GXN,Tạp chí khoa học và công nghệ	
199	Phạm Thị Lụa (2021), Đào tạo nguồn nhân lực Logistics và phong cách cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp, Kỷ yếu hội thảo Quốc tế: Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về khoa học và Công nghệ Phát triển nguồn nhân lực Logistics ở Việt Nam,	
200	Phạm Thị Lụa, (2021), Phát triển khoa học Công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, Hội thảo Quốc gia 2021: Giải pháp khoa học, kỹ thuật và phát triển kinh tế xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, T9/2021, tr 24-34	
201	Phạm Thị Thuỳ Vân (2021), Phân tích hiệu quả kinh doanh phục vụ quản trị doanh nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững tại các doanh nghiệp nhựa niêm yết ở Việt Nam, Hội thảo Khoa học Quốc gia 2021: Giải pháp khoa học kỹ thuật và phát triển kinh tế xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững	
202	Phạm Thị Thuỳ Vân (2021), Kinh nghiệm phân tích hiệu quả kinh doanh ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán	
203	Phạm Thị Thuỳ Vân (2021), Cơ hội và thách thức cho các DN XK Thủy sản Việt Nam khi hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU EVFTA có hiệu lực, Tạp chí Công thương	
204	Trần Hoàng Long (2021), Factors influencing the consumer's intention to buy fashion products made by recycled plastic waste, Management Science Letters, June 21, 2020, tr 3613-3621	
205	Trần Hoàng Long (2021), Factors influencing the consumer's intention to buy fashion products made by recycled plastic waste, Management Science Letters, June 21, 2020, tr 3613-3621	
DANH SÁCH CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM 2022		

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
206	Nguyễn Thị Ngọc Lan (2022), Nhận diện rủi ro tài chính phục vụ quản trị rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Số 30	
207	Nguyễn Thị Ngọc Lan (2022), Nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân kế toán tại trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp theo tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo, Tạp chí Công Thương, Số 3	
208	Bùi Việt Hưng (2022), Thỏa thuận xanh châu âu của EU: Những cam kết thực hiện và một số thách thức đặt ra, Tạp chí nghiên cứu châu âu số 9 2022,	
209	Bùi Việt Hưng (2022), Điều chỉnh chính sách thương mại của Liên minh châu Âu và dự báo tác động đến Việt Nam, Tạp chí kinh tế và quản lý số 10.2022,	
210	Bùi Việt Hưng (2022), Chuỗi cung ứng ngắn nông sản tại Sơn La trong bối cảnh thực hiện EVFTA, Tạp chí khoa học Đại học Đại Nam số 3. 2022,	
211	Đinh Thị Kim Xuyến (2022), Factors Affecting the Application of Environmental Accounting in Manufacturing Enterprises in Vietnam, Journal of Accounting, Finance and Auditing Studies,	
212	Đinh Thị Kim Xuyến (2022), Ảnh hưởng của chuyển đổi số đến công tác kế toán hiện nay ở Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về Kế toán và Kiểm toán VCAA2022,	
213	Đỗ Minh Cương (2022), Ứng dụng mô hình Kinh tế chia sẻ vào hợp tác xã để kiến tạo cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc, Tạp chí Lý luận chính trị	
214	Đỗ Minh Cương (2022), Vận dụng mô hình Kinh tế chia sẻ trong phát triển kinh tế nông nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp, Tạp chí Lý luận chính trị	
215	Dương Thị Liễu (2022), Đưa giá trị cốt lõi vào thực tế doanh nghiệp , Tạp chí Văn hóa doanh nghiệp, tháng 11/2022	
216	Dương Thị Liễu (2022), Một số hạn chế phổ biến trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 512, tháng 10/2022	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
217	Dương Thị Liễu (2022), Giữ chân nhân viên bằng văn hóa doanh nghiệp , Tạp chí Văn hóa doanh nghiệp, tháng 10/2022	
218	Dương Thị Liễu (2022), Văn hóa doanh nghiệp- Công cụ triển khai chiến lược, Tạp chí Văn hóa doanh nghiệp, tháng 9/2022	
219	Dương Thị Liễu (2022), Xây dựng môi trường văn hóa trong doanh nghiệp, Tạp chí Văn hóa doanh nghiệp, tháng 8/2022	
220	Dương Thị Liễu (2022), Các giải pháp nâng cao năng lực quản trị địa phương ở Việt Nam , Tạp chí Văn hóa doanh nghiệp, tháng 7/2022	
221	Dương Thị Liễu (2022), Các yêu cầu của quản trị địa phương tốt , Tạp chí Văn hóa doanh nghiệp, tháng 6/2022	
222	Dương Thị Liễu (2022), Đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị địa phương, Tạp chí Văn hóa doanh nghiệp, tháng 5/2022	
223	Dương Thị Liễu (2022), Quản trị địa phương là gì? , Tạp chí Văn hóa doanh nghiệp, tháng 4/2022	
224	Đỗ Hữu Hải (2022), Specific macro factors affecting economic growth during covid-19 pandemic, DOI: 10.1007/978-3-	
225	Đỗ Hữu Hải (2022), Nghiên cứu thực nghiệm về khả năng lãnh đạo, văn hóa tổ chức, xung đột và đạo đức làm việc trong việc xác định hiệu quả công việc ở cơ quan giáo dục tại Việt Nam, Tạp chí kinh tế và ngân hàng Châu Á	
226	Đỗ Hữu Hải (2022), Các nhân tố ảnh hưởng đến kinh doanh bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam, Tạp chí kinh tế và ngân hàng Châu Á	
227	Hoàng Thị Phương Lan (2022), Application of IFRS in Compiling Financial Accounting Textbooks for Accounting Bachelor Training in Vietnam (ICFAA 2022), International Conference on Finance. Accounting and Auditing. National Economics University, 2129-2137	
228	Hoàng Vũ Linh Chi (2022), Hồ Thanh Hương, Hoàng Vũ Linh Chi, 2022. Nền kinh tế số ở EU., Tạp chí nghiên cứu châu Âu., số 11, 2022	
229	Hoàng Vũ Linh Chi (2022), Ứng phó với rủi ro an ninh mạng của học sinh:nghiên cứu trường hợp hai trường trung học cơ sở ở Hà Nội., Tạp chí Giáo dục và Xã hội., số 8, 2022	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
230	Hoàng Vũ Linh Chi (2022), Hoàng Vũ Linh Chi, Hồ Thanh Hương. 2022. Trí tuệ nhân tạo và giáo dục tương lai., Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số 3, 2022	
231	Lê Thị Kim Chi (2022), Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển hoạt động định giá công nghệ, tài sản trí tuệ:Gợi suy cho Việt Nam, Tạp chí Công thương, Số 18 [1], trang 136-141, tháng 7/2022	
232	Lưu Khánh Cường (2022), The effect of corporate social respongsibility on green supply chain management and firm performance, Uncertain Supply chain Management, Vol 10, N0, 2022 pp 1-12, Q2	
233	Ngô Thị Trà (2022), Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ áp dụng phương pháp kế toán quản trị hỗ trợ ra quyết định trong các doanh nghiệp sản xuất, [Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về Kế toán và Kiểm toán VCAA 2022], Nhà xuất bản ĐH Kinh tế quốc dân trang QIV/2022 310-323	
234	Nguyễn Hồng Anh (2022), Phân tích dấu hiệu bất thường trên báo cáo tài chính, Tạp chí Kinh tế- Châu Á Thái Bình Dương, Số cuối tháng - Tháng 4/2022, tr 72-73	
235	Nguyễn Mạnh Hùng (2022)“Kinh tế thể thao ở Việt Nam – Triển vọng và giải pháp phát triển, Số 65/2022”, Tạp chí Kinh tế	
236	Nguyễn Ngọc Hải (2022), Quản lý chi ngân sách nhà nước tại tỉnh Lai Châu: Thực trạng và khuyến nghị chính sách, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN,	
237	Nguyễn Ngọc Hải (2022), Ứng dụng mô hình phân tích dupont trong đánh giá hiệu quả tài chính tại công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN,	
238	Nguyễn Thị Chi (2022) Vấn đề quản lý dịch vụ công trong nền kinh tế thị trường, Tạp chí Công thương, Số 8 - tháng 4/2022, tr228-230	
239	Nguyễn Thị Phượng (2022), Một số vấn đề về chính sách thương mại nhằm phát triển bền vững sản phẩm Da giày của Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Quí IV/2022	
240	Nguyễn Thị Phượng (2022), Ứng dụng các mô hình quốc tế một cửa cung cấp dịch vụ công tại Việt Nam, Tạp chí Công thương, Số 7 - tháng 4/2022, tr148-150	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
241	Nguyễn Thị Thu Hà (2022), Quá trình hoàn thiện quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường từ Đại hội X (2006) đến Đại hội XIII (2021), [Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia "Nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên Việt Nam khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh trong bối cảnh hiện nay"]	
242	Nguyễn Thị Thu Hằng, (2022), Factors Affecting the Intention to Start A Business of Economics Students at Universities in Hanoi,(ICFAA 2022), International Conference on Finance. Accounting and Auditing. National Economics University, T12/2022, tr2169-2176	
243	Nguyễn Thị Thu Hằng, (2022), Application of IFRS in Compiling Financial Accounting Textbooks for Accounting Bachelor Training in Vietnam (ICFAA 2022), International Conference on Finance. Accounting and Auditing. National Economics University, 2129-2137	
244	Phạm Thị Lụa, (2022), Giải pháp ứng dụng chuyển đổi số cho các học phần thực hành kế toán tại các trường đại học, Kỷ yếu hội thảo Khoa học quốc gia về kế toán và kiểm toán VCAA 2022,	
245	Phùng Thị Lan Hương, (2022), Cơ hội và thách thức của các DN BH VN trong bối cảnh toàn cầu hóa, Hội thảo khoa học quốc gia 2021, trường ĐHLĐXH, Trang 49-53, 2022	
246	Phùng Thị Lan Hương, (2022), Phát triển bền vững kinh doanh ngoại hối của các NHTM Việt Nam, Hội thảo khoa học quốc gia 2021, trường ĐHKTKTCN, Trang 374-385, 2022	
247	Vũ Dương Hoà (2022), Nâng cao năng lực quản trị tại các doanh nghiệp nhà nước Việt Nam hiện nay, *[Kỷ yếu hội thảo quốc gia]*	
DANH SÁCH CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NĂM 2023		
248	Nguyễn Thị Ngọc Lan (2023), Các mô hình phát hiện gian lận báo cáo tài chính trên thế giới và Việt Nam, Tạp chí Công Thương, Số 02	
249	Nguyễn Thị Ngọc Lan (2023), Việt Nam với vấn đề phát triển kinh tế xanh, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Số chuyên đề	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
250	Bùi Việt Hưng (2023), Trách nhiệm xã hội tại doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong bối cảnh thực thi EVFTA, Tạp chí kinh tế và quản lý,	
251	Bùi Việt Hưng (2023), Điều chỉnh chính sách năng lượng của Liên minh châu Âu trong bối cảnh xung đột Nga - Ukraine, Tạp chí Cộng Sản, bản online.,	
252	Bùi Việt Hưng (2023), Thị trường mua bán phát thải của Liên minh châu Âu, Tạp chí kinh tế và quản lý,	
253	Bùi Việt Hưng (2023), Financial Development and International, Sage Journal, 31. March. 2023, Scopus Q2, https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/21582440231163842	
254	Đặng Hương Giang (2023), Ứng dụng công nghệ trong xếp hạng tín nhiệm và quản trị rủi ro ngân hàng- kinh nghiệm thế giới và bài học cho các ngân hàng thương mại Việt nam, Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán kiểm toán và tài chính ngân hàng, T3/2023 tr 99-107	
255	Đinh Thị Kim Xuyến (2023), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán quản trị môi trường trong các doanh nghiệp, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán,	
256	Đinh Thị Kim Xuyến (2023), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Tạp chí Công Thương,	
257	Đoàn Kim Thêu (2023), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm xanh dưới góc nhìn của lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB), Tạp chí Khoa học và Công nghệ trường ĐHKTKTCN, Giấy chứng nhận chờ đăng/2023	
258	Đoàn Kim Thêu (2023), Quảng cáo xanh trên mạng xã hội và các vấn đề nghiên cứu có liên quan, Tạp chí Châu Á-Thái Bình Dương, Số 633 tháng 4 năm 2023	
259	Đoàn Kim Thêu (2023), Viewing advertisements in social networks: the attiude-intention inconsistency revisited, Online Information Review, EarlyCite-Issue(s) available; 149-From volume; 24 Issue: 1, to Volume; 47 Issue: 2 Article publication date: 14 February 2023	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
260	Hoàng Thị Phương Lan (2022), Factors Affecting the Intention to Start A Business of Economics Students at Universities in Hanoi (ICFAA 2022), International Conference on Finance. Accounting and Auditing. National Economics University, T12/2022, tr2169-2176	
261	Lê Thị Kim Chi (2023), Động lực thúc đẩy khởi nghiệp du lịch nông nghiệp của nông dân trên địa bàn Hà Nội, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường ĐHKTKTCN, Số 37, trang 87-95, Tháng 4/ 2023	
262	Lưu Khánh Cường (2023), The Impact of Green Supply Chain Integration on Environmental Perforomance of Vietnamese Agribusinesses: Qualitative Research, Journal of Survey in Fisheries Sciences, Vol 10, Issue 2,2023 pp.3472-3492	
263	Lưu Khánh Cường (2023), Impact of dynamic capability on new childcare app produccts development of software enterprises in Viet Nam, Annals of Forest Research, Vol 65, Issue 1, pp 10502-10520	
264	Lưu Khánh Cường (2023), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người lao động tại khu công nghiệp Bảo Minh tỉnh Nam Định, Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương, Số chuyên đề - Tháng 4 năm 2023, trang 83-85	
265	Lưu Khánh Cường (2023), Relationship Between Social Responsibility and Sustainable Development in Vietnamese Seafood Enterprises, Journal of Survey in Fisheries Sciences, Vol 10, Issue 3,2023, June 2023, pp.394-403	
266	Lưu Khánh Cường (2023), Improving Productivity and Quality of japan And Singapore, Lessons Learned For Vietnamese Seafood Industry, Journal of Survey in Fisheries Sciences, Vol 10, Issue 3 June-2023, pp 383-393	
267	Lưu Khánh Cường (2023), The impact of green supply chain integration on the innovation of Vietnamese agricultural enterprises, Journal of Survey in Fisheries Sciences, Vol 10, Issue 2, pp.13493-3517, 2023	
268	Nguyễn Hồng Anh, (2023), Phân tích dữ liệu lớn trong kiểm toán báo cáo tài chính - xu thế của kiểm toán Việt Nam, Công Thương, Số 2, tháng 1/2023, trang 268 - 272	
269	Nguyễn Hồng Anh, (2023), Kiểm soát nội bộ với vấn đề ngăn ngừa, phát hiện gian lận trong doanh nghiệp bảo hiểm, Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Số chuyên đề, tháng 4/2023, trang 57 - 58	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
270	Nguyễn Hồng Anh, (2023), Thực trạng xu hướng và giải pháp đào tạo sinh viên ngành Kế toán đáp ứng nhu cầu hội nhập Quốc tế, Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán, Số 01 (234) - 2023, t 22-25	
271	Nguyễn Ngọc Hải (2023), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoạt động cung ứng thuốc của các nhà thuốc tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN,	
272	Nguyễn Ngọc Lan (2023), Hoàn thiện mạng lưới kho bãi trong hoạt động logistics trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Số 635 - Tháng 5 năm 2023 trang 91 - 93	
273	Nguyễn Ngọc Lan (2023), Giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Tạp chí Công thương, Số 10 - Tháng 4/2023 tr 195-197	
274	Nguyễn Thị Chi (2023), Lao - Viet Nam investment promotion perspectives: a cáe study of vientiane capital, The 17th ifeama international conference proceedings on knowledge transformation and innovation in global society	
275	Nguyễn Thị Chi (2023), Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các ngành doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics, Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Số cuối tháng - Tháng 5 năm 2023	
276	Nguyễn Thị Thu Hà (2023), Thanh niên Việt Nam với phát huy "sức mạnh mềm" văn hóa, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí online ngày 30/7/2023	
277	Nguyễn Thị Thu Hà (2023), Đường lối xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới - bản lĩnh, linh hoạt, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, [Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia "Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam lý luận và thực tiễn"]	
278	Nguyễn Thị Thu Hà (2023), Sinh viên Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp với việc phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
279	Phạm Thị Lụa, (2023), Thực trạng ứng phó với đại dịch Covid 19 và giải pháp nâng cao năng lực ứng phó của các doanh nghiệp lữ hành tại Hà Nội, Tạp chí KHCN trường ĐHKTKTCN, Số 37/2023, tr67-75	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
280	Trần Hoàng Long (2023), Impact of green supply chain management on competitive advantage and firm performance in Vietnam, Uncertain Supply Chain management, Vol 10, Issue 4, online: August 2022, pp 1175-1190	
281	Trần Hoàng Long (2023), The Influence of Sprots Activities on Workplace Productivity in Vietnam: The Mediating Role of Stress management and Work-life balance , American Journal of Health Behavior, Vol 46, Issue 6, November 2022,pp: 673-682	
282	Trần Hoàng Long (2023), Impact of sducation service quanlity on non-finacial performance of universities training forestry in Vietnam, Annals of Forest Research, Vol 65, Issue 1, November 2022,pp: 3819-3840	
283	Đỗ Hữu Hải (2023), Effects of social marketing on attitudes and behavior on road traffic in Hanoi city, 319-73150-6_36	
284	Đỗ Hữu Hải (2023), Market development strategy of renewable energy industry in Vietnam,	
285	Trần Thị Quỳnh Giang (2023), Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công là yêu cầu cấp thiết, Tạp chí Thuế nhà nước, Số 15 (946), T4/2023, tr 26-27	
286	Trần Thị Quỳnh Giang (2023), Sự thay đổi của kế toán và kiểm toán trong xu hướng công nghệ Metaverse - vũ trụ ảo trong tương lai, Tạp chí Công Thương, Số 7 - tháng 03/2023 trang 304-306	

PHẦN V. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo

Bảng 7. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Quản trị kinh doanh đào tạo trình độ thạc sĩ

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	14	3066	Tập trung học viên đầu khóa, cuối khóa	Học kỳ 1 năm thứ nhất Học kỳ cuối	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	28	3398	Triết học	Học kỳ 1 – năm thứ nhất	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	305	25412	Các buổi hội thảo khoa học	Trong khóa học	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	7	348	Các học phần lý thuyết	Các học kỳ trong khóa học	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	20	450	Các học phần liên quan đến nội dung thảo luận	Học kỳ 2 năm thứ nhất Học kỳ 1 năm thứ hai	
1.6	Phòng máy tính	26	1526	Các học phần liên quan đến các kiến thức thiết kế, lập trình và mô phỏng trên máy tính	Trong khóa học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	11	3700	Các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
				thạc sĩ		
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15	1450	Các học phần thực hành, thực tập, thí nghiệm	Trong khóa học	

5.2. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Bộ máy vi tính	Trung Quốc	7	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	3,57	HA8.604
2	Ti vi	Trung Quốc	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.604
3	Bộ bàn ghế giảng viên	Việt Nam	1	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN	Kỳ 2 Kỳ 3		HA8.604

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
					Chuyên đề 2: NC marketing			
4	Bộ bàn ghế học viên	Việt Nam	36	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	0,69	HA8.604
5	Bảng biểu quy trình	Việt Nam	6	Bảng	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	Tất cả học viên	HA8.604
6	Tủ sắt	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.604
7	Bảng đen	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.604
8	Bảng tin	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.604
9	Quạt trần	Việt Nam	2	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	12,5	HA8.604

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
10	Điều hòa	Việt Nam	3	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	8,33	HA8.604
11	Công cụ, dụng cụ, VPP phục vụ thực hành	Việt Nam	5	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	Tất cả học viên	HA8.604
12	Bộ máy vi tính	Trung Quốc	7	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	3,57	HA8.606
13	Ti vi	Trung Quốc	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.606
14	Bộ bàn ghế giảng viên	Việt Nam	1	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3		HA8.606
15	Bộ bàn ghế học viên	Việt Nam	36	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	0,69	HA8.606
16	Bảng biểu quy trình	Việt Nam	6	Bảng	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN	Kỳ 2	Tất cả học viên	HA8.606

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
					Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 3		
17	Tủ sắt	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.606
18	Bảng đen	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.606
19	Bảng tin	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.606
20	Quạt trần	Việt Nam	2	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	12,5	HA8.606
21	Điều hòa	Việt Nam	3	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	8,33	HA8.606
22	Công cụ, dụng cụ, VPP phục vụ thực hành	Việt Nam	5	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	Tất cả học viên	HA8.606

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
23	Bộ máy vi tính	Trung Quốc	7	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	3,57	HA8.608
24	Ti vi	Trung Quốc	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.608
25	Bộ bàn ghế giảng viên	Việt Nam	1	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3		HA8.608
26	Bộ bàn ghế học viên	Việt Nam	36	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	0,69	HA8.608
27	Bảng biểu quy trình	Việt Nam	6	Bảng	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	Tất cả học viên	HA8.608
28	Tủ sắt	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.608
29	Bảng đen	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN	Kỳ 2	25	HA8.608

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
					Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 3		
30	Bảng tin	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	HA8.608
31	Quạt trần	Việt Nam	2	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	12,5	HA8.608
32	Điều hòa	Việt Nam	3	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	8,33	HA8.608
33	Công cụ, dụng cụ, VPP phục vụ thực hành	Việt Nam	5	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	Tất cả học viên	HA8.608
34	Bộ máy vi tính	Trung Quốc	6	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	4,17	NA2. 601
35	Ti vi	Trung Quốc	2	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	12,5	NA2. 601

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
36	Bộ bàn ghế giảng viên	Việt Nam	1	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3		NA2. 601
37	Bộ bàn ghế học viên	Việt Nam	36	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	0,69	NA2. 601
38	Bàn máy tính	Việt Nam	6	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	4,17	NA2. 601
39	Ghế tròn	Việt Nam	18	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	1,39	NA2. 601
40	Bảng biểu quy trình	Việt Nam	6	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	Tất cả học viên	NA2. 601
41	Tủ sắt	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	NA2. 601
42	Bảng đen	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN	Kỳ 2	25	NA2. 601

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
					Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 3		
43	Bảng tin	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	NA2. 601
44	Quạt trần	Việt Nam	6	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	4,17	NA2. 601
45	Điều hòa	Việt Nam	4	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	6,25	NA2. 601
46	Công cụ, dụng cụ, VPP phục vụ thực hành	Việt Nam	5	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	Tất cả học viên	NA2. 601
47	Bộ máy vi tính	Trung Quốc	6	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	4,17	NA2. 603
48	Ti vi	Trung Quốc	2	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	12,5	NA2. 603

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
49	Bộ bàn ghế giảng viên	Việt Nam	1	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3		NA2. 603
50	Bộ bàn ghế học viên	Việt Nam	36	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	0,69	NA2. 603
51	Bàn máy tính	Việt Nam	6	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	4,17	NA2. 603
52	Ghế tròn	Việt Nam	18	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	1,39	NA2. 603
53	Bảng biểu quy trình	Việt Nam	6	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	Tất cả học viên	NA2. 603
54	Tủ sắt	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	NA2. 603
55	Bảng đen	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN	Kỳ 2	25	NA2. 603

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
					Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 3		
56	Bảng tin	Việt Nam	1	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	25	NA2. 603
57	Quạt trần	Việt Nam	6	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	4,17	NA2. 603
58	Điều hòa	Việt Nam	4	Chiếc	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	6,25	NA2. 603
59	Công cụ, dụng cụ, VPP phục vụ thực hành	Việt Nam	5	Bộ	Chuyên đề 1: Phân tích TCDN Chuyên đề 2: NC marketing	Kỳ 2 Kỳ 3	Tất cả học viên	NA2. 603

5.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

a) Thư viện

- Diện tích thư viện: 3700 m^2
- Số chỗ ngồi: 700
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 20
- Phần mềm quản lý thư viện: Kipos

- Thư viện điện tử: Có

Thư viện Nhà trường được bố trí ở cả 3 địa điểm Minh Khai, Lĩnh Nam và Nam Định với tổng diện tích 3700 m^2 với 700 chỗ ngồi; có hệ thống wifi sử dụng miễn phí; có 20 máy tính hỗ trợ tra cứu tài liệu và thông tin; có phần mềm quản lý thư viện Kipos để theo dõi các dữ liệu tạo thuận lợi cho người dùng khai thác, sử dụng tài liệu một cách thuận lợi nhất.

Hiện tại, Thư viện đang có số lượng tài liệu in là: 9.377 đầu tương đương với 51.916 bản và tài liệu số là: 3.585 bản, được khai thác và sử dụng trên website thư viện có tên miền là: https://lib.uneti.edu.vn

Bên cạnh đó, Trường đã ký kết thỏa thuận hợp tác khai thác tài liệu số nội sinh của Đại học Bách Khoa Hà Nội; Đại học Quốc gia Hà Nội và 05 CSDL điện tử trực tuyến quốc tế đó là: Springer Ebooks, IG Publishing Ebooks, Elservier Ebooks, Sage Journal, Emerald Insight giúp đa dạng hóa nguồn tài nguyên thông tin của thư viện đáp ứng nhu cầu tài liệu của bạn đọc phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

- Mạng wifi: Thư viện có hệ thống mạng wifi phục vụ cho bạn đọc tại các địa điểm.

- Phần mềm quản lý thư viện: Kipos - Thư viện điện tử: https://lib.uneti.edu.vn

b) Sách, giáo trình, tài liệu học tập

Bảng 9. Danh mục giáo trình, sách, tài liệu học tập

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Viết Thông...[và những người khác]	Chính trị Quốc gia, 2017, Việt Nam	7	Triết học	0601002218	I	
2	Triết học Việt Nam. Tập 1, Triết học Việt Nam truyền thống	Nguyễn Hùng Hậu	Chính trị quốc gia sự thật, 2017, Việt Nam	1	Triết học	0601002218	I	
3	Giáo trình triết học	Hồ Sỹ Quý,...[Và những	Chính trị quốc gia, 2018, Việt Nam	5	Triết học	0601002218	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		người khác]						
4	Thường thức về Triết học Mác - Lênin. Quyển 1, Thế giới quan triết học duy vật biện chứng	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia sự thật, 2022, Việt Nam	1	Triết học	0601002218	I	
5	Thường thức về Triết học Mác - Lênin. Quyển 2, Phép duy vật biện chứng	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia sự thật, 2022, Việt Nam	1	Triết học	0601002218	I	
6	Giáo trình Triết học: Dùng cho khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành Khoa học tự nhiên, Công nghệ (Xuất bản lần thứ năm)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia sự thật, 2022, Việt Nam	1	Triết học	0601002218	I	
7	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam	15	Triết học	0601002218	I	
8	Triết học Hy Lạp - La Mã cổ đại	PGS.TS. Lê Công Sự	Chính trị quốc gia sự thật, 2020, Việt Nam	1	Triết học	0601002218	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
9	Lược sử triết học Nga (Sách chuyên khảo)	TS. Mai K Đa, TS. Dương Quốc Quân, TS. Lê Thị Tuyết	Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam	1	Triết học	0601002218	I	
10	Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sỹ & luận án tiến sỹ	Đinh Phi Hổ	Tài chính, 2021, Việt Nam	10	Phương pháp NCKH	0601001468	I	
11	Kỹ năng viết báo cáo hiệu quả	Kashiwwagi Yoshiki; Châu Phụng dịch	Đại học KTQD, 2019, Việt Nam	5	Phương pháp NCKH	0601001468	I	
12	Giáo trình logic học và phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học	Đoàn Văn Khái...[và những người khác]	Giáo dục, 2018, Việt Nam	3	Phương pháp NCKH	0601001468	I	
13	Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục, 2018, Việt Nam	8	Phương pháp NCKH	0601001468	I	
14	Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	Đại học KTQD, 2022, Việt Nam	10	Phương pháp NCKH	0601001468	I	
15	Đi vào nghiên cứu khoa học	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng hợp TP Hồ Chí	5		0601001468	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			Minh, 2019, Việt Nam		Phương pháp NCKH			
16	Cẩm nang nghiên cứu khoa học: Từ ý tưởng đến công bố	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2020, Việt Nam	5	Phương pháp NCKH	0601001468	I	
17	Tài liệu học tập phương pháp nghiên cứu khoa học	Lưu Khánh Cường,	Nội bộ, 2021, Việt Nam	1	Phương pháp NCKH	0601001468	I	Tài liệu số
18	Cẩm nang kinh tế học	Ha - Joon Chang (Nguyễn Tuệ Anh dịch, Nguyễn Đôn Phước hiệu đính)	Đại học KTQD, 2019, Việt Nam	5	Kinh tế học	0601000561	I	
19	Giáo trình kinh tế học, tập 1	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công	Đại học KTQD, 2018, Việt Nam	5	Kinh tế học	0601000561	I	
20	Giáo trình kinh tế học, tập 2	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công	Đại học KTQD, 2018, Việt Nam	5	Kinh tế học	0601000561	I	
21	Kinh tế học dành cho doanh nhân: 10 công cụ quản lý thiết yếu	Shlomo Maital; Anh Tú dịch	Công thương, 2020, Việt Nam	5	Kinh tế học	0601000561	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
22	Kinh tế học hài hước = Freakonomics: Khám phá những khía cạnh bất ngờ còn ẩn khuất của mọi hiện tượng xã hội từ quan điểm kinh tế học	Steven D. Levitt, Stephen J. Dubner; Nguyễn Thị Huyền Trang	Lao động xã hội; Alphabooks, 2020, Việt Nam	5	Kinh tế học	0601000561	I	
23	Kinh tế học: Về tiền, ngân hàng và thị trường tài chính	Frederic S. Mishkin ; Phan Trần Trung Dũng dịch	Tài chính, 2021, Việt Nam	6	Kinh tế học	0601000561	I	
24	Kinh tế học	David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch; Trần Phú Thuyết	Giáo dục, 1995, Việt Nam	1	Kinh tế học	0601000561	I	
25	Kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Luân	Thống kê, 1995, Việt Nam	1	Kinh tế học	0601000561	I	
26	Từ điển kinh tế học hiện đại	John T. Addison... .[và những người khác]	Chính trị Quốc gia, 1999, Việt Nam	6	Kinh tế học	0601000561	I	
27	Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô	Ngô Đình Giao,...[và những	Thống kê, 2000, Việt Nam	4	Kinh tế học	0601000561	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		người khác]						
28	Kinh tế học vi mô: Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập	Cao Thúy Xiêm	Thống kê, 2000, Việt Nam	1	Kinh tế học	0601000561	I	
29	Từ điển kinh tế học: Anh - Việt giải thích	Nguyễn Văn Ngọc; Phạm Kim San, Hoàng Yến	Thống kê, 2001, Việt Nam	5	Kinh tế học	0601000561	I	
30	Bách khoa toàn thư về kinh tế học và khoa học quản lý	A Silem,...[Và những người khác]	Lao động xã hội, 2002, Việt Nam	1	Kinh tế học	0601000561	I	
31	Kinh tế học vĩ mô: Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, 2003, Việt Nam	1	Kinh tế học	0601000561	I	
32	Giáo trình kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Ái Đoàn	Bách khoa Hà Nội, 2006, Việt Nam	1	Kinh tế học	0601000561	I	
33	Giáo trình kinh tế học vi mô: Dùng trong các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế	Vũ Kim Dung, Phạm Văn Minh	Giáo dục, 2007, Việt Nam	1	Kinh tế học	0601000561	I	
34	Kinh tế học vi mô: Dùng cho	Nguyễn Văn Dần	Lao động xã hội,	3		0601000561	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	học phần kinh tế học vi mô cơ sở		2007, Việt Nam		Kinh tế học			
35	Kinh tế học vi mô: Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, 2007, Việt Nam	4	Kinh tế học	0601000561	I	
36	Bài tập kinh tế học	Damian Ward , David Begg ; Người dịch: Khoa Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân; Hiệu đính: Nguyễn Văn Công, Hồ Đình Bảo	Thống kê, 2008, Việt Nam	6	Kinh tế học	0601000561	I	
37	Kinh tế học	Damian Ward,...[và những người khác]	Thống kê, 2008, Việt Nam	3	Kinh tế học	0601000561	I	
38	Kinh tế học	David Begg,...[và những người khác]	Thống kê, 2008, Việt Nam	8	Kinh tế học	0601000561	I	
39	500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vĩ			3		0601000561	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	mô: Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế	Tạ Đức Khánh	Giáo dục, 2010, Việt Nam		Kinh tế học			
40	Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô: Dùng cho các trường Cao đẳng, đại học khối kinh tế	Vũ Kim Dũng,...[và những người khác]	Giáo dục, 2010, Việt Nam	4	Kinh tế học	0601000561	I	
41	Kinh tế học vi mô. Phần 2	Cao Thúy Xiêm, Nguyễn Thị Tường Anh	Đại học KTQD, 2010, Việt Nam	2	Kinh tế học	0601000561	I	
42	Những vấn đề cơ bản về kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Dần...[và những người khác]	Lao động xã hội, 2006, Việt Nam	5	Kinh tế học	0601000561	I	
43	Bài tập kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Dần,...[và những người khác]	Tài chính, 2007, Việt Nam	1	Kinh tế học	0601000561	I	
44	Giáo trình nguyên lý kinh tế học vi mô	Vũ Kim Dũng	Đại học KTQD, 2006, Việt Nam	9	Kinh tế học	0601000561	I	
45	Kinh tế vi mô			1		0601000561	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Lê Thế Giới,...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2006, Việt Nam		Kinh tế học			
46	Giáo trình nguyên lý kinh tế học vĩ mô: Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế	Nguyễn Văn Công,... [và những người khác]	Giáo dục, 2010, Việt Nam	4	Kinh tế học	0601000561	I	
47	Bài tập nguyên lý kinh tế học vĩ mô: Dùng cho sinh viên trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế	Nguyễn Văn Công	Giáo dục Việt Nam, 2011, Việt Nam	3	Kinh tế học	0601000561	I	
48	Kinh tế học vĩ mô: Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, 2011, Việt Nam	3	Kinh tế học	0601000561	I	
49	Giáo trình nguyên lý kinh tế học vĩ mô: Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế	Nguyễn Văn Công,... [và những người khác]	Giáo dục, 2010, Việt Nam	4	Kinh tế học	0601000561	I	
50	Kinh tế vi mô	Lê Thế Giới	Tài chính, 2006	1	Kinh tế học	0601000561	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
51	Kinh tế học vĩ mô	Damian Ward - David Begg	Thống kê, 2011, Việt Nam	0	Kinh tế học	0601000561	I	
52	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Đinh Phi Hổ	Tài chính, 2018, Việt Nam	6	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
53	Giáo trình thống kê doanh nghiệp		Đại học KTQD, 2020, Việt Nam	5	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
54	Bài tập thống kê	Đặng Hùng Thắng	Giáo dục, 2017, Việt Nam	3	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
55	Giáo trình thống kê xã hội học	Đào Hữu Hồ	Giáo dục, 2017, Việt Nam	3	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
56	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	Chu Văn Tuấn, Nguyễn Thế Anh	Thống kê, 2021, Việt Nam	5	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
57	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	Chu Văn Tuấn,	Tài chính, 2010, Việt Nam	9	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
58	Giáo trình lý thuyết thống kê	Trần Ngọc Phác, Trần Thị Kim Thu	Thống kê, 2006, Việt Nam	6	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
59	Giáo trình thống kê kinh tế: Dành cho sinh viên ngành kinh tế	Bùi Đức Triệu	Đại học KTQD, 2010, Việt Nam	3	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
60	Phân tích dữ liệu với R: Hỏi và đáp	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2019, Việt Nam	5	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
61	Phân tích dữ liệu với R	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2020, Việt Nam	9	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
62	Giáo trình thống kê kinh tế: Dành cho sinh viên ngành kinh tế	Bùi Đức Triệu	Đại học KTQD, 2012, Việt Nam	0	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
63	Giáo trình lý thuyết thống kê	Trần Thị Kim Thu	Đại học KTQD, 2012, Việt Nam	0	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	I	
64	Giáo trình luật thương mại quốc tế	Trần Văn Nam...[và những người khác]	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017, Việt Nam	5	Luật kinh tế - Tài chính		I	
65	Luật phá sản	Quốc hội	Lao động, 2022, Việt Nam	10	Luật kinh tế - Tài chính		I	
66	Luật thương mại năm 2005 và các văn bản	Quốc hội	Chính trị quốc gia sự thật, 2017, Việt Nam	3	Luật kinh tế - Tài chính		I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	hướng dẫn thi hành							
67	Luật doanh nghiệp (Hiện hành): Sửa đổi, bổ sung năm 2022	Quốc hội	Chính trị quốc gia sự thật, 2023, Việt Nam	10	Luật kinh tế - Tài chính		I	
68	Luật Thương mại (Hiện hành): Sửa đổi năm 2017, 2019	Quốc hội	Chính trị quốc gia sự thật, 2023, Việt Nam	10	Luật kinh tế - Tài chính		I	
69	Luật trọng tài thương mại	Quốc hội	Lao động, 2023, Việt Nam	10	Luật kinh tế - Tài chính		I	
70	Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam. Tập 1	Nguyễn Viết Tý,...[và những người khác]	Tư pháp, 2023, Việt Nam	10	Luật kinh tế - Tài chính		I	
71	Giáo trình pháp luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2008, Việt Nam	20	Luật kinh tế - Tài chính		I	
72	Bộ luật Tố tụng dân sự (Hiện hành): Sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022	Quốc hội	Chính trị Quốc gia sự thật, 2023, Việt Nam	10	Luật kinh tế - Tài chính		I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
73	Luật Trọng tài Thương mại	Quốc hội	Lao động, 2023, Việt Nam	10	Luật kinh tế - Tài chính		I	
	Luật ngân sách nhà nước (hiện hành)	Quốc hội	Chính trị Quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam	4	Luật kinh tế - Tài chính		I	
74	Giáo trình pháp luật kinh tế	TS Nguyễn Hợp Toàn	Đại học KTQD, 2015, Việt Nam	10	Luật kinh tế - Tài chính		I	
75	Giáo trình Luật tài chính Việt Nam	PGS.TS Phạm Thị Giang Thu - TS. Nguyễn Thị Lan Hương	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023, Việt Nam	0	Luật kinh tế - Tài chính		I	
76	Bộ luật Tố tụng Dân sự	Quốc hội	2015	0	Luật kinh tế - Tài chính		I	
77	Luật Trọng tài Thương mại	Quốc hội	2010	0	Luật kinh tế - Tài chính		I	
78	Luật Ngân sách Nhà nước	Quốc hội	2015	0	Luật kinh tế - Tài chính		I	
79	Nghệ thuật quản lý nhân sự	Welby Altidor; Khanh Trần dịch	Công thương, 2019, Việt Nam	5	Quản trị nguồn nhân lực		I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	Quản lý nhân sự trong thời đại số = The manager's path	Camille Fournier; Uyên Hương Mẫn	Công thương, 2019, Việt Nam	10	Quản trị nguồn nhân lực		I	
80	Giáo trình quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Vân Điềm	Đại học KTQD, 2019, Việt Nam	1	Quản trị nguồn nhân lực		I	
81	Tuyển dụng và đãi ngộ người tài: Cẩm nang kinh doanh: Hiring and keeping the best people	Harvard Business Review; Bích Nga, Tấn Phước, Phạm Ngọc Sáu - dịch; Nguyễn Văn Quì - hiệu đính.	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2017, Việt Nam	2	Quản trị nguồn nhân lực		I	
82	Giáo trình luật lao động Việt Nam	Lưu Bình Nhưỡng, …[và những người khác]	Công an nhân dân. 2018, Việt Nam	3	Quản trị nguồn nhân lực		I	
83	Tuyệt chiêu tuyển dụng: Hiểu để thành công = Taking on Staff: Recruiting and Retaining the Best Staff for Your Business	Erika Lucas; Dịch: Trần Thị Bích Nga	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2017, Việt Nam	10	Quản trị nguồn nhân lực		I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
84	Chiến lược phát triển nhân viên: Tối ưu hoá năng lực nhân sự, nâng cao hiệu quả công việc	Glenn Elliott, Debra Corey; Diệu Linh	Đại học KTQD, 2020, Việt Nam	5	Quản trị nguồn nhân lực		I	
85	Quản trị nguồn nhân lực = Human resource management	Trần Kim Dung	Tài chính, 2018, Việt Nam	5	Quản trị nguồn nhân lực		I	
86	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2000, Việt Nam	4	Quản trị nguồn nhân lực		I	
87	Chọn đúng người vào đúng việc: = Strengths - Based recruitment and development: Tuyển dụng và phát triển nhân lực dựa trên sở trường	Sally Bibb; Trịnh Huy Nam dịch	Thế giới, 2021, Việt Nam	6	Quản trị nguồn nhân lực		I	
88	Bài giảng Tuyển dụng và sử dụng nhân sự: Tài liệu lưu hành nội bộ	Cấn Hữu Dạn	Hà Nội, 2022	10	Quản trị nguồn nhân lực		I	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
89	Chiến lược thu hút giữ chân nhân tài: Làm thế nào để "giữ chân" nhân viên giỏi?	iroshi Ogura; Yoko	Đại học KTQD, 2019, Việt Nam	5	Quản trị nguồn nhân lực		I	
90	Cẩm nang thực hành tuyển dụng	Anh Tuấn...[và những người khác]	Lao động - xã hội, 2019	5	Quản trị nguồn nhân lực		I	
91	Giáo trình luật lao động Việt Nam. Tập I		Công an nhân dân, 2021, Việt Nam	10	Quản trị nguồn nhân lực		I	
92	Kỹ năng phỏng vấn và tuyển dụng chuyên nghiệp : Bí quyết lắng nghe và đặt câu hỏi	Rob Yeung; Nguyễn Thị Chúc Linh	Dân trí, 2020	5	Quản trị nguồn nhân lực		I	
93	Quản trị nguồn nhân lực: Lý thuyết, thực tiễn và nhừng hinh mẫu mới	Amitabha Sengupta	Hồng Đức, 2019, Việt Nam	5	Quản trị nguồn nhân lực		I	
94	Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực	Trần Xuân Cầu...[và những người khác]	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt Nam	5	Quản trị nguồn nhân lực		I	
95	Tài liệu học tập Quản trị nhân lực	Đại học Kinh tế Kỹ thuật	Nội bộ, 2018, Việt Nam	1	Quản trị nguồn nhân lực		I	Tài liệu số

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Công nghiệp						
96	Giáo trình Quan hệ lao động	Vũ Hoàng Ngân & Vũ Thị Uyên	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2016	0	Quản trị nguồn nhân lực		I	
97	Quản trị chiến lược: Khái luận và các tình huống	Fred R. David; Dịch: Nguyễn Văn Sơn,...[và những người khác]	Hồng Đức, 2020, Việt Nam	6	Quản trị chiến lược	0601002281	II	
98	Giáo trình quản trị chiến lược	Hà Sơn Tùng, Ngô Kim Thanh	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022, Việt Nam	10	Quản trị chiến lược	0601002281	II	
99	Quản trị chiến lược	Hoàng Văn Hải, Nguyễn Trúc Lê, Nguyễn Mạnh Tuân	Đại học quốc gia Hà Nội, 2017, Việt Nam	6	Quản trị chiến lược	0601002281	II	
100	Quản trị chiến lược = Strategic management	Jonh A. Pearce II, Richard B. Robinson; Dịch: Trần Đăng Khoa, Hoàng Lâm Tịnh	Kinh tế, 2022, Việt Nam	6	Quản trị chiến lược	0601002281	II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
101	Giáo trình Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	Hà Nam Khánh Giao, Lê Thái Sơn, Huỳnh Quốc Tuấn	Tài chính, 2021, Việt Nam	8	Quản trị chiến lược	0601002281	II	
102	Quản lý chiến lược: 50 bí quyết thành công trong kinh doanh của người Nhật	Koji Mitani; Dịch: Mai Phương	Công thương, 2020, Việt Nam	5	Quản trị chiến lược	0601002281	II	
103	Tài liệu học tập Quản trị chiến lược	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Nội bộ, 2019, Việt Nam	1	Quản trị chiến lược	0601002281	II	Tài liệu số
104	Bài tập quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh, Lê Văn Tâm	Đại học KTQD, 2009, Việt Nam	21	Quản trị chiến lược	0601002281	II	
105	Bài tập Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	Đại học KTQD, 2015, Việt Nam	6	Quản trị chiến lược	0601002281	II	
106	Quản trị chiến lược trong toàn cầu hóa kinh tế	Đào Duy Huân	Thống kê, 2010, Việt Nam	5	Quản trị chiến lược	0601002281	II	
107	Quản trị chiến lược trong nền kinh tế toàn cầu: Sách là giáo trình, bài giảng cho sinh viên, tài liệu tham khảo cho	Phạm Thị Thu Phương	Khoa học Kỹ thuật, 2007, Việt Nam	6	Quản trị chiến lược	0601002281	II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	nhà quản trị chiến lược							
108	Phát triển và quản lý nhà nước về kinh tế dịch vụ	Bùi Tiến Quý...[và những người khác]	Khoa học kỹ thuật, 2000, Việt Nam	6	Quản lý nhà nước về kinh tế	0601002284	II	
109	Quản lý nhà nước về kinh tế: Giáo trình sau đại học	Mai Văn Bưu, Phan Kim Chiến	Khoa học kỹ thuật, 2001, Việt Nam	8	Quản lý nhà nước về kinh tế	0601002284	II	
110	Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế	Đỗ Hoàng Toàn,...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2008, Việt Nam	19	Quản lý nhà nước về kinh tế	0601002284	II	
111	Giáo trình kinh tế công cộng	Bủi Đại Dũng, Ngô Minh Nam	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, Việt Nam	5	Quản lý nhà nước về kinh tế	0601002284	II	
112	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Ngọc	Đại học KTQD, 2021, Việt Nam	8	Thị trường tài chính và các định chế trung gian	0601002282	II	
113	Kinh tế học: Về tiền, ngân hàng và thị trường tài chính	Frederic S. Mishkin ; Phan Trần Trung Dũng dịch	Tài chính, 2021, Việt Nam	6	Thị trường tài chính và các định chế trung gian	0601002282	II	
114				1	Thị trường tài	0601002282	II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	Giáo trình tiền tệ ngân hàng	Tô Kim Ngọc,...[và những người khác]	Lao động, 2017, Việt Nam		chính và các định chế trung gian			
115	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2018, Việt Nam	11	Thị trường tài chính và các định chế trung gian	0601002282	II	
116	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Ngọc	Đại học KTQD, 2021, Việt Nam	8	Thị trường tài chính và các định chế trung gian	0601002282	II	
117	Giáo trình thị trường tài chính phái sinh	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Minh Hà	Đại học KTQD, 2022, Việt Nam	6	Thị trường tài chính và các định chế trung gian	0601002282	II	
118	Giáo trình thị trường tài chính	Hoàng Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Hoài Lê	Tài chính, 2015, Việt Nam	5	Thị trường tài chính và các định chế trung gian	0601002282	II	
119	Giáo trình văn hóa doanh nghiệp	Đỗ Thị Phi Hoài	Tài chính, 2017, Việt Nam	5	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội		II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
					nhập quốc tế			
120	7 bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp = Your stand is your brand: Khai phá tiềm năng và nâng cao hiệu suất của mọi thành viên trong tổ chức	Patrick Gentempo ; Ivan Tran	Công thương, 2020, Việt Nam	5	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế		II	
121	Văn hóa doanh nghiệp	Dương Thị Liễu	Tài chính, 2021, Việt Nam	8	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế		II	
122	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Nâng cao hiệu quả làm việc nhóm...	Jonathan Raymond ; Dịch: Hoàng Trang	Lao động, 2019, Việt Nam	5	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế		II	
123	Văn hóa doanh nghiệp trong thời đại công nghệ số	Shane Green; Mai Lan dịch	Lao động, 2019, Việt Nam	5	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội		II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
					nhập quốc tế			
124	Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Nguyễn Mạnh Quân	Lao động xã hội, 2005, Việt Nam	7	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế		II	
125	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	PGS.TS. Dương Thị Liễu,..[và những người khác]	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013, Việt Nam	11	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế		II	
126	Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty: Phương pháp môn học và phân tích tình huống	Nguyễn Mạnh Quân	Đại học KTQD, 2007, Việt Nam	20	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế		II	
127	Nghệ thuật quản lý nhân sự	Welby Altidor; Khanh Trần dịch	Công thương, 2019, Việt Nam	5	Hành vi tổ chức		II	
128	Quản trị hành vi tổ chức	Paul Hersey, Ken Blanc Hard, Dịch:	Thống kê, 2005, Việt Nam	14	Hành vi tổ chức		II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Trần Thị Hạnh, Đặng Thành Hưng, Đặng Mạnh Phổ						
129	Sức mạnh của thói quen = The power of habit: Cuốn sách hay nhất về thay đổi hành vi con người và tổ chức	Charles Duhigg, dịch: Lê Thảo Vy	Lao động xã hội, 2019, Việt Nam	5	Hành vi tổ chức	II		
130	Tài liệu học tập Quản trị nhân lực	Nguyễn Thị Thu	Nội bộ, 2018, Việt Nam	1	Hành vi tổ chức	II		Tài liệu số
131	Giáo trình Hành vi tổ chức (tái bản lần thứ 2)	Phạm Thúy Hương và Phạm Thị Bích Ngọc	Đại học KTQD, 2022, Việt Nam	0	Hành vi tổ chức	II		
132	Các học thuyết tạo động lực dành cho Nhà quản lý	Lê Trung Thành và Vũ Hoàng Ngân	Đại học KTQD, 2023, Việt Nam	0	Hành vi tổ chức	II		
133	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp phần 1 & 2	Trần Phước,... [và những người khác]	Tài chính, 2022, Việt Nam	6	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
134	Ké toán tài chính	Võ Văn Nhị,… [và những	Tài chính, 2018, Việt Nam	6	Kế toán tài chính	0601000446	II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		người khác]			doanh nghiệp			
135	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	Trần Mạnh Dũng, Phạm Đức Cường, Đinh Thế Hùng	Tài chính, 2018, Việt Nam	5	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
136	Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp	Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng	Tài chính, 2019, Việt Nam	6	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
137	Tài liệu học tập kế toán tài chính 1	Nguyễn Thị Kim Cúc,...[và những người khác]	Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, Việt Nam	5	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
138	Tài liệu học tập kế toán tài chính 2	Nguyễn Thị Kim Cúc,...[và những người khác]	Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, Việt Nam	5	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
139	Giáo trình Kế toán tài chính	Lê Văn Luyện,...[và những người khác]	Lao động, 2022, Việt Nam	6	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
140	405 tình huống kế toán tài chính: Hướng dẫn thực hành bài tập kế toán	Phạm Ngọc Toàn, Vũ Thanh Long, Võ Văn Nhị	Tài chính, 2022, Việt Nam	6	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
141	26 chuẩn mực kế toán Việt Nam	Bộ tài chính	Tài chính, 2021, Việt Nam	5	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
142	Thông tư 202/2014/TT-BTC: Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất	Bộ tài chính	http://www.vacpa.org.vn/Page/ChiTietVanBan.aspx?vanbanid=305, 2014, Việt Nam	1	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
143	Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, 2)	Bộ tài chính	Tài chính, 2020, Việt Nam	10	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
144	Hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất (theo VAS và IFRS)	Đặng Thế Hòa	Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, Việt Nam	0	Kế toán tài chính doanh nghiệp	0601000446	II	
145	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn	Đại học KTQD, 2018, Việt Nam	1	Quản trị tài chính		II	
146	Quản trị tài chính	Nguyễn Tấn Bình, Nguyễn Trần Huy	Tài chính, 2022, Việt Nam	6	Quản trị tài chính		II	
147	Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp	Phạm Quang Trung,...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2011, Việt Nam	2	Quản trị tài chính		II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
148	MBA trong quản lý kinh doanh	Julian Birkinshaw, KenMark; Hà Tiến Hưng	Lao động, 2019, Việt Nam	5	Quản trị tài chính		II	
149	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Hải Sản	Thống kê, 2001, Việt Nam	4	Quản trị tài chính		II	
150	Quản trị tài chính công ty: Lý thuyết và ứng dụng	Đinh Thế Hiển	Thống kê, 2007, Việt Nam	9	Quản trị tài chính		II	
151	Quản trị tài chính doanh nghiệp: Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, bài tập đáp án	Lưu Thị Hương, Vũ Duy Hào	Tài chính, 2006, Việt Nam	15	Quản trị tài chính		II	
152	Phân tích quản trị tài chính	Nguyễn Tấn Bình	Tài chính, 2022, Việt Nam	0	Quản trị tài chính		II	
153	Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp	GS.TS. Phạm Quang Trung	Đại học KTQD, 2020, Việt Nam	0	Quản trị tài chính		II	
154	Giáo trình nghiên cứu marketing	Đào Thị Minh Thanh, Nguyễn Sơn Lam	Tài chính, 2019, Việt Nam	6	Quản trị Marketing		II	
155	Giáo trình Nghiên cứu marketing	Nguyễn Viết Lâm, Vũ Minh Đức,	Đại học KTQD, 2021, Việt Nam	10	Quản trị Marketing		II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Phạm Thị Huyền						
156	Giáo trình Marketing căn bản	Nguyễn Hoài Nam, Nguyễn Thanh Bình	Lao động, 2022, Việt Nam	6	Quản trị Marketing		II	
157	Quản trị Marketing hiện đại	Lưu Đan Thọ, Cao Minh Nhật	Tài chính, 2016, Việt Nam	3	Quản trị Marketing		II	
158	Quản trị marketing	Philip Kotler, Kevin Lane Keller; Dịch: Ngô Thị Ngọc Huyền,...[và những người khác]	Hồng Đức, 2020, Việt Nam	10	Quản trị Marketing		II	
159	Giáo trình Quản trị marketing	Phạm Thị Huyền, Trương Đình Chiến	Giáo dục Việt Nam, 2012, Việt Nam	10	Quản trị Marketing		II	
160	Giáo trình Quản trị marketing	Trương Đình Chiến	Đại học KTQD, 2013, Việt Nam	3	Quản trị Marketing		II	
161	Quản trị Marketing	Lê Thế Gới, Nguyễn Xuân Lãn	Giáo dục, 2010, Việt Nam	2	Quản trị Marketing		II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
162	Giáo trình Leadership	Nguyễn Vân Hà	Lao động, 2022, Việt Nam	6	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
163	Thuật lãnh đạo trong khủng hoảng và biến động	Leonard J. Marcus,...[và những người khác]; Dịch: Chi Nhân	Công thương, 2020, Việt Nam	5	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
164	Kỹ năng lãnh đạo hiệu quả = The leader habit: Master the skills you need to lead--in just minutes a day	Martin Lanik; Dịch: Đỗ Hoàng Lan	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt Nam	5	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
165	21 nguyên tắc vàng của nghệ thuật lãnh đạo = The 21 irrefutable laws of leadership	John C. Maxwell; Dịch: Đinh Việt Hoà	Lao động, 2020, Việt Nam	5	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
166	Kỹ năng lãnh đạo = Developing the leaders around you	John. C. Maxwell ; Dịch: Hạ Trắng	Lao động, 2018, Việt Nam	5	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
167	21 phẩm chất vàng của nhà lãnh đạo	John C. Maxwell; Hà Quang Hùng	Lao động xã hội, 2018, Việt Nam	5	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
168	90 ngày đầu tiên làm sếp: Những chiến	Michael Watkins; Ngô,	Lao động xã hội,	5			II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	lược then chốt mang lại thành công cho nhà lãnh đạo mới ở mọi cấp độ	Phương Hạnh, Đặng, Khánh Chi	2018, Việt Nam		Lãnh đạo trong tổ chức			
169	Thuật lãnh đạo khởi nghiệp = Startup leadership: Cách biến / Derek Lidow; Trần Thị Bích Nga ý tưởng thành doanh nghiệp vững mạnh	Derek Lidow; Trần Thị Bích Nga	Lao động, 2019, Việt Nam	5	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
170	Tư duy lãnh đạo, hành động lãnh đạo	Herminia Ibarra; Dịch: Phương Võ	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2019, Việt Nam	3	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
171	Tài liệu học tập Kỹ năng lãnh đạo và tổ chức quản lý	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Nội bộ, 2022, Việt Nam	1	Lãnh đạo trong tổ chức		II	Tài liệu số
172	Giáo trình khoa học quản lý. Tập 1	Đỗ Hoàng Toàn	Khoa học Kỹ thuật, 2000, Việt Nam	11	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
173	Phát triển kỹ năng lãnh đạo	John C. Maxwell, Nguyễn Thị Kim Oanh dịch	Lao động, 2017, Việt Nam	0	Lãnh đạo trong tổ chức		II	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
174	Giáo trình Lãnh đạo và quản lý cấp cơ sở	TS. Nguyễn Thọ Ánh	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020, Việt Nam	0	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
175	Khoa học quản lý	GS. TS. Phan Huy Đường	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017, Việt Nam	0	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
176	Giáo trình kỹ năng lãnh đạo quản lý	Dương Thị Thục Anh	Lý luận chính trị, 2018, Việt Nam	0	Lãnh đạo trong tổ chức		II	
177	Giáo trình Quản trị bán hàng	Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông chủ biên, [và những người khác]	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018, Việt Nam	3	Quản trị bán hàng		III	
178	Quản trị bán hàng	James M. Comer; Người dịch: Lê Thị Hiệp Thương, Nguyễn Việt Quyên	Thống kê, 2000, Việt Nam	3	Quản trị bán hàng		III	
179	Người bán hàng vĩ đại nhất thế giới = The greatest salesman in the world	Og Mandino; Dịch: Đoàn Phạm Gia Phú, Lê	Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2023	5	Quản trị bán hàng		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Thị Ngọc Hà						
180	Quản trị bán hàng hiện đại	Lưu Đan Thọ, Nguyễn Hữu Quân	Tài chính, 2016, Việt Nam	3	Quản trị bán hàng		III	
181	Quản trị bán hàng hiện đại: Lý thuyết và tình huống thực hành ứng dụng của các công ty Việt Nam	Lưu Đan Thọ, Nguyễn Vũ Quân	Tài chính, 2016, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng		III	
182	Thuật quản lý bán hàng = Sales management	Brian Tracy; Kim Dung dịch	Thế giới; Alphabooks, 2018, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng		III	
183	Thuật bán hàng	Brian Tracy; Dịch: Anh Tuấn	Thế giới, 2022, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng		III	
184	Thuật đàm phán	Brian Tracy; Dịch: Nguyễn Huyền, Nguyễn Chánh	Thế giới, 2022, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng		III	
185	Bán hàng thời kỹ thuật số = Digital selling : Làm sao để bán nhiều, bán tốt?	Grant Leboff; Phạm Huỳnh Thanh Như	Thế giới, 2018, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
186	Kinh thánh về nghệ thuật bán hàng = The sales bible : Nguồn kiến thức đầy đủ nhất về cách thức bán hàng hiệu quả	Jeffrey Gitomer; Thanh Tùng, Thu Huyền	Lao động xã hội, 2018, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng		III	
187	Quy trình bán hàng chuyên nghiệp = The sales enablement playbook: Nghệ thuật chốt sale đỉnh cao khiến khách hàng không thể chối từ	Cory Bray, Hilmon Sorey; Hà Tiến Hưng dịch	Lao động xã hội, 2020, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng		III	
188	Giáo trình Quản trị kênh phân phối	Đào Thị Minh Thanh, Nguyễn Quang Tuấn	Tài chính, 2018, Việt Nam	6	Quản trị bán hàng		III	
189	Ai hiểu khách hàng người ấy bán được hàng: Con đường trở thành vua bán hàng	Lí Kiện Lâm; Dịch: Hà Giang	Thanh niên, 2023, Việt Nam	1	Quản trị bán hàng		III	
190	Kỹ năng bán hàng tuyệt đỉnh: Bí quyết sinh tồn trong ngành sales	Grant Cardone; Bùi Thị Ngọc Hương	Thế giới, 2020, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
191	Kỹ năng bán hàng: Bán mọi thứ thật dễ dàng = Sales Technigues	Willam T.Brooks; Dịch: Trâm Hương, Duy Hiếu	Lao động, 2020, Việt Nam	5	Quản trị bán hàng		III	
192	Bán hàng và Quản trị bán hàng	David Jobber, Geoff Lancaster; Trần Đình Hải	Thống kê, 2002, Việt Nam	1	Quản trị bán hàng		III	
193	Quản trị bán hàng: Dành cho sinh viên đại học, cao học, MBA : Lý thuyết - Bài tập - Đề thi mẫu - Đáp án	Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi	Phương Đông, 2012, Việt Nam	8	Quản trị bán hàng		III	
194	Tài liệu học tập Quản trị bán hàng	Đoàn Kim Thêu	Nội bộ, 2019, Việt Nam	1	Quản trị bán hàng		III	Tài liệu số
195	Quản trị bán hàng	Bùi Văn Danh và cộng sự	Phương Đông, 2012, Việt Nam	8	Quản trị bán hàng		III	
196	Operations Management: Sustainability Anh Supply Chain Manangement	Jay Heizer, Barry Render, Chuck Musnon	Pearson Education, 2020	3	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
197	Quản trị chuỗi cung ứng. Tập 1, Sử dụng máy tính để hỗ	Đinh Bá Hùng	Kinh tế TP Hồ Chí	5	Quản trị vận hành		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	trợ quá trình ra các quyết đinh quản trị là xu hướng của thời đại 4.0	Anh, Lê Hữu Hoàng	Minh, 2020, Việt Nam		và chuỗi cung ứng			
198	Quản trị chuỗi cung ứng, tập 2	Đinh Bá Hùng Anh, Lê Hữu Hoàng	Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2020, Việt Nam	5	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
199	Quản lý logistics	Đỗ Ngọc Hiền	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2017, Việt Nam	5	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
200	Giáo trình quản trị logistics: Dùng cho ngành kinh tế và quản trị kinh doanh	Đặng Đình Đào...[và những người khác]	Tài chính, 2018, Việt Nam	5	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
201	Giáo trình Quản trị chuỗi cung ứng	Nguyễn Thành Hiếu	Đại học Kinh tế quốc dân, 2022, Việt Nam	10	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
202	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	Hà Minh Hiếu	Tài chính, 2022, Việt Nam	8	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
203	Sổ tay hỏi đáp về logistics	Trần Thanh Hải	Công thương,	1	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			2017, Việt Nam					
204	Giáo trình thương mại quốc tế	Hoàng Đức Thân, Nguyễn Văn Tuấn	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018, Việt Nam	5	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
205	Dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế	Đặng Đình Đào...[và những người khác]	Dân trí, 2019, Việt Nam	5	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
206	Bài tập và bài giải quản trị vận hành hiện đại: Tình huống thực hành ứng dụng của các công ty Việt Nam	Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ	Tài chính, 2015, Việt Nam	3	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
207	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng, ấn bản lần thứ 16	F. Robert Jacobs & Richard B. Chase. Dịch: Nguyễn Minh Phúc và Đỗ Hoàng Phương Nhi	Tài chính, 2015, Việt Nam	0	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	
208	Quản trị vận hành hiện đại	Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ	Tài chính, 2015, Việt Nam	0	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
209	Giáo trình kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang,...[và những người khác]	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2016, Việt Nam	1	Kế toán quản trị	0601002286	III	
210	Giáo trình kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang,...[và những người khác]	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012, Việt Nam	1	Kế toán quản trị	0601002286	III	
211	Giáo trình kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang,...[và những người khác]	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014, Việt Nam	10	Kế toán quản trị	0601002286	III	
212	Giáo trình kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang,...[và những người khác]	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2016, Việt Nam	1	Kế toán quản trị	0601002286	III	
213	Giáo trình kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	Giáo dục Việt Nam, 2011, Việt Nam	5	Kế toán quản trị	0601002286	III	
214	Giáo trình kế toán quản trị 1	Nguyễn Thị Tô Phượng, …[và những người khác]	Lao động, 2016, Việt Nam	21	Kế toán quản trị	0601002286	III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
215	Giáo trình kế toán quản trị	Nguyễn Hoản, Hoàng Đình Hương	Xây dựng, 2018, Việt Nam	6	Kế toán quản trị	0601002286	III	
216	Hệ thống câu hỏi và bài tập kế toán quản trị	Lê Kim Ngọc,...[và những người khác]	Đại hcc Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt Nam	6	Kế toán quản trị	0601002286	III	
217	Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp	Ngô Thế Chi,...[và những người khác]	Hà Nội, 2022, Việt Nam	4	Kế toán quản trị	0601002286	III	
218	Kế toán quản trị 2	Huỳnh Lợi...[và những người khác]	Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2021, Việt Nam	5	Kế toán quản trị	0601002286	III	
219	Kế toán quản trị	Huỳnh Lợi,...[và những người khác]	Tài chính, 2020, Việt Nam	5	Kế toán quản trị	0601002286	III	
220	Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp bảo hiểm	Hoàng Mạnh Cừ, Nguyễn Thị Thu Hà	Tài chính, 2019, Việt Nam	6	Kế toán quản trị	0601002286	III	
221	Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp	Đoàn Xuân Tiên,...[và những người khác]	Tài chính, 2009, Việt Nam	3	Kế toán quản trị	0601002286	III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
222	Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp	Đoàn Xuân Tiên,...[và những người khác]	Tài chính, 2007, Việt Nam	9	Kế toán quản trị	0601002286	III	
223	Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp bảo hiểm	Hoàng Mạnh Cừ, Nguyễn Thị Thu Hà	Tài chính, 2019, Việt Nam	6	Kế toán quản trị	0601002286	III	
224	Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam	Võ Văn Nhị và cộng sự	Tài chính, 2019, Việt Nam	6	Kế toán quản trị	0601002286	III	
225	Kế toán quản trị	Bùi Văn Trường	Lao động xã hội, 2010, Việt Nam	4	Kế toán quản trị	0601002286	III	
226	Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp	Mai Ngọc Anh	Tài chính, 2020, Việt Nam	0	Kế toán quản trị	0601002286	III	
227	Giáo trình Kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	0	Kế toán quản trị	0601002286	III	
228	Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp: Lưu hành nội bộ	Vũ Thị Thục Oanh, Trần Thanh Phúc	Lao động, 2016, Việt Nam	10	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
229	Giáo trình hướng dẫn thực hành tài chính doanh nghiệp: Lưu hành nội bộ	Phùng, Thị Lan Hương, Đường Thị Thanh Hải, Vũ Thành Long	Lao động, 2016, Việt Nam	10	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
230	Giáo trình phân tích tài chính	Đỗ Hồng Nhung	Đại học Kinh tế quốc dân, 2021, Việt Nam	10	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
231	Giáo trình phân tích tài chính	Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Thà	Tài chính, 2017, Việt Nam	5	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
232	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Ngô Kim Phượng,... [và những người khác]	Tài chính, 2021, Việt Nam	5	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
233	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào; Trần Minh Tuấn	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt Nam	14	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
234	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Hồng Anh,…[và những người khác]	Lao động, 2016, Việt Nam	20	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
235	Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Ngọc Quang	Tài chính, 2016, Việt Nam	3	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
236	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Văn Công,...[và những người khác]	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt Nam	14	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
237	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Văn Công	Giáo dục, 2010, Việt Nam	1	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
238	Lý thuyết và thực hành phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Ngọc Quang	Tài chính, 2021, Việt Nam	8	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
239	Giáo trình phân tích tài chính	Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Thà	Tài chính, 2017, Việt Nam	5	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
240	Lập, đọc, phân tích và kiểm tra báo cáo tài chính: Sách chuyên khảo	Trần Mạnh Dũng chủ biên...[và những người khác]	Tài chính, 2017, Việt Nam	3	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
241	Báo cáo tài chính - Trình bày, phân tích, kiểm tra và kiểm toán	Phạm Đức Cường...[và những người khác]	Tài chính, 2018, Việt Nam	5	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
242	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Nội bộ, 2022, Việt Nam	1	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
243	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2008, Việt Nam	15	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
244	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2011, Việt Nam	1	Phân tích báo cáo tài chính	0601000458	III	
245	Thiết kế tổ chức	Richard M. Burton	Tổng hợp TP. HCM, 2020, Việt Nam	0	Thiết kế tổ chức		III	
246	Organization Structures	Helmy H.Balight	Duke University, 2006	1	Thiết kế tổ chức		III	Tài liệu số
247	Organization theory and design; 13th edition	Richard L. Daft	Cengage Learning Inc, 2021	1	Thiết kế tổ chức		III	Tài liệu số
248	Organization Design A practical Methodology and Toolkit	Ronald J. Recardo	HRD Press, Inc, 2008	1	Thiết kế tổ chức		III	Tài liệu số
249	Quản trị học	Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh	Tài chính, 2022, Việt Nam	6	Quản trị kinh doanh đương đại		III	
250	Quản trị học trong toàn cầu hóa	Đào Duy Huân, Trần	Thống kê, 2006, Việt Nam	2	Thiết kế tổ chức		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Thanh Mẫn						
251	Quản trị học	Lê Thế Giới,...[và những người khác]	Tài chính, 2007, Việt Nam	1	Thiết kế tổ chức		III	
252	Quản trị học	Nguyễn Hải Sản	Thống kê, 2007, Việt Nam	5	Thiết kế tổ chức		III	
253	Quản trị học trong xu thế hội nhập: Những vấn đề cốt yếu của quản lý - Essentials of management	Lưu Đan Thọ	Tài chính, 2016, Việt Nam	1	Thiết kế tổ chức		III	
254	Giáo trình quản trị học	Nguyễn Xuân Điền	Tài chính, 2017, Việt Nam	5	Thiết kế tổ chức		III	
255	Quản trị học đại cương	Nguyễn Quang Chương, Lê Thu Thuỷ, Bùi Thanh Nga	Bách khoa Hà Nội, 2017, Việt Nam	5	Thiết kế tổ chức		III	
256	Quản trị học căn bản	James H.Donnelly, James L.Gibson, John M.Ivancevich	TP Hồ Chí Minh, 2001, Việt Nam	3	Thiết kế tổ chức		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
257	Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức	TS. Phạm Vũ Khiêm, TS. Hứa Thuỳ Trang	Bách khoa Hà Nội, 2020, Việt Nam	5	Thiết kế tổ chức		III	
258	Quản trị học đương đại thiết yếu (dịch từ "Essentials of Contemporary Management" của Gareth Jones and Jennifer George)	Gareth Jones and Jennifer George. Dịch: TS. Trần Thị Hồng Liên	MGH, 2020	0	Thiết kế tổ chức		III	
259	Contemporary Management, Ninth Edition	Gareth R. Jones, Jennifer M. George	McGraw Hill Education.	0	Thiết kế tổ chức		III	
260	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Vũ Thị Nguyệt,... và những người khác	Khoa học xã hội, 2023, Việt Nam	10	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
261	Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức = Managing change in organizations	Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thùy Trang	Bách khoa Hà Nội, 2020, Việt Nam	5	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
262	Giải pháp cho đổi mới & sáng tạo = The innovator's solution: Những chiến lược thiết lập	Clayton M. Christensen, Michael E. Raynor; Dịch:	Thế giới, 2018, Việt Nam	5	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	và duy trì tăng trưởng thành công	Hoàng Ngọc Bích						
263	Quản lý sự thay đổi = On change Manegement: Chỉ dẫn sống còn cho người lãnh đạo	John P. Kotter...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2020, Việt Nam	5	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
264	Đổi mới sáng tạo = On innovation: Sáu ngộ nhận trong phát triển sản phẩm	Harvard Business Review Press; Dịch: An Lê, Hải Ninh	Đại học KTQD, 2020, Việt Nam	5	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
265	Tài liệu học tập Quản trị đổi mới sáng tạo	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Nội bộ, 2022, Việt Nam	1	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	Tài liệu số
256	Giáo trình Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	Hà Nam Khánh Giao, Lê Thái Sơn, Huỳnh Quốc Tuấn	Tài chính, 2021, Việt Nam	8	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
257	Giáo trình quản trị chiến lược	Lê Văn Tâm	Thống kê, 2000, Việt Nam	1	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
258	Giáo trình quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh, Lê Văn Tâm	Đại học KTQD,	22	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			2009, Việt Nam					
259	Giáo trình quản trị chiến lược	Hà Sơn Tùng, Ngô Kim Thanh	Đại học KTQD, 2022, Việt Nam	10	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
260	Giáo trình quản trị chiến lược	Nguyễn Ngọc Sơn	Giáo dcc, 2010, Việt Nam	4	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
261	Quản lý tính sáng tạo và đổi mới: Cẩm nang kinh doanh	Harvard Business School Press; Dịch: Trần Thị Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu; Hiệu đính: Nguyễn Văn Quì	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2016, Việt Nam	3	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
262	Kỹ năng ra quyết định: Cẩm nang kinh doanh: Decision Making	Bích Nga, Tấn Phước, Phạm Ngọc Sáu - dịch; Nguyễn Văn Quì - Hiệu đính.	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2017, Việt Nam	2	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
263	Innovation Management: Strategies, Implementation and profits - Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo	Allan Afuah. Dịch: Nguyễn Hồng	Đại học KTQD, 2012, Việt Nam	1	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	Tài liệu số

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
264	Phân tích đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam	Nhâm Phong Tuân	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, Việt Nam	0	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
265	Cẩm nang kinh doanh Harvard, Managing Creativity and Innovation - Quản lý tính sáng tạo và đổi mới	Người dịch: Trần Thị Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu	Tổng hợp TPHCM, 2019, Việt Nam	0	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
266	Giáo trình Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	Đại học Kinh tế quốc dân, 2018, Việt Nam	0	Quản trị đổi mới sáng tạo		III	
267	Đi bán đam mê: Những câu chuyện khởi nghiệp	Đỗ Quang Tuấn Hoàng	Tổng hợp TPHCM, 2018, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	
268	Khởi nghiệp thành công từ nhà đầu tư mạo hiểm = How to be the startup hero	Tim Draper; Vũ Diệu Hương	Đại học Kinh tế quốc dân, 2019, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	
269	Nghệ thuật quản trị khởi nghiệp = Start - up Boards: Các CEO khởi nghiệp có thể khai thác tối đa ban giám đốc	Brad Feld, Mahendra Ramsinghani; Thảo Nguyên	Công thương, 2018, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	của họ bằng cách nào?							
270	Đừng khởi sự khi còn do dự: Để khởi nghiệp mà không sạt nghiệp	Pat Flynn; Nguyễn Hồng Hải	Thế giới; Alphabooks , 2018, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	
271	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền...và những người khác	Đại học KTQD, 2020, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	
272	Quản trị công ty khởi nghiệp	Huỳnh Thanh Điền	Thế giới, 2018, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	
273	Cẩm nang khởi nghiệp kinh doanh : Đạt tới thành công bằng kế hoạch kinh doanh chuyên nghiệp	Thomas Kubr, Heinz Marchesi, Daniel Illar, Herman Kienhuis; Người dịch: Ngô Thế Vinh	Dân trí, 2017, Việt Nam	6	Khởi sự kinh doanh		III	
274	Cẩm nang khởi nghiệp kinh doanh : Đạt tới thành công bằng kế hoạch	Thomas Kubr, Heinz Marchesi, Daniel Illar,	Dân Trí, 2017, Việt Nam	6	Khởi sự kinh doanh		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	kinh doanh chuyên nghiệp	Herman Kienhuis; Người dịch: Ngô Thế Vinh						
275	Cẩm nang CEO khởi nghiệp = Startup CEO: Những bài học thiết thực để gầy dựng một doanh nghiệp thành công	Matt Blumberg; Dịch: Trần Thị Bích Nga	Thế giới, 2018, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	
276	Tạo lập Mô hình kinh doanh = Business model generation	Alexander Osterwalder, Yves Pigneur; Dịch: Lưu Thị Thanh Huyền	Công Thương, 2022, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	
277	Retail: Khởi sự kinh doanh ngành bán lẻ	Entrepreneur Press, Ciree Linsenman; Người dịch: Kiều Thị Hoà, Thu Hà	Dân trí, 2022, Việt Nam	9	Khởi sự kinh doanh		III	
278	Tư duy thiết kế cho khởi nghiệp và lãnh đạo: Cách tiếp cận từ thung lũng Silicon	Muhammad Mashhood Alam; Dịch: Nguyễn Thị Kim Oanh	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
279	Họ đã khởi nghiệp thế nào? = How they started: Câu chuyện khởi nghiệp của 30 doanh nghiệp thành công = How 30 good ideas became great businesses	David Lester; Trương Ngọc Thuyên dịch	Thế giới, 2020, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	
280	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh: Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam	Lưu Đan Thọ	Tài chính, 2016, Việt Nam	5	Khởi sự kinh doanh		III	
281	Giáo trình nguyên lý quản trị rủi ro	Nguyễn Lê Cường, Nguyễn Thị Hoài Lê	Tài chính, 2020, Việt Nam	6	Quản trị rủi ro		III	
282	Cẩm nang quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Mạnh Hùng	Lao Động, 2017, Việt Nam	10	Quản trị rủi ro		III	
283	Báo cáo tài chính: Lập, phân tích và quản trị rủi ro về thuế	Trần Mạnh Dũng, Lại Thị Thu Thủy, Trịnh Chi Mai	Tài chính, 2022, Việt Nam	6	Quản trị rủi ro		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
284	Thị trường tài chính & Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Văn Tiến	Hồng Đức, 2019, Việt Nam	10	Quản trị rủi ro		III	
285	Bài giảng Quản trị rủi ro	Phan Thị Thu Hà...[và những người khác	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt Nam	11	Quản trị rủi ro		III	
286	Tài liệu học tập Quản trị rủi ro	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Nội bộ, 2020, Việt Nam	1	Quản trị rủi ro		III	Tài liệu số
287	Quản trị dự án	Đinh Bá Hùng Anh	Tài chính, 2019, Việt Nam	3	Quản trị rủi ro		III	
288	Thị trường tài chính và Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Văn Tiến	Hồng Đức, 2017, Việt Nam	1	Quản trị rủi ro		III	
289	Quản lý dự án	Cao Hào Thi; Nguyễn Thuý Quỳnh Loan	Đại học Quốc gia TPHCM, 2018, Việt Nam	5	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
290	Quản trị dự án	Đinh Bá Hùng Anh	Tài chính, 2019, Việt Nam	3	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
291	Giáo trình quản lý dự án	Đinh Văn Hải, Trần	Tài chính, 2021, Việt Nam	5	Lập và thẩm định		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Phương Anh			dự án đầu tư			
292	Quản trị dự án: Những nguyên tắc căn bản	Joseph Heagney; Minh Tú; Nguyễn Văn Kỳ	Công Thương, 2019, Việt Nam	5	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
293	Tinh hoa quản trị dự án	Kory Kogon, Suzette Blakemore, James Wood; Thu Hiền - dịch, Vương Bảo Long - hiệu đính.	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2019	3	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
294	Lập và thẩm định dự án đầu tư: Lý thuyết tình huống bài tập	Đỗ Phú Trần Tình	Giao thông vận tải, 2009, Việt Nam	1	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
295	Tài liệu học tập lập và quản lý dự án đầu tư	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Nội bộ, 2021, Việt Nam	1	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	Tài liệu số
296	Giáo trình lập dự án đầu tư: Dùng cho hệ sau đại học	Nguyễn Bạch Nguyệt	Khoa học và kỹ thuật, 2004, Việt Nam	8	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
297	Giáo trình lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt ...[và	Đại học KTQD, 2008, Việt Nam	31	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		những người khác]						
298	Giáo trình quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phương	Lao động xã hội, 2006, Việt Nam	9	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
299	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Đỗ Phú Trần Tình	Giao thông vận tải, 2011	0	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
300	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Đinh Thế Hiển	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015, Việt Nam	0	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
301	Giáo trình quản lý dự án đầu tư	Đinh Văn Hải	Tài chính, 2021, Việt Nam	0	Lập và thẩm định dự án đầu tư		III	
302	Lập, đọc, phân tích và kiểm tra báo cáo tài chính	Trần Mạnh Dũng chủ biên...[và những người khác]	Tài chính, 2017, Việt Nam	3	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	0601002445	IV	
303	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Hồng Anh	Nội bộ, 2023, Việt Nam	1	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	0601002445	IV	
304		Nguyễn Văn Công		1	Chuyên đề 1: Phân tích tài	0601002445	IV	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính		Giáo dục, 2010, Việt Nam		chính doanh nghiệp			
305	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Hồng Anh,…[và những người khác]	Lao động, 2016, Việt Nam	20	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	0 601002445	IV	
306	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Văn Công,...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2019, Việt Nam	14	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	0601002445	IV	
307	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2008, Việt Nam	15	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	0601002445	IV	
308	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc...[và những người khác]	Đại học KTQD, 2011, Việt Nam	1	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	0601002445	IV	
309	Báo cáo tài chính trình bày, phân tích, kiểm tra và kiểm toán	Phạm Đức Cường	Tài chính, 2018, Việt Nam	5	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh 274nghiệp	0601002445	IV	
					Chuyên đề 1: Phân			

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
310	Tài liệu học tập Thực tập Phân tích BCTC	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nội bộ, 2020, Việt Nam	1	tích tài chính doanh nghiệp		IV	Tài liệu số
311	Giáo trình nghiên cứu marketing	Đào Thị Minh Thanh, Nguyễn Sơn Lam	Tài chính, 2019, Việt Nam	6	Chuyên đề 2: Nghiên cứu Marketing		IV	
312	Giáo trình Nghiên cứu marketing	Nguyễn Viết Lâm, Vũ Minh Đức, Phạm Thị Huyền	Đại học KTQD, 2021, Việt Nam	10	Chuyên đề 2: Nghiên cứu Marketing		IV	
313	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	Đại học KTQD, 2022, Việt Nam	10	Chuyên đề 2: Nghiên cứu Marketing		IV	
314	Mô hình phân phối và bán lẻ: Giải pháp nào cho doanh nghiệp Việt Nam	Đào Xuân Khương	Lao động, 2023, Việt Nam	10	Chuyên đề 2: Nghiên cứu Marketing		IV	
315	Giáo trình Hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông	Đại học KTQD, 2021, Việt Nam	10	Chuyên đề 2: Nghiên cứu Marketing		IV	
316	Tài liệu học tập Nghiên cứu marketing	Đại học Kinh tế Kỹ thuật	Nội bộ, 2021, Việt Nam	1	Chuyên đề 2: Nghiên		IV	Tài liệu số

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Công nghiệp			cứu Marketing			
317	Nghiên cứu tiếp thị	MBA. Nguyễn Văn Dung	Lao động, 2010, Việt Nam	3	Chuyên đề 2: Nghiên cứu Marketing		IV	
318	Giáo trình Phương pháp điều tra khảo sát: Nguyên lý và thực tiễn	PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai, TS.Nguyễn Vũ Hùng	Đại học Kinh tế quốc dân, 2015, Việt Nam	3	Chuyên đề 2: Nghiên cứu Marketing		IV	
319	Marketing Research	Alvin C. Burns and Ronal F.Bush	Pearson, 2017	1	Chuyên đề 2: Nghiên cứu Marketing		IV	Tài liệu số
320	Market Research in Practice: An Introduction to Gaining Greater Market Insight	Paul Hague, Matthew Harrison, Julia Cupman and Oliver Truman	Kogan Page, 2016	1	Chuyên đề 2: Nghiên cứu Marketing		IV	Tài liệu số
321	Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	PGS. Nguyễn Văn Thắng	Đại học Kinh tế quốc dân, 2022, Việt Nam	10	Đề án tốt nghiệp		IV	

STT	Tên giáo trình/sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
322	Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	Đại học Kinh tế quốc dân, 2014, Việt Nam	3	Đề án tốt nghiệp		IV	
323	Giáo trình phương pháp điều tra và khảo sát: Nguyên lý và thực tiễn	Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Vũ Hùng	Đại học Kinh tế quốc dân, 2015, Việt Nam	3	Đề án tốt nghiệp		IV	
324	Tài liệu học tập Nghiên cứu marketing	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Nội bộ, 2021, Việt Nam	1	Đề án tốt nghiệp		IV	Tài liệu số
325	Giáo trình quản trị chiến lược	Hà Sơn Tùng, Ngô Kim Thanh	Đại học Kinh tế quốc dân, 2022, Việt Nam	10	Đề án tốt nghiệp		IV	
326	Giáo trình quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Vân Điềm	Đại học Kinh tế quốc dân, 2019, Việt Nam	1	Đề án tốt nghiệp		IV	
327	Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp	Phạm Quang Trung,...[và những người khác]	Đại học Kinh tế quốc dân, 2011, Việt Nam	2	Đề án tốt nghiệp		IV	
328	Giáo trình Quản trị marketing	Trương Đình Chiến	Đại học Kinh tế quốc dân, 2013, Việt Nam	3	Đề án tốt nghiệp		IV	

PHẦN VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Đề án mở ngành đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Nhà trường giao cho Khoa Quản trị và Marketing chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học. Bộ môn Quản trị là đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Nhà trường về chất lượng đào tạo. Trưởng khoa Quản trị và Marketing có trách nhiệm phối hợp với các Khoa liên quan tổ chức, chỉ đạo tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần đảm bảo mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, đồng thời phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, của địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và của xã hội.

6.1. Bộ máy quản lý cấp Khoa

Về Bộ máy quản lý: Ban chủ nhiệm khoa gồm có 02 người: 01 Trưởng khoa; 01 Phó Trưởng khoa. Hiện tại Khoa có 2 Bộ môn là: Bộ môn Quản trị và Bộ môn Marketing.

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
1. Ban chủ nhiệm Khoa			
Trưởng khoa	Lưu Khánh Cường	1973	TS; Trưởng Khoa
Phó trưởng khoa	Mai Thị Lụa	1980	ThS; Phó trưởng khoa
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn			
Chi ủy	Lưu Khánh Cường Mai Thị Lụa Nguyễn Tiến Mạnh	1973 1980 1978	TS; Bí thư ThS; Phó bí thư ThS; Chi ủy viên
Công đoàn CS Hà Nội	Trần Thị Kim Phượng Nông Mai Thanh	1983 1987	ThS; Tổ trưởng ThS; Tổ phó
Công đoàn CS Nam Định	Nguyễn Viết Bình Trần Thị Vân	1981 1982	ThS; Tổ trưởng ThS; Tổ phó
Liên chi đoàn Khoa Quản trị và Marketing	Nguyễn Văn Kỷ Đặng Thị Thu Phương Đan Thu Vân	1989 1989 1989	ThS; Bí thư ThS; Phó bí thư ThS; Ủy viên BCH liên chi

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
3. Các bộ môn			
Bộ môn Quản trị	Phạm Trung Hải	1983	ThS; Phó trưởng, Phụ trách bộ môn
	Trần Thị Vân	1982	ThS; Phó trưởng bộ môn
Bộ môn Marketing	Trần Việt Dũng	1981	ThS; Phó trưởng, Phụ trách bộ môn
	Vũ Văn Giang	1989	ThS; Phó trưởng bộ môn

6.2. Bộ môn quản lý chuyên môn

Khoa giao cho Bộ môn Quản trị quản lý chuyên môn CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ, với các nhiệm vụ chuyên môn cụ thể như sau:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của những môn học được giao trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ, kế hoạch giảng dạy chung của Trường, của Khoa;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học; tổ chức biên soạn giáo trình, xây dựng tài liệu tham khảo phù hợp với nội dung môn học được trưởng khoa, Hiệu trưởng giao;

c) Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học viên theo quy định của nhà trường;

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của trường và khoa;

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ;

e) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân, của Bộ môn, của Khoa và Trường theo yêu cầu của Hội đồng trường và Trưởng khoa.

PHẦN VII. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

7.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

Với mong muốn phát triển đào tạo bậc học thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đặt mục tiêu trong

5 năm tới đạt được 20% đội ngũ GV có trình độ PGS, 50% đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ, phát triển GV có chức danh GS, khoảng 15% giảng viên chuyên môn có thể giảng dạy bằng tiếng Anh. Cụ thể:

- Chuẩn hoá đội ngũ GV bằng cách bổ sung, bồi dưỡng, sàng lọc đội ngũ GV, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ. Mời chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài có kinh nghiệm giảng dạy, có phương pháp giảng dạy tốt tham gia giảng dạy để bồi dưỡng kỹ năng đổi mới phương pháp giảng dạy cho GV.

- Phát triển đội ngũ GV cơ hữu có chức danh PGS ngành Quản trị kinh doanh, và TS ngành Quản trị kinh doanh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ cán bộ giảng dạy tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước và học tập để nâng cao trình độ từ các chương trình, dự án, chương trình hợp tác đào tạo trong và ngoài nước theo đúng chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ;

- Nhà trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho đội ngũ GV, đặc biệt là các GV trẻ được bồi dưỡng, tự bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, học tập các chứng chỉ chuyên môn về Quản trị kinh doanh, tham gia các khóa học nâng cao trình độ ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy thạc sĩ, kỹ năng sử dụng CNTT phục vụ công tác đào tạo và NCKH;

- Khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ GV đăng ký các phát minh, sáng chế giải thưởng KHCN trong nước và quốc tế;

- Có cơ chế đồng bộ nhằm thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ GV giỏi từ nhiều nguồn trong và ngoài nước;

- Kết nối GV liên ngành, liên trường trong nước và nước ngoài trên các lĩnh vực giảng dạy và NCKH để tiếp thu kinh nghiệm và phương pháp mới.

7.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, trong vòng 5 năm tới, toàn bộ khu giảng đường cơ sở 218 Lĩnh Nam, Hà Nội sẽ ngày càng hoàn thiện về cơ sở vật chất, với số lượng vài trăm giảng đường, cùng các phòng hội thảo, phòng chức năng, phòng thực hành sử dụng cho công tác đào tạo. Hệ thống thư viện, giáo trình cũng nằm trong kế hoạch phát triển của nhà trường với dự kiến tăng thêm 3 phòng đọc với tổng diện tích 500 m^2 với đầy đủ đầu sách tương ứng với chương trình đào tạo và số lượng sách tương ứng với lưu lượng sinh viên, học viên.

7.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học

Hiện nay, cùng với sứ mạng và sự phát triển của Nhà trường ngày càng lớn, với xu hướng toàn cầu hóa ngày càng sâu, rộng trong mọi lĩnh vực, công tác hợp tác quốc tế trong Nhà trường ngày càng quan trọng. Nhận thức được vấn đề này, Nhà trường hiện đang triển khai một loạt các nhiệm vụ:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, có trình độ và năng lực để thực hiện hiệu quả công tác quan hệ quốc tế, thu hút các nguồn vốn đầu tư, vốn vay, tài trợ, học bổng. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế của các khoa, gắn các chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học với các hoạt động quan hệ quốc tế;

- Tham gia hợp tác và liên kết một cách bình đẳng với các trường đại học và các trung tâm nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất;

- Thường xuyên tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế; đẩy mạnh các chương trình giao lưu, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên và sinh viên, hướng tới việc tạo một mạng lưới liên kết ổn định;

- Thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động quan hệ quốc tế để có định hướng lựa chọn đối tác phù hợp, đẩy mạnh các bước hợp tác tiếp theo sau khi đã đặt mối quan hệ.

- Thực hiện các nhiệm vụ này, trong những năm gần đây, Nhà trường tiếp tục đưa mối quan hệ với các đối tác hiện có đi vào chiều sâu và mở rộng quan hệ với các đối tác mới, như: Trường Đại học Western Sydney của Australia, Đại học Quốc gia Habat Hàn Quốc; Trường Đại học Khoa học và Công nghệ của Đài Loan; Trường Đại học quốc gia Lào, Trường Đại học Công nghệ thực phẩm Plovdiv của Bulgaria… với mục đích hợp tác đào tạo và trao đổi về nghiên cứu khoa học, hỗ trợ lẫn nhau về các chương trình đào tạo tiên tiến và hướng vào việc mở các lớp chất lượng cao trên tinh thần hợp tác, cùng có lợi. Mặt khác, hợp tác quốc tế đã tạo điều kiện cho các cán bộ được tham gia các lớp học bồi dưỡng, có cơ hội giao lưu, học hỏi, tranh thủ sự giúp đỡ của các trường Đại học, các tổ chức Quốc tế trong việc tăng cường trang thiết bị cho nhà trường.

Trong kế hoạch 5 năm tới, Nhà trường đã dự kiến một số chương trình hợp tác với các trường nước ngoài trong công tác đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, cụ thể là:

+ Chương trình đưa GV đi tu nghiệp, thực tập, tập huấn cập nhật chế độ, phương pháp giảng dạy mới;

+ Chương trình đưa GV đi đào tạo tiến sĩ ở các nước tiên tiến;

+ Chương trình hợp tác đào tạo với các trường: Trường Đại học Western Sydney của Australia, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ của Đài Loan; Trường Đại học quốc gia Lào, Trường Đại học Công nghệ thực phẩm Plovdiv của Bulgaria.

PHẦN VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

8.1. Rủi ro trong mở ngành đào tạo

Có một số rủi ro trong quá trình đào tạo ngành cần mở như sau:

* Khó khăn trong quá trình tuyển sinh, do các nguyên nhân sau:

- Nhu cầu của thị trường lao động thay đổi. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu lao động, như:

+ Vốn đầu tư: Vì một lí do nào đó, vốn đầu tư cho mở các doanh nghiệp mới hoặc để đầu tư cho các thiết bị, nhà xưởng, các dây chuyền sản xuất tăng; sẽ làm nản lòng các nhà đầu tư; từ đó nhu cầu sử dụng lao động của thị trường sẽ giảm trong đó nhu cầu về lao động ngành Quản trị kinh doanh cũng có nguy cơ sụt giảm theo, dẫn đến sẽ ảnh hưởng tới đầu vào của đào tạo.

+ Khoa học công nghệ: Khoa học công nghệ phát triển; một số khâu trong quản lý và kinh doanh được tự động hóa nhờ các robot và công nghệ trí tuệ nhân tạo AI. Đây cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến thị trường lao động ngành Quản trị kinh doanh đối mặt với rủi ro cần ít nhân lực hơn từ đó gây khó khăn trong quá trình tuyển sinh. Tuy nhiên, ngành Quản trị kinh doanh không chỉ đòi hỏi kiến thức chuyên môn mà còn các kỹ năng mềm, giao tiếp và sự linh hoạt nên mặc dù rủi ro này vẫn tồn tại nhưng so với nhiều ngành khác cũng không quá đáng ngại.

+ Chất lượng chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Các nước trên thế giới đều quan tâm đến việc điều chỉnh hợp lý cơ cấu kinh tế của mình. Đối với các nước phát triển hàng đầu trên thế giới, với nền kinh tế công nghiệp đó được phát triển từ đầu thế kỷ 20, thì mối quan tâm là tạo ra những lĩnh vực công nghệ mới, có hiệu quả cao, đặc biệt là các công nghệ tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường. Để đổi mới công nghệ sản xuất, các nước công nghiệp hóa tìm cách chuyển những công nghệ lạc hậu hoặc kém tính cạnh tranh sang các nước kém phát triển hơn. Cơ cấu kinh tế thay đổi dẫn đến sự thay đổi cơ cấu, tác động mạnh đến số lượng và chất lượng lao động, vì lao động được xem là nguồn lực của quan trọng cho phát triển kinh tế. Kinh tế càng phát triển thì khả năng thu hút sức lao động càng cao và ngược lại. Cơ cấu kinh tế luôn biến đổi cho phù hợp với sự phát triển của thế giới, thị trường luôn biến động thì thị trường lao động cũng biến động không ngừng để đáp ứng cho nhu cầu của nền kinh tế. Cơ cấu kinh tế thay đổi dẫn đến nhu cầu về lao động cũng thay đổi theo. Trong khi đó, nguồn cung lao động tăng lên không ngừng tạo ra áp lực lớn cho nhu cầu lao động. Đây cũng có thể là nhiệm vụ khó khăn khi nhu cầu đào tạo nhân lực có chất lượng cao tăng lên, vượt quá khả năng của cơ sở đào tạo, đặc biệt là đối với nhân lực ngành Quản trị kinh doanh được xem là ngành chịu sự tác động rất lớn từ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các đòi hỏi mới của thị trường lao động hội nhập.

+ Mức lương, nhu cầu về các sản phẩm, năng suất lao động,… cũng là các yếu tố tác động tiêu cực đến nhu cầu của nhân lực Quản trị kinh doanh của thị trường lao động.

- Cạnh tranh ngày càng gay gắt. Những năm gần đây, cạnh tranh trong đào tạo sau đại học tăng đáng kể khi số lượng cơ sở đào tạo sau đại học tăng mạnh. Cả nước hiện có đến khoảng 200 cơ sở đào tạo sau đại học với quy mô đào tạo khoảng 100.000 học viên. Ngoài ra, cả nước còn có hơn 240 chương trình liên kết đào tạo đại học và sau đại học với nước ngoài được cấp phép. Trong đó ngành Quản trị kinh doanh là ngành được cho là có mức độ trùng lặp về đào tạo trình độ thạc sĩ cao nhất ở các đơn vị đào tạo. Điều này gây khó khăn cho công tác tuyển sinh của trường.

* Thiếu nguồn lực giảng viên: do yêu cầu nâng cao trình độ để đáp ứng được với công nghệ mới.

8.2. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro

- Giải pháp đối với rủi ro về nhu cầu thị trường lao động: Để đối phó được với những rủi ro về thị trường lao động, Nhà trường và Khoa tập trung đào tạo đội ngũ học viên phù hợp với thị trường lao động. Cụ thể:

+ Hàng năm nhà trường và khoa tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ đáp ứng của chuẩn đầu ra để điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu từ thị trường lao động.

+ Nhà trường yêu cầu Khoa thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo và 2 năm Nhà trường tiến hành điều chỉnh lớn 1 lần cả chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

+ Nhà trường và Khoa thường xuyên kết hợp với doanh nghiệp để tăng cường giảng dạy gắn với thực tiễn.

+ Khoa thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, chủ động mời các chuyên gia, các bên liên quan nhằm đánh giá, cập nhật những kiến thức, công nghệ mới.

+ Nhà trường đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất, công nghệ mới cho giảng dạy và nghiên cứu; để đáp ứng sự đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động.

- Giải pháp đối với rủi ro về nguồn lực giảng viên: Hàng năm khoa có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, cập nhật các kiến thức mới để đáp ứng điều chỉnh các nội dung học phần sao cho phù hợp với sự thay đổi từ thị trường lao động.

PHẦN IX. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đề án mở ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ đã được công khai tại website https://uneti.edu.vn

2. Đề nghị của Khoa chuyên môn:

Để khẳng định việc mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh – trình độ thạc sĩ sẽ đem lại kết quả và đảm bảo chất lượng, Khoa Quản trị và Marketing có một số đề nghị với Nhà trường như sau:

+ Xây dựng chiến lược đào tạo: cần phải có một chiến lược đào tạo rõ ràng, xác định được mục tiêu đào tạo, đối tượng học viên, nội dung chương trình đào tạo, các phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả;

+ Nâng cao chất lượng giảng viên: Giảng viên đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Nhà trường cần đầu tư để tuyển dụng và đào tạo giảng viên có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm thực tiễn, có kỹ năng dạy tốt và đam mê nghề.

+ Đầu tư trang thiết bị hiện đại: Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường cần đầu tư vào trang thiết bị hiện đại, đầy đủ và đáp ứng được nhu cầu của ngành quản trị kinh doanh;

+ Xây dựng mối quan hệ với doanh nghiệp: Nhà trường cần xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp để có được thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kỹ năng cần thiết;

+ Đánh giá kết quả đào tạo: Nhà trường cần đánh giá kết quả đào tạo của học viên, đo lường sự tiết bộ và đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

3. Cam kết triển khai thực hiện Khoa Quản trị & Marketing Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cam kết triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong Đề án, đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ theo các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Hội đồng KH&ĐT;
- Lưu: Hồ sơ mở ngành.

TM. BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
TRƯỞNG BAN

TRƯỞNG KHOA QT&MARKETING
TS. Lưu Khánh Cường